

BÁCH KHOA

9

15 THÁNG NĂM 1957

Trong số này :

- HUỲNH-VĂN-LANG *Tìm hiểu cán-cân chí-phó*
- PHẠM-NGỌC-THẢO *Vấn-đề tập-trung lực-lượng
trong quân-đội*
- PHẠM-HOÀNG-HỘ *Nguồn-gốc đời-sống và khoa-học*
- PHẠM-TUÔNG-TRINH *Thử góp ý-kiến về việc giáo-dục
trẻ em ở cấp Tiểu-học*
- NGUYỄN-HUY-THANH *Vấn-đề bảo-hiêm*
- THUẦN-PHONG *Tình giao-kết trong câu hò miền Nam*
- BÙI-GIÁNG *Hồ-xuân-Hương*
- Ngô-Í NGUYỄN-HỮU-NGUYỄN *Một chuyện tù Côn-lôn vượt ngục*
- MINH-ĐỨC *Cái chết của ông Nhân khùng*
- GIOVANNI PAPINI {
NGUYỄN-ĐỨC-AN dịch { *Ký-ức của một người điên*
- TU-VU
(bản dịch của Vi-Huyền-Đắc) *Nhất gia (Truyện dài)*

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

Trong những số tới:

HUỖNH-VĂN-LANG : Thử tìm một giải-pháp để giúp các nhà nhập-cảng giải-quyết vấn - đề phân - phối hàng - hoá.

HOÀNG-MINH-TUYNH : Rút-xô với bộ Dân-tróc-luận.

PHẠM-NGỌC-THẢO : Vấn-đề xử-dụng người.

Cha Tuyên-Ủy
NGUYỄN-HUY-LỊCH : Người trước dư-luận.

NGUYỄN-HUY-THANH : Vấn-đề bảo-hiêm (tiếp theo)

BÌNH-NGUYỄN-LỘC : Thử - minh oan cho Tấn-thi-Hoàng

THUẦN-PHONG : Lễ giá-thú trong câu hò miền Nam

TUYẾT-NGA : Chung-quanh vấn-đề nam nữ bình-quyền

LÊ-VĂN : Anh Mười Méo.

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Giá tiền trên đã tính cả cước - phí.

TÒA SOẠN : 412-414, đại-lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE

*Même si vous n'allez pas
à la*

FOIRE DE TOKIO

*Il est temps
de réserver
vos Places
à*

AIR FRANCE

*Pour n'importe
quel point du monde!*

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RESEAU DU MONDE

12, DAÏ LỘ THÔNG NHỰT, 12

Tél: { 20.981
à
20.984



ET TOUTES AGENCES DE
VOYAGES AGRÉES

*Toujours
à la pointe
du progrès*

AIP.56

TÌM HIỂU CÂN-CÂN CHI-PHÓ

(BALANCE DES PAIEMENTS)

TRƯỚC khi nói đến chính cân- cân chi-phó, thiết-nghĩ cũng nên có vài lời về thẻ-thức chi-phó giữa các nước với nhau. Bài này cũng còn nằm trong khuôn-khổ tiền-tệ, nhưng ở đây sự xử-dụng tiền-tệ không bị ràng-buộc trong biên-thùy của một nước, mà trái lại, đi ra ngoài ranh-giới của một nước, giữa các chánh-phủ, công - ty hay tư - nhân với nhau. Những nguyên-tắc chánh về nội-thương cũng vẫn được áp-dụng về ngoại-thương. Cũng như nội-thương, ngoại-thương, chính bản-tính của nó, là một thứ mậu-dịch tương - tiêu (troc) : chung - qui chẳng qua là hàng-hoá và dịch-vụ đổi lấy hàng-hoá và dịch - vụ. Sự mậu-dịch tương-tiêu ấy có điều bất-liện cho ngoại - thương như cho nội-thương. Và thực-sự còn bất-liện gấp mấy lần hơn, vì vấn-đề cách-biệt xa-xôi giữa người mua và người bán. Cho nên tiền-tệ vẫn là phương-tiện tối cần để cho ngoại - thương được dễ-dàng. Hơn nữa, ngoại-thương cũng như nội-thương phải nhờ thứ tiền-tệ được chuyên-chở lệ-làng : rẽ liền và vững-chắc. Tất - nhiên ta có thể chuyên-chở quý-kim hay giấy bạc để trang - trải các việc mậu-dịch, nhưng đó lại hao-tốn, không lệ-làng hơn tàu thủy, tàu hoả, máy bay... được, và nhất là có phần nguy-hiểm mất-mát là khác. Cho được tránh sự hao-tốn và bất-liện ấy, thì các việc chi-phó quốc-tế cũng như nội-thương thường-thường thanh-toán bằng hối-phiếu và lệnh phát-ngân (ordres télégraphiques). Ngân-hàng cũng đóng một vai tuồng giống như là ở trong nước. Nhưng thường hối-phiếu hay lệnh phát-ngân phát-xuất tên các ngân - hàng, cho nên nợ của các ngân-hàng tức là tiền-tệ thường dùng ở trong các sự mậu - dịch quốc - tế. Ta thường trả nợ cho người ngoại-quốc bằng sự trao cho họ quyền chủ nợ trên các ngân-hàng Việt-Nam hay ngân - hàng ngoại-quốc và người ngoại-quốc trả nợ ta bằng sự trao cho ta quyền chủ nợ trên các ngân-hàng Việt-Nam hay ngoại-quốc.

Cái điểm chánh phân-biệt nội-thương và ngoại thương là việc chi-phó quốc-lẽ liên-can đến ít ra là hai chỗ không phải chỉ một thứ tiền-lẽ. Người Việt có thể trả nợ cho người Pháp với quyền chủ nợ một món tiền bằng phát-lãng hay bạc Việt-Nam. Nếu người Việt-Nam phải trả bằng đồng phát-lãng thì họ thường vào thị-trường hối-đoái lấy bạc Việt-Nam mua quyền chủ nợ bằng phát-lãng : họ phải « đổi » hay hối-đoái bạc Việt-Nam ra phát-lãng. Nếu phải trả bằng bạc Việt-Nam thì người Pháp chủ nợ giữ quyền chủ nợ bạc Việt-Nam ấy bán ra thị-trường Pháp để lấy phát-lãng. Thị-trường hối-đoái tức là nơi buôn-bán hay đổi-chác đồng tiền này ra đồng tiền khác để cho các cuộc chi-phó quốc-lẽ được dễ-dãi hơn. Trên thị-trường hối-đoái thường thường là mua bán hối-phieu và lệnh phát-ngân bằng điện-tín ghi bằng nhiều thứ chữ-tệ khác nhau. Danh-từ ngoại-lẽ có thể chỉ chữ-tệ của một nước như đồng Phát-lãng, Anh-kim, Mỹ-kim, nhưng cũng hiểu rộng chỉ cả những thương-phieu, hối-phieu... tất cả những quyền chủ nợ ghi bằng một chữ-tệ khác hơn là đồng tiền trong nước.

Sự trao-đổi giữa một quốc-tệ này và một quốc-tệ khác thường do một tỷ-lệ giữa 2 chữ-tệ, tỷ-lệ ấy gọi là hối-xuất, mà hối-xuất chẳng qua là giá đồng bạc này tính theo đồng bạc kia. Nếu ta bảo rằng hối-xuất 1 đồng bạc Việt-Nam ăn 10 đồng phát-lãng nghĩa là giá 1 VN\$ là 10 phát-lãng. Nếu hối-xuất hay tỷ-lệ 1/10 ấy thay-đổi ví-dụ $1 \text{ VN\$} = 5 \text{ phát-lãng}$, thì có nghĩa là giá đồng phát-lãng lên tính theo bạc Việt-Nam, hay là bạc Việt-Nam xuống giá, tính theo đồng phát-lãng. Ở đây, chúng tôi không đi sâu vào vấn-đề hối-đoái (1 bài sau sẽ nói dài hơn) nhưng chúng tôi cũng không quên thêm rằng chính số cung-cầu chữ-tệ định-đoạt lấy cái tỷ-lệ « hối-xuất » ấy trên thị-trường hối-đoái tự-do ; còn hối-xuất chính-thức thì chỉ do luật chánh-phủ nhất-định.

Ngân-hàng và chi-phó quốc-tế

Nếu không biết sự giao-thiệp giữa các ngân-hàng các nước với nhau thì không làm sao hiểu được sự chi-phó quốc-lẽ. Mỗi nước đều có một hệ-thống ngân-hàng của mình, và các hệ-thống ngân-hàng các nước liên-lạc với nhau nhiều cách, nhiều thể, thường thường là qua các ngân-hàng lớn. Ví-dụ ở nước ta, một hai ngân-hàng Pháp trực-tiếp liên-lạc với gần hết các ngân-hàng trong khắp thế-giới và gián-tiếp qua các ngân-hàng khác. Những liên-lạc quốc-tế ấy được thành-lập do hai hệ-thống sau đây : 1.) hoặc qua các chi-nhánh của mình ở ngoại-quốc ; 2.) hoặc qua các đại-diện (correspondants) của mình ở ngoại-quốc.

Các ngân-hàng to lớn như Pháp-Á Ngân-Hàng ở Việt-Nam ta, Chase National Bank ở Mỹ và nhiều ngân-hàng Anh, Hoà-Lan có chi-nhánh nhiều nơi trong thế-giới. Các chi-nhánh ấy hoạt-động như một ngân-hàng bản-xứ khác, nếu luật-lệ xứ ấy cho phép. Các chi-nhánh ấy chẳng những là liên-lạc các hệ-thống ngân-hàng với nhau, mà như là đại-diện cho các ngân-hàng to lớn của các nước.

Một tỷ-dụ để hiểu sự liên-lạc theo hệ-thống đại-diện: Việt-Nam Thương-Tín ở Việt-Nam và Chase National Bank ở Nữu-uớc đại-diện lẫn cho nhau. Như thế thì ngân-hàng này làm việc cho ngân-hàng kia, và họ thanh-toán với nhau bằng cách trưng-tiêu hay điều-định với nhau:

Ngân-hàng này trả nợ cho ngân-hàng kia;

Ngân-hàng này giữ giao-trữ cho ngân-hàng kia;

Ngân-hàng này có thể cho ngân-hàng kia mượn cho đến một mức tối-đa nhất định. Tỷ dụ: bạn muốn mua một ngân-phiếu 1.000 US \$ khi giá 1 US \$ = 35 \$VN, Việt-Nam Thương-Tín có thể bán cho bạn hối-phiếu phát-xuất (tirer) trên Chase National Bank dù là giao-trữ của Việt-Nam Thương-Tín ở Chase đã hết. Và Chase sẽ trả cho bạn 1.000 US \$; Việt-Nam Thương-Tín mắc Chase 1.000 US \$ và có thể mua một hối-phiếu 1.000 US \$ gửi trả cho Chase liền, hoặc mở lại cho Chase một ngân-khoản là 35.000 \$VN ở Việt-Nam. Nhờ thế mà các cuộc chi-phó quốc-lẽ qua hệ-thống đại-diện được thực-hiện một cách dễ-dàng. Người Việt-Nam có thể trả nợ ngoại-quốc bằng lệnh phát-ngân hay hối-phiếu phát-xuất trên các đại-diện ngân-hàng ở ngoại-quốc.

Và người ngoại-quốc trả nợ ở Việt-Nam dễ-dàng bằng cách gửi lệnh-phát-ngân hay hối-phiếu phát-xuất trên các đại-diện của các ngân-hàng ngoại-quốc ở Việt-Nam. Một điều nên lưu-ý là một ngân-hàng ở Việt-Nam như Việt-Nam Thương-Tín có thể bán hối-phiếu phát-xuất trên một ngân-hàng khác ở ngoại-quốc mà không cần phải là đại-diện của Việt-Nam Thương-Tín. Tỷ-dụ: bạn muốn trả 1.000 Can. \$ ở Montréal mà không có ngân-hàng nào ở Việt-Nam có đại-diện ở Montréal. Việt-Nam Thương-Tín cũng có thể bán cho bạn hối-phiếu phát-xuất trên một ngân-hàng ở Montréal, bảo ngân-hàng này khi trả hối-phiếu ấy thì cứ ghi nợ của Ngân-hàng Chase ở New-York một số tiền như thế. Thực ra, bạn trả Việt-Nam Thương-Tín, Việt-Nam Thương-Tín trả Chase và Chase trả Bank of Montréal và Bank of Montréal trả cho chủ nợ của bạn.

Trên đây chúng tôi đã trình-bày sơ-lược về guồng máy chi-phó quốc-lẽ, bây giờ chúng tôi xin đề-cập tới thương-phieu và lệnh-phát-ngân phát-xuất tên các ngân-hàng.

Thương-phieu

Thương-phieu là một loại hối-phieu phát-xuất tên tư-nhân chứ không phải tên ngân-hàng. Cho được hiểu cách xử-dụng thương-phieu trong việc chi-phó quốc-lẽ, tôi xin đưa ra đây một tỷ-dụ cụ-thể: (1) Việt-Nam Công-Ty ở Sài-gòn bán gạo cho Durand Cie ở Pháp giá 40 triệu quan và phát-xuất tên Durand Cie một thương-phieu, bắt Durand Cie phải trả 40 triệu trong 30 ngày cho Việt-Nam Công-Ty; (2) Trong lúc đó Đại-Nam Công-Ty ở Sài-gòn lại mua của Dupont Cie ở Pháp một số vải trắng, cũng đáng giá ngàn ấy. Tỷ-dụ hối-xuất là $1\$ = 10$ quan. Làm sao để thanh-toán hai vụ mậu-dịch trên mà khỏi phải chuyên-chở bạc hay vàng? Việt-Nam Công-Ty hoặc trực-tiếp hoặc gián-tiếp qua các ngân-hàng bán cho Đại-Nam Công-Ty thương-phieu phát-xuất tên Durand ở Pháp lổi 4 triệu bạc Việt-Nam. Như thế Việt-Nam Công-Ty bán gạo lãnh được bạc V.N. tại Sài-gòn. Đại-Nam Công-Ty gửi thương-phieu 40 triệu phát-lãng ấy cho Dupont Cie và Dupont Cie sẽ lấy tiền của Durand Cie lại. Hai sự mậu-dịch được thanh-toán khỏi phải chở vàng bạc để trả qua trả lại; xuất-cảng được trả bằng nhập-cảng: Đại-Nam Công-Ty nhập-cảng trả Việt-Nam Công-Ty xuất-cảng, Durand Cie Pháp nhập-cảng trả Dupont Cie Pháp xuất-cảng.

Nhưng chi-phó quốc-lẽ bằng thương-phieu có nhiều cái bất-lợi. (1) Trước hết người phát-phieu (tireur) và người-thừa-phó (tiré) thương-phieu trong trường-hợp này là Việt-Nam Công-Ty và Durand phải là người đứng-đắn, người ta biết tên tuổi rõ-ràng, như thế thương-phieu có kỷ chuyển-nhượng mới bán được: Đại-Nam Công-Ty có thể nghi-ngờ không chắc Durand Cie có trả nhanh-chóng và trả đủ không? Thương-phieu do một ngân-hàng ký dưới hình-thức tín-dụng-thư (lettre de crédit) thường thường dễ mua bán hơn. (2) Số tiền của thương-phieu có khi quá nhiều hay quá ít cho người cần phải mua. Khó mà kiếm người cần dùng đúng 40 triệu không hơn không kém như Đại-Nam Công-Ty. (3) Thời-gian chủ nợ hay con nợ cần tiền có khi hơn khi kém. Trong ví-dụ trên đây là 30 ngày, nhưng nếu Đại-Nam Công-Ty cần sớm hơn hay trễ hơn thì khó mà thanh-toán xong. Vì những lẽ trên, thương-phieu ít khi được dùng rộng-rãi để chi-phó quốc-lẽ, nếu có thì cũng chỉ dùng trong trường-hợp tương-tự như trên.

Nếu Durand Cie là một nhà to lớn quen biết thì thương-phieu phát-xuất tên ông ta sẽ đem bán dễ-dãi. Cho nên Việt-Nam Công-Ty

sẽ phát-xuất một thương-phieu tên ông ta và làm như thế này : Việt-Nam Công-Ty sẽ ký chuyển-nhượng và đem bán cho ngân-hàng V.N. của mình lổ 4 triệu bạc Việt-Nam. Ngân-hàng của ông ta sẽ gửi qua Pháp đề cho Durand Cie chứng-nhận và rồi sẽ đem chiết-khấu ở thị-trường hối-đoái. Như thế ngân-hàng Việt-Nam sẽ có một ngân-khoản ở Pháp lổ dưới 40 triệu quan; các nhà xuất-cảng Việt-Nam sẽ có tin-dụng ở ngoại-quốc và ngân-hàng Việt-Nam có thể bán hối-phieu cho người Việt-Nam nào muốn trả nợ ở Pháp.

Thẻ-thức chi-phó trên đây cũng dùng nhiều nhưng ít dùng hơn là hối-phieu phát-xuất tên ngân-hàng thường là lệnh phát-ngân bằng điện-tin (ordres télégraphiques).

Lệnh phát ngân (ngân = ngoại-tệ).

Nếu Durand Cie và Việt - Nam Công-Ty muốn sự mua bán gạo của họ được thanh-toán bằng hối-phieu phát-xuất tên một ngân-hàng, thì họ sẽ làm như sau đây. Durand Cie lấy tin-dụng-thư của một ngân-hàng ở Pháp và ngân-hàng ấy nhận làm thừa-phó nếu ngân-phieu không quá 40 triệu và nếu thời-hạn không quá 30 ngày, nếu gạo đúng lượng-phẩm và nếu hối - phieu có kèm theo một ít tài-liệu như tải-hoá-đơn, bảo - hiểm, tờ khai thương - khẩu v.v... Tin - dụng - thư sẽ gửi cho Việt-Nam Công-Ty, Việt-Nam Công-Ty đem gạo xuống tàu, lấy tải-hoá-đơn, giấy bảo - hiểm, giấy khai thương-khẩu v.v... Việt-Nam Công-Ty sẽ ký hối-phieu phát-xuất tên một ngân-hàng Pháp, ra lệnh cho ngân-hàng ấy trả 40 triệu cho mình hay theo lệnh của mình trong 30 ngày sau. Việt-Nam Công-Ty lấy hối-phieu và các giấy tờ tải-hoá-đơn, giấy bảo-hiểm và cả tin-dụng-thư đem lại ngân - hàng của mình ở Sàigòn và bán tất cả lổ 4 triệu bạc Việt-Nam. Ngân - hàng này sẽ gửi tất cả giấy tờ sang ngân-hàng đại-diện của mình ở Pháp, ngân-hàng ở Pháp sau này đem ký nhận hối-phieu của Việt-Nam Công-Ty phát-xuất tên ngân-hàng đã mở tin-dụng cho Durand Cie và đem bán hối-phieu trên thị-trường chiết-khấu ở Pháp. Ngân-hàng ở Việt - Nam có thể bán hối-phieu phạt-lãng cho Đại-Nam Công-Ty hay ai khác cần phạt-lãng để trả nợ ở Pháp. Thực ra, xuất-cảng ngoại-quốc vào Việt-Nam có thể tích-trữ ngân-khoản ở Việt-Nam để cho ngoại-quốc dùng ngân-khoản ấy trả nợ cho ta.

Đến đây là nói về mậu-dịch hàng-hoá, nhưng còn bao nhiêu loại mậu-dịch khác ảnh-hưởng đến sự cung - cầu chỉ-tệ trên thị-trường hối-đoái để đổi-chác lấy ngoại-tệ lẫn nhau.

Cân chi-phó quốc-tế

Cân chi-phó là một bản thống-kê những sự mậu - dịch của một quốc-

TÌM HIỂU CÂN-CÁN CHI-PHÓ

giữa với các nước trong một thời - gian nhất - định thường là một năm. Sau đây là cân - cán chi - phó của Việt - Nam năm 1955.

Cân chi-phó Việt-nam 1955 (1)

(từng 1.000 \$)

Hàng-hoá và dịch-vụ	Thải-phương (+)	Tá-phương (-)	Kết-số
Hàng-hoá	2.056.272	9.672.675	— 7.616.403
Du-lịch	38.619	356.524	— 317.905
Chuyên-chở	3.014	176.134	— 173.120
Bảo-hiêm	4	7.645	— 7.641
Lợi-lức tư-bản	350	120.189	— 119.839
Lợi-lức cần-lao	3.516	535.579	— 532.063
Dịch-vụ linh-tinh	72.628	744.745	— 672.117
Linh-tinh	40.568	72.136	— 31.568
Thu-chi Chánh-phủ	4.093.145	98.617	+ 3.994.528
Sửa-đổi	9.307	12.978	— 3.671
Tư-bản	7.177.823	307.465	+ 6.870.358
Công-sản	11.391.626	14.710.661	— 3.319.035
Tư-sản	1.575.994	703.236	+ 872.758
Nghiệp-vụ đang thực-hiện	940.463	0	+ 940.463
Sai-lạc	115.255	0	+ 115.255
	27.518.584	27.518.584	0

Nên lưu-ý là các sự mậu - dịch của một nước thường được ghi làm hai loại ; một bên là thải-phương (crédits) và một bên là tá-phương (débits). Ở đây thải-phương và tá - phương có nghĩa khác hơn là môn kế-toán thông-thường, bạn đọc nên lưu-ý cho.

Thải-phương gồm những sự mậu-dịch quốc-tế sanh ra món nợ mà ngoại-quốc phải trả cho quốc-gia hay thường - trú-nhân trong nước.

Ngoại-quốc có thể trả nợ cho ta bằng trả cho ta quyền sở-hữu lên chỉ-tệ của họ hoặc họ lấy chỉ - tệ của họ để mua quốc-tệ của ta trả lại cho ta. Trong hai trường-hợp, thải-phương sanh sự cung ngoại-tệ và cầu quốc - tệ trên thị - trường hối - đoái của ta hay ngoại - quốc. Tóm lại, thải-phương cung ngoại-tệ cho thường-trú-nhân của ta.

Tá-phương gồm các sự mậu-dịch quốc-tế sanh nợ quốc-gia hay thường-trú-nhân trong nước phải trả cho ngoại-quốc. Ta có thể trả ngoại-quốc

(1) Theo Balance générale des paiements du Việt Nam en 1955, Ngân-hàng quốc-gia Việt Nam 1956.

bằng mua chỉ-tệ của họ hay cho họ quyền sở-hữu trên quốc-tệ của ta hoặc bằng quốc-tệ của ta. Thế này hay thế nọ, lá-phương sanh ra cầu ngoại-tệ trên thị-trường hối-doái trong nước hoặc ngoài nước. Tá-phương gây cầu ngoại-tệ của các thường-trú-nhân trong nước.

Trước khi phân-tách cân-cân chi-phó từng chi-tiết, ta nên lưu-ý hai điểm sau đây : 1 — Trong một thời-gian nhất-định, bao giờ tổng-số thái-phương cũng bằng tổng-số lá-phương. Ta biết rằng tổng-số thái-phương của cân-cân chi-phó của một nước trong một thời-gian nhất-định là tất cả những chi-phó của ngoại-quốc trả cho nước nhà trong thời-gian ấy và tất cả tổng-số lá-phương là những cách thế nước nhà dùng những chi-phó ấy ở ngoại-quốc. Trái lại, ta có thể nói tất cả tổng-số bên lá-phương là tất cả những chi-phó nước nhà phải trả cho ngoại-quốc và tổng-số thái-phương là tài-nguyên để chi-phó ở ngoại-quốc ; 2 — Thái-phương của nước này là lá-phương của nước khác trong cân-cân chi-phó. Xuất-cảng gạo của Việt-Nam qua Pháp là thái-phương cân-cân chi-phó của Việt-Nam và lá-phương cân-cân chi-phó của Pháp.

Thái-phương

Những sự mâu-dịch chánh sanh ra sự cung ngoại-tệ cho thường-trú-nhân trong nước trong một thời-gian nhất-định là những cái sau này :

- 1.) Xuất-cảng hàng-hoá kể cả vàng bạc.
- 2.) Dịch-vụ chuyên-chở, bảo-hiêm do các công-ty Việt-Nam làm cho thường-trú-nhân ngoại-quốc.
- 3.) Chi-tiên-du-lịch của ngoại-quốc ở Việt-Nam.
- 4.) Bán giá-khoản của tư-nhân Việt-Nam cho tư-nhân ngoại-quốc hay nợ ngắn hạn của tư-nhân Việt-Nam mượn tư-nhân ngoại-quốc.
- 5.) Nợ dài hạn của ngoại-quốc trả cho tư-nhân Việt-Nam.
- 6.) Nợ hay đền-bồi chiến-tranh ngoại-quốc trả cho Việt-Nam
- 7.) Tiền lời và tiền chia cổ-phần ngoại-quốc trả cho Việt-Nam.
- 8.) Tiền tiết-kiệm, đóng góp bác-ái, tổ-chức giáo-dục quốc-tế... ngoại-quốc trả cho Việt-Nam.

Không cần phải nhắc lại là những sự mâu-dịch trên đây bắt người ngoại-quốc phải trả cho ta bằng cách trao cho ta quyền chủ nợ trên chỉ-tệ của họ hoặc bằng cách mua bạc Việt-Nam trả lại cho ta. Cần phải nói thêm về một hai điều không rõ. Trước hết, sự xuất-cảng vàng bạc cũng kể như xuất-cảng hàng-hoá. Kể đó là những khoản 4, 5, 6 trên gọi là « nhập-cảng tư-bản ». Nhập-cảng tư-bản cũng như xuất-cảng hàng-hoá phải được ghi bên thái-phương. Cho được hiểu về

hơn thì đừng nói « nhập-cảng tư-bản » mà nên gọi là xuất-cảng giá-khoán hay các trái-phieu tương-tợ. Trong ba mục đó thì có hai loại giá-khoán ngân-phieu tương-tợ : một loại gồm các quyền chủ nợ trên các ngân-hàng Việt-Nam bán ra ngoại-quốc và một loại gồm các quyền chủ nợ trên các Ngân-hàng ngoại-quốc đã nhập-cảng vào Việt-Nam bây giờ lại bán trở lại ra ngoại-quốc. Cách này hay cách nợ, ngoại-quốc phải trả nợ cho ta nếu muốn nhập-cảng vào xứ họ những giá-khoán hay quyền chủ nợ ấy.

Tá-phương

Những sự mâu-dịch chánh bắt ta phải trả nợ cho người ngoại-quốc trong một thời-gian nhất-định, tức là sanh ra sự cầu ngoại-tệ, sự cung bạc Việt-Nam là những cái sau đây :

1. — Nhập-cảng hàng-hoá kể cả vàng bạc.
2. — Dịch-vụ chuyên-chở bảo-hiêm các người ngoại-quốc làm cho thường-trú-nhân ở Việt-Nam.
3. — Chi-tiêu du-lịch của thường-trú-nhân Việt-Nam ở ngoại-quốc
4. — Mua giá-khoán của ngoại-quốc và cho ngoại-quốc vay nợ ngắn hạn.
5. — Trả nợ dài-hạn của Việt-Nam mắc ngoại-quốc trước kia.
6. — Tiền lời và tiền chia cổ-phần Việt-Nam phải trả cho ngoại-quốc.
7. — Tiết-kiệm, đóng góp ... Việt-Nam gửi ra ngoại-quốc.

Xem thế thì rõ tại sao những sự mâu-dịch trên bắt Việt-Nam phải trả cho ngoại-quốc. Một hai điều phải nói rõ thêm. (1) Nhập-cảng vàng bạc cũng như nhập-cảng hàng-hoá. (2) Mục 4—5 thường gọi là « xuất-cảng tư-bản », nhưng nếu nói nhập-cảng giá-khoán hay các loại trái-phieu tương-tợ thì dễ hiểu hơn. Trong sự nhập-cảng giá-khoán này có những giá-khoán ngoại-quốc mà Việt-Nam mới mua hay những giá-khoán Việt-Nam đã bán ra ngoại-quốc bây giờ mua đem về. Thế này hay thế nợ, Việt-Nam phải trả cho ngoại-quốc.

Cán-cân chi-phó là một dụng-cụ khảo-sát kinh-tế tiền-tệ

Ta có thể dựa vào cán-cân chi-phó để tìm hiểu rõ số cung ngoại-tệ trên thị-trường hối-đoái để đòi lấy quốc-tệ và số cầu ngoại-tệ của thường-trú-nhân trong nước. Tất cả các mục bên thái-phương sanh số cung ngoại-tệ đòi lấy quốc-tệ trên thị-trường hối-đoái trong nước hoặc ngoài nước. Và tất cả các mục bên tá-phương sanh ra số cung bạc Việt-Nam trên thị-trường hối-đoái để đòi lấy ngoại-tệ. Cho nên xem cán-cân chi-phó ta có thể biết đến số cung-cầu quốc-tệ hay ngoại-tệ trên các thị-trường hối-đoái và giá-trị đồng bạc của ta cũng tùy theo cung-cầu ấy mà lên hay xuống.

Kể đó, cân-cân chỉ-phó còn cho ta biết sức mua hay bán của quốc-gia ở ngoại-quốc. Ta bán hay cho vay ở ngoại-quốc trong năm là bao nhiêu? Đó là tùy ở khối lượng thái-phương ta có: xuất-cảng hàng-hoá, dịch-vụ kể cả vàng bạc; xuất-cảng giá-khoản và các loại phiếu thương-tợ, thâu huê-lợi, cổ-phần v.v... Trái lại, ngoại-quốc bán cho ta và cho ta vay mượn bao nhiêu? Cái đó là tùy tổng-số tá-phương của ta: nhập-cảng hàng-hoá, dịch-vụ kể cả vàng bạc; nhập-cảng giá-khoản và các loại-phiếu thương-tợ; trả nợ lời lãi, đóng góp ngoại-quốc v.v...

Làm người dân một nước ta nên lưu-ý một điều là không thể nới rộng tá-phương của ta bao nhiêu cũng được vì thái-phương định-đoạt lấy tài-nguyên của ta. Và tài-nguyên của ta không để làm gì hơn là để trả nợ. Nếu ta có dư tài-nguyên được phần nào thì là cho ngoại-quốc vay ngắn hạn, nếu ta thiếu thì ta phải vay ở ngoại-quốc để bao giờ cân-cân chỉ-phó cũng được quân-bình.

HUỖNH-VĂN-LANG



Danh - ngôn, danh - lý trong số này quy về ý chính
«NGHỆ - THUẬT SỐNG»

Có ai trong chúng ta, mỗi khi quyết định việc gì, biết ngưng lại và tự bảo: « Phải coi chừng! việc này sẽ ảnh-hưởng đến đời ta ra sao? Đời ta sẽ vì việc ấy biến-đổi thế nào? Việc ấy có xứng-dáng với ta không? Phải chăng việc này là đường lối và lý-tưởng của ta? »

HONORÉ ESQUERRÉ

TẬP-TRUNG LỰC-LƯỢNG TRONG QUÂN ĐỘI

PHẠM-NGỌC-THẢO



Hl đề-cập đến vấn-đề tập-trung lực-lượng, người chỉ-huy quân-sự nào, dù Đông-phương hay Tây-phương, dù hiện tại hay hồi thời Tôn-tử cũng nhận nguyên-tắc căn-bản là «tập-trung lực-lượng đúng mức, tung vào hướng thích-hợp là một yếu-tố quyết-định để tác-chiến thắng-lợi». Tuy-nhiên, kiểm-điểm lại từng kế-hoạch tác-chiến nhỏ hay lớn và nhất là sự thực-hành các kế-hoạch ấy, ta thấy, thường thường, người chỉ-huy hay phạm khuyết-điểm không biết tập-trung lực-lượng và chọn hướng chính, do đó làm giảm khả-năng mình vì đã phân-tán lực-lượng.



Trong sử Đế-quốc La-Mã, có chép chuyện một cuộc chiến-đấu giữa hai toán người đại-diện cho hai xứ để giải-quyết một trận chiến-tranh — Đây xin mở một ngoặc nhỏ : nếu phục-hồi thủ-tục xưa đó thì ngày nay chiến-tranh cũng đỡ chết người. Hơn nữa, nếu các ông Bộ-trưởng đại-diện cho hai nước nghịch nhau phải đích-thân đánh nhau, không chừng lúc ấy các ông sẽ bớt hăng-

hái tuyên-chiến hơn là lúc họ được ngồi yên ở hậu-phương để xua bao nhiêu thanh-niên ra mặt trận — Mỗi toán gồm ba thanh-niên thật khỏe mạnh. Sau cuộc xáp-chiến đầu - tiên, một lên chết hết hai người, nhưng người còn lại được toàn-vẹn. Bên kia, tuy còn đủ ba người song người nào cũng bị thương ít nhiều. Nếu ba người của phe bị thương biết hợp lại thì có thể thắng người còn sót của phe nghịch. Nhưng họ không nghĩ kịp việc đó, nên trước mưu rút chạy của anh chiến-sĩ độc nhút bên phe địch, ba anh này liền truy-kích, mỗi người chạy theo với một nhịp nhanh hay chậm tùy sức-lực còn lại của mình, do đó họ bị phân-tán và lần-lượt kẻ trước người sau đều bị anh nọ tiêu-diệt hết cả ba. Đó là một bài học đơn-giản về chiến-đấu mà không biết tập-trung lực-lượng để tiêu-diệt địch, nên ngược lại bị địch phân-tán rồi chịu thất-bại.

Tức nhiên, đây chỉ là một trận chiến-đấu nhỏ không có kế-hoạch chiến-thuật, chiến-lược chuẩn-bị sẵn.

Vậy gạt ra các tư-tưởng chánh-trị và đứng trên phương-diện một binh-sĩ không được am-hiểu gì chánh-thức trong việc tính-toán bí-mật của các Bộ tham-mưu quân-

sự, ta thử xét một kế-hoạch tác-chiến tương-đối lớn hơn nhiều xảy ra ở nước ta gần đây để xem có thể học-tập được gì về phương-diện áp-dụng nguyên-tắc tập-trung lực-lượng.

Giữa năm 1953, một tướng-lãnh hình như có đặt ra kế-hoạch sau đây để tiêu-diệt cuộc kháng-chiến Việt-Nam. Họ nhận định rằng từ trước đến nay, sở dĩ đánh không thắng là vì không biết tập-trung thật đầy-dủ các phương-tiện nhân-lực và vật-lực để đánh vào đúng hướng nên bị tiêu-hao lần hồi mà không đạt được ý định «tốc chiến, tốc thắng». Hình như họ đặt ra một kế-hoạch chia thành ba giai-đoạn trên dưới chút ít khoảng 6 tháng. Hai giai-đoạn đầu có mục-dích chuẩn-bị cho cuộc thắng-lợi cuối cùng của giai-đoạn chót tức là tiêu-diệt gần như hoàn-toàn các lực-lượng kháng-chiến ở V.N.

Giai-đoạn đầu : Họ định tập-trung lực-lượng đến mức khá cao, tuy không phải là toàn-lực song cũng là đến một mức quan-trọng chưa từng có từ trước đến bây giờ để đánh vào Miền Trung nước Việt. Đây họ nhắm đặc-biệt các tỉnh như Phú-Yên, Bình-Định, Quảng-ngãi trong đó Phú-Yên và Bình-Định là 2 tỉnh tương-đối giàu ở Trung-Việt về kinh-tế và từ trước đến bây giờ thường cung-cấp phần nào lương-thực cho các tỉnh phía Nam Trung-Việt như Khánh-hoà, Đồng-nai-Thượng và các tỉnh về phía Bắc Trung-Việt như Quảng-Nam, Quảng-Ngãi, Thừa-Thiên. Một mặt khác, cũng nên nhớ ba tỉnh Phú-Yên, Bình-Định, Quảng-Ngãi là một vị-trí then-chốt về liên-lạc giữa Nam-Việt và Bắc-Việt. Tập-trung lực-lượng đầy-dủ để đánh mạnh vào Phú-Yên, Bình-Định, Quảng-

Ngãi lại cắt đứt Nam và Bắc thành hai miền biệt-lập. Họ định chuẩn-bị đánh miền Trung một cách gần như công-khai với mục-dích làm cho bộ chỉ-huy địch của vùng này hoang-mang, phải xin cầu-cứu và do đó lực-lượng miền Bắc cũng sẽ bị phân-tán phần nào về miền Trung. Trong khi đó, tại Bắc và Nam, họ định để lại một lực-lượng tối-hiểu và cho hoạt-dộng gián-điệp thật mạnh. Đồng-thời để chuẩn-bị cho giai-đoạn cuối cùng, họ xây-dựng căn-cứ quân-sự bàn đạp tại Điện-Biên-Phủ.

Giai đoạn thứ nhì : Họ dự-tính rằng sau thắng lợi của giai-đoạn đầu họ sẽ bắt được một số thanh-niên ở miền Trung để bổ-sung vào lực-lượng. Với lực-lượng đã lớn mạnh thêm về quân-số, họ định tràn vào miền Nam để càn-quét thật đông-dặc hầu tiêu-diệt nốt một bộ-phận của địch đã bị cô-lập đối với Bộ chỉ-huy Trung-ương và đang hoang-mang trước thất-bại của miền Trung. Họ định sẽ chiến-thắng dễ-dàng ở Miền Nam và bây giờ sẽ thực-hiện khéo-léo hơn trước chánh-sách « dùng người Việt đánh người Việt » : họ sẽ dùng những thanh-niên mới bắt được ở miền Trung đem vào Nam làm nhiệm-vụ giữ đất miền Nam và do đó rút lực-lượng tinh-nhuệ của họ để xử-dụng vào giai-đoạn cuối cùng.

Trong khi tiến-hành giai-đoạn này tại Bắc, tức-nhiên họ sẽ không tiếc tiền của để cho hoạt-dộng gián-điệp thật mạnh, gây rối-loạn, tạo điều-kiện thuận-tiện cho chiến-đấu tương-lai. Họ cũng dự-đoán trước, tình-trạng hoang-mang của miền Trung và Nam và khi họ đã rút ra khỏi miền Trung, chỉ để lại một lực-lượng chiếm-dóng yếu ớt, thế nào

miền Bắc cũng phải phân một số lực-lượng vào miền Trung để chấn-chỉnh lại tình-hình.

Giai-đoạn thứ ba: Nam và Trung đã dẹp xong. Lực-lượng cơ-động nhờ thắng-lợi đã tăng về số-lượng (hình như họ dự-định thành-lập vào cỡ 60 Tiểu-đoàn với người địa-phương) và cả về chất-lượng (vì họ có thể rút quân tinh-nhuệ để làm quân lưu-động và thay thế lực-lượng đồn bót bằng dân địa-phương.) Căn-cứ quân-sự bàn đạp xây-dựng tại Điện-Biên-Phủ làm cho họ có thể xuất-phát từ hai cánh: một cánh từ đồng bằng Hà-nội, một cánh từ miền núi Điện-Biên-Phủ để kẹp lực-lượng Việt-Bắc vào một gọng kìm không có chỗ nương-tựa. Tại chiến-trường này, họ sẽ tập-trung ưu-thế tuyệt-đối về người và cả về vật-chất để xua quân giải-quyết dứt-khoát chiến-tranh ở Việt-Nam. Nếu còn tồn-tại chút-đỉnh thì lúc bấy giờ sẽ đặt vấn-đề thương-thuyết trong một tình-thế hết sức thuận-lợi cho họ.

Nhìn chung, kế-hoạch đặt ra đứng về mặt tập-trung lực-lượng kể như có chú-trọng khá nhiều. Trong từng giai-đoạn đã có định một hướng chính và có tập-trung lực-lượng tại hướng chánh.

Nhưng kế-hoạch đặt ra là ý-định chủ-quan của mình. Đem ra thực-hành tức là va chạm với thực-tế khách-quan. Cũng nên thử nhớ lại sơ-lược xem sự thực-hiện kế-hoạch đó ra sao đứng về phương-diện tập-trung lực-lượng.

Trong giai-đoạn đầu, họ cũng đã thực-hiện nguyên-tắc tập-trung lực-lượng khá mạnh. Hầu hết lực-lượng cơ-động tức là tinh-nhuệ của chiến-trường miền Nam đều được đưa ra Trung. Lúc bấy

giờ trong toàn miền Nam đều được kể như chỉ còn có một tiền-đoàn có thể làm nhiệm-vụ ứng-chiến cho địa-phương. Việc đó đánh giá được mức tập-trung lực-lượng tại miền Trung.



- | | |
|-------------------|----------------|
| 1 : Điện-Biên-Phủ | 2 : Thakhek |
| 3 : Savanakhek | 4 : Quảng-Ngãi |
| 5 : Kontum | 6 : Pleiku |
| 7 : An-Khê | 8 : Bình-Định |
| 9 : Phú-Yên. | |

Khởi màn, họ đánh vào tỉnh Phú-Yên, Bình-Định và Quảng-Ngãi từ ba hướng: Biên đồ bộ vào, từ Khánh-Hòa đánh thọc lên, từ miền Cao-nguyên đánh thẳng qua.

Lực-lượng kháng-chiến đối-phó ra sao? Vì nghi-ngờ có âm - mưu thu-hút lực-lượng vào miền Trung và cũng vì có lẽ có dự-định một kế-hoạch khác, nên thay vì tăng-cường lực-lượng của miền Trung, họ lại rút các lực-lượng chủ - lực của địa-phương này đi đánh mạnh ở vùng Cao-Nguyên và vùng gần biên-giới Trung-Lào, uy-hiếp đường giao-thông Hạ-Lào đi Thượng-Lào. Tại Bình-Định, Quảng-Ngãi

Phú-Yên chỉ còn du-kích-quân ở lại chiến-dấu chống càn-quét. Lực-lượng miền Bắc giữ nguyên tại chỗ. Một bộ-phận nhỏ của lực-lượng này thăm dò và vây rộng Điện-biên-Phủ.

Kết-quả của giai-đoạn đầu: lực-lượng định tập-trung đánh vào Bình-Định, Phú-Yên, Quảng-Ngãi bị phân-tán để đối-phó tại vùng Cao-Nguyên đang bị đánh và tại đường giao-thông giữa Hạ-Lào và Thượng-Lào bấy giờ bị gián-đoạn. Một số lực-lượng bị cầm chẹn tại Điện-biên-Phủ. Thế là lực-lượng định xử-dụng tập-trung tại một hướng chánh lúc thực-hành đã bị-phân-tán vào hướng phụ, không được trù-định trước.

Thiết-tưởng, việc tập-trung lực-lượng tại chiến-trường Bình-Định, Phú - Yên, Quảng-Ngãi là rất xác-đáng; nhưng trước cách đối-phó của đối-phương lại thiếu quyết-tâm, rồi đem phân-tán lực-lượng ấy để đối - phó lại là một sai lầm, và ngay từ lúc đó đã mất vai chủ-dộng.

Qua giai-đoạn sau thì căn-cứ Điện-biên-Phủ bị vây càng ngày càng chặt. Muốn cứu-vãn căn-cứ bàn đạp này tối cần-thiết cho sự thực-hành kế-hoạch của giai-đoạn thứ ba, họ điều-động lực-lượng đồ dờn vào đây: từ 4 Tiểu-đoàn tăng lên 7 Tiểu-đoàn, rồi 11 Tiểu-đoàn, rồi đến 13 Tiểu-đoàn. Không-quân đem tập-trung gần như toàn-lực vào chiến - trường thu hẹp của Điện-biên-Phủ. Sự tập - trung lực-lượng bấy giờ diễn ra ngoài dự-tính của kế-hoạch và là một sự tập-trung bị-động. Đối-phương cũng tập-trung lực-lượng vào cùng một chiến-trường. Sự tập-trung này cũng không được trù-liệu trước nhưng đó là một sự tập-trung chủ-dộng.



- | | |
|------------------|---------------|
| 1: Điện-Biên-Phủ | 2: Thakhek |
| 3: Savanakhek | 4: Quảng-Ngãi |
| 5: Kontum | 6: Pleiku |
| 7: An-Khe | 8: Bình-Binh |
| 9: Phú-Yên. | |

Nhìn lại 2 sự-kiện trên, ta thấy sự quan-trọng của nguyên-tắc tập-trung lực-lượng. Nguyên-tắc này từ cổ chí kim nhà quân-sự nào cũng đều phải công-nhận. Nhưng nếu lúc xây dựng kế-hoạch biết xử-dụng nguyên-tắc đó là điểm ưu, mà lúc thực-thiện kế-hoạch lại biết thi-hành nguyên-tắc đó cho linh-động và sáng-suốt mới là một nhà quân-sự giỏi. Kinh-nghiệm cho biết trên địa-đồ tác-chiến của một tướng-quân kém, thường ta thấy vẽ những mũi tên đỏ, mũi tên xanh tượng-trưng cho lực-lượng ta và địch khắp nơi nơi. Đâu có quân địch thì có quân ta. Chỗ nào địch có thể đánh thì dự-định có quân ta để đối-phó. Một kế-hoạch tác-chiến như thế không thể thắng-lợi được. Kinh-nghiệm cũng cho biết lúc lâm trận, thường thường mặt nào cũng báo-cáo có lực-lượng

địch mạnh và xin tăng viện. Người chỉ-huy quân-sự không nắm vững nguyên-tắc xử-dụng lực-lượng tập-trung, thường dễ bị âm-mưu địch chi-phối, rồi phân-tán lực-lượng mình và đi đến chỗ thất - bại.

Nói đến nguyên-tắc tập-trung lực-lượng, phải nghĩ ngay đến việc lựa chọn một hướng chánh để xử - dụng lực-lượng đã tập-trung. Biết lựa chọn đúng hướng chánh hay không tức là tỏ ra mình là người tướng giỏi hay dở. Thiết tưởng trong thí dụ nêu ra trên, người tướng đã biết lựa cho từng giai-đoạn một hướng chánh xác-dáng. Đối với giai-đoạn đầu, hướng chánh được lựa chọn rất đúng vì giải-quyết được 2 tỉnh Phú-Yên và Bình-Định, nhìn về về kinh-tế, và quân-sự sẽ gây một khó khăn căn-bản cho lực-lượng kháng-chiến. Nhưng đối với sự diễn-biến thực-tế trong giai-đoạn thứ nhì, chọn hướng chánh để tập-trung lực-lượng tại một địa-diểm hẹp như Điện-Biên-Phủ có lẽ là một sai lầm.

Lãnh-dạo chiến-tranh, cũng như chỉ-huy chiến-đấu thường phải đứng vào hoàn-cảnh người bị lạc vào giữa rừng thâm không địa-bản. Phải dựa vào tất cả những sự vật gì có thể giúp mình khám-phá phương-hướng, rồi định dứt-khoát một hướng để vạch đường mà ra. Thay đổi hướng mãi sẽ đi vòng tròn trong rừng và không đến đâu cả.

Có người nói rộng phạm-vi vấn-đề cho rằng, chẳng những về quân-sự mà cả về chánh-trị và kinh-tế nữa, đặc-diểm của người lãnh-dạo sáng-suốt là biết lựa chọn hướng chánh để có thể tập-trung lực-lượng mà chiến-thắng mọi trở-ngại.

Đối với nhà quân-sự, muốn định-đoạt được một hướng chánh cho thích-hợp thường phải đề - phòng *tư - tưởng sợ mất đất*. Họ không dám tập-trung lực-lượng vào một hướng chánh trong một kế-hoạch chiến-thuật nhỏ hay một kế-hoạch chiến - lược lớn là vì lo ngại *mất đất*. Thực-tế cho biết những kế-hoạch phân-tán binh-quân để *giữ đất*, đưa ta đến chỗ bị-dộng và dành cho đối-phương khả-năng tập-trung chủ-dộng để đánh ta từng chỗ yếu, rồi cũng đưa ta đến chỗ *mất đất thật sự* trong lâu dài.

Về mức tập - trung lực - lượng so-sánh với địch, không thể cho những con số dứt-khoát, song lịch-sử chiến-tranh cho biết, mức hơn gấp ba lần trở lên là một điều-kiện tốt để chiến-thắng. Có người cho rằng dùng chiến-thuật « *biên người* » là vô nhân-đạo, nhưng trong thực-tế, đó là tiết-kiệm sự tiêu-hao về người. Tâm-lý cho biết rằng lúc lâm-trận, nếu một đơn-vị chạm trán một đơn-vị khác ít hơn thì họ vững - tâm chiến-đấu. Nếu đơn-vị kia đông gấp hai thì lòng dạ người chiến - binh bớt vững. Nếu đơn-vị kia đông gấp ba, gấp bốn gấp mười thì có khi họ không chiến-đấu nữa vì xét ra vô hiệu-quả. Vậy có phải là lấy số đông mà uy-hiếp tinh-thần để thu ngắn cuộc chiến-đấu không ?

Nhưng cũng đề-phòng xem địa-thế và hoàn-cảnh cho phép tập-trung đến mức nào.

Năm 1951 trong Nam, lực-lượng quân-sự kháng-chiến tập-trung đến mức Trung-Đoàn (4.000 người) và còn lâm-le tập-trung đến mức Đại-Đoàn (hơn 10.000 người).

Địa-thể, khả-năng cán-bộ chỉ-huy, hoàn-cảnh tiếp-tế và tương-quan lực-lượng hai bên không cho phép nên đưa đến kết-quả làm yếu lực-lượng địa-phương và mất đất, trong khi đó, lực-lượng tập-trung trong hoàn-cảnh bây giờ tỏ ra không gọn-gàng, khó xử-dụng nên làm tổn của và hao người.

Nguyên-tắc tập-trung lực-lượng trong quân-sự là việc xem sơ qua rất đơn-giản và dễ-dàng. Nhưng lúc đem ra áp - dụng không phải là việc dễ. Thực-hiện nó khéo-léo thì có thể nắm vai chủ-động chẳng những trong chiến-đấu chiến - thuật mà còn cả trong việc lãnh-đạo chiến - lược nữa. Nó không có nghĩa là phải có lực-lượng đông hơn đối-phương nhìn chung, mà chỉ có ý-nghĩa là tập-trung uy-thế tại một địa-điểm nào đó, trong một thời-gian nào đó thôi. Trong một trận chiến-đấu, một Tiểu-Đoàn có thể đánh một Đại-đoàn được nếu biết lựa trong Đại-đoàn bộ-phận nào vừa sức mình, một Đại-Đội đi sau cùng chẳng hạn để tiêu-diệt với ưu-thế gấp ba quân-số của địch.

Thực-hiện đúng nguyên-tắc tập-trung lực-lượng tại mặt trận đòi hỏi ở người chỉ-huy một sự quyết-tâm để không bị những biến-chuyển phụ-thuộc chi-phối, một sự bình-tĩnh trước những tình-huống phức-tạp.

Trong quân-sự, người ta thường nói và rất tha-thiết đến việc « tranh-thủ chủ-

động » tức là làm sao thực-hiện ý muốn của mình và đồng thời khéo-léo buộc địch cũng phải thực-hiện ý muốn của mình.

Được như thế thì người đó chẳng những chỉ-huy được quân của mình mà lại còn chỉ-huy luôn, trên thực-tế, quân của địch. Một yếu-tố căn-bản và rất cụ-thể để nắm được vai chủ-động là biết tập-trung lực-lượng đúng lúc và tung vào đúng hướng.

Đi đôi với nguyên-tắc tập-trung lực-lượng, thường người ta nhắc đến nguyên-tắc tiết-kiệm lực-lượng. Vì có biết tiết-kiệm lực-lượng ở những hướng phụ hay ở những mặt kèm-chế thì mới có thể tập-trung lực-lượng đúng mức tại hướng chánh.

Luận về vấn-đề tập-trung lực-lượng trong một trận chiến-đấu, Tôn-Tử cách đây 2.500 năm cũng đã nói :

« ..Phòng tả thì hữu vắng (vắng = thiếu lực - lượng), phòng hữu thì tả vắng, chẳng chỗ nào không phòng thì chẳng chỗ nào không vắng. Vắng là bởi phải phòng bị người, đông là khiến người phải phòng bị mình. »

Vì thế, chống với tư-tưởng xử-dụng lực-lượng bình-quân và phân-tán, Tôn-Tử chủ-trương :

« Ta chụm làm một, địch chia làm mười, thế là ta lấy mười để cùná đánh một. »

PHẠM-NGỌC-THẢO

TÔI không chịu để nghịch-cảnh cản-trở bước đường của tôi, tôi luôn luôn chuẩn-bị để thắng nó.

CHARLES LINDBERG

NGUỒNGỐC ĐỜI SỐNG và KHOA HỌC

PHẠM-HOÀNG-HỘ

(Thề theo ý muốn của tác - giả, ó. Phạm - hoàng - Hộ, Thạc-sĩ Vạn-vật-học tại Đại-Học Khoa-Học Việt-Nam, Giám-Đốc Hải-Học Viện Nha-Trang, những chữ có gạch nối trong bài này, này, đều in dính lại với nhau).



HƯA các bạn, hàng ngày mãi lo sinh sống, mà chúng ta quên rằng cảnh vật rất thường quanh ta, xét ra, có thể cho ta nhiều câu hỏi, nhiều câu hỏi rất lý thú.

Bạn trông con chó biết ăn uống, chạy nhảy quanh bạn. Bạn nói con chó sống. Bạn trông một cái cây, cây lớn lên, đơm bông trổ trái. Bạn nói rằng cây ấy sống. Song nếu bạn tự hỏi đời sống là gì ? thì rất khó mà trả lời.

Đời sống rất phức tạp. Nếu bạn chịu khó kiểm tra số các loài sinh vật khác nhau thì bạn sẽ nhận thấy rằng có hàng hà sa số loài khác nhau, từ con voi rất to đến các con vi trùng rất nhỏ.

Vì đâu mà có muôn loài như thế ? Đó cũng là một câu hỏi mà ta đã tự hỏi từ lâu, nếu ta có tính hiếu kỳ.

Bây giờ nếu bạn xem lại sinh vật, bạn sẽ có một câu hỏi khác. Đó là câu hỏi : từ đâu mà có đời sống ? Vì đặc điểm của sinh vật là luôn luôn do sinh vật mà ra. Chó do chó mẹ sinh ra ; gà do trứng gà nở ra ; cây mận do hạt mận mọc ra. Thế đời sống do đời sống mà ra. Trừ ra trong thần thoại, trong đó ta thấy Tề thiên Đại thánh do đá thụ khí âm dương mà ra, hiện ta không bao giờ thấy một sinh vật do đá, do đất bỗng nhiên mà sinh ra cả : tóm lại giới vô cơ không thể cho ra sinh vật được. Thế đời sống như là một cái gì tự truyền từ sinh vật này đến sinh vật khác.



Nhưng hiện tại, chúng ta không thể nói rằng mọi vật đều có từ muôn thuở.

Chính quả đất ta cũng có một tuổi. Theo phương pháp phóng xạ chất loidung các chất mà nguyên tử không bền nổ vỡ ra, thì quả đất ta không già hơn năm ngàn triệu năm và mảnh đá cổ nhất mà ta biết ở vỏ địa cầu chỉ có hai ngàn triệu tuổi mà thôi.

Và dù theo thuyết nào về nguồn gốc của địa cầu, ai cũng nhìn nhận rằng nó do mặt trời mà ra nghĩa là xưa nó là một khối lửa. Các bạn hẳn đã xem lịch sử của nó trong một cuốn phim mà Giáo sư BENOIT đã chiếu ở đây có gần một tháng nay.

Thế nếu quả đất có một tuổi, thì đời sống trên quả đất phải có một nguồn gốc. Sau khi vỏ quả đất đã nguội rồi, thì làm sao mà có những mầm để khởi đầu cho sinh vật trên mặt ấy?

I. — CÁC THUYẾT KHÔNG CÒN GIÁ TRỊ NỮA

A) Thuyết sinh vật tự sinh :

Câu hỏi ấy đã được các nhà hiền triết đề cập đến từ lâu.

Và lúc ấy phương pháp khoa học chưa nảy nở, lý luận của các cổ nhân còn đầy sai lầm, vì thiếu quan sát và thực nghiệm.

Vì thế nên ta không thể khiển trách người xưa đã theo thuyết

sinh vật tự sinh cho rằng sinh vật hỗn-nhiên có thể do giới vô cơ mà ra.

Ví như ARISTOTE cho rằng các loài côn trùng do các hạt sương bao phủ các lá lúc ban mai mà ra. Theo ông thì con lươn do bùn khô bị nước mưa thấm vào mà ra. Tutướng đó cũng như ở dân ta cho rằng cá sặc rằng do tro rơm mà ra.

VAN HELMOND còn cho một phương pháp để chế ra chuột. Theo ông thì cứ bỏ vào một cái hộp đầy không kín một cái áo bẩn và vài cái bánh sữa thì vài ngày sau chuột sẽ xuất hiện trong hộp ấy!

(Lẽ tất nhiên là sự thí nghiệm của VAN HELMOND nay chúng ta có thể làm lại và chắc chắn chúng ta sẽ có chuột. Vì chuột ở ngoài vào đây để làm tổ!!)

Hơn nữa, các lời giảng của V. HELMOND làm cho chúng ta biết rõ rằng nhà cửa lúc ấy không được sạch lắm và chuột rất nhiều. Vì nếu nay các bạn để một thùng trong ấy có áo bẩn và bánh sữa ở trong phòng này, thì dù bao lâu đi nữa, bạn sẽ không có chuột, chỉ vì chuột vào không được mà thôi!)



Phải đợi đến thế kỷ thứ 17, ta mới gặp REDI. Lần đầu tiên trong khoa học, REDI chứng minh rằng sinh vật không tự sinh. Từ xưa đến nay, ai cũng cho rằng hễ thịt thối thì thành giòi. IDER chứng minh rằng giòi do các trứng của các con ruồi đã đẻ trên thịt. Ông lấy một miếng vải the

ngăn không cho ruồi đẻ trên thịt thì thịt ấy không bao giờ có giòi, trái lại miếng vải the có giòi vì ruồi đã đậu và đã đẻ trên ấy.

Đó là lần đầu tiên mà một *thành-kiến* đã được lâu đời muôn người nhìn nhận bị sự thực nghiệm vô tư phá-tan. Từ đó đến nay biết bao là ví dụ khác.

Nhưng thuyết sinh vật tự sinh chỉ được tổng chung từ các cuộc thí nghiệm danh tiếng của Pasteur. Thì giờ của chúng ta rất ít không cho phép chúng ta nói thêm nhiều về các thí nghiệm này. Chỉ nên nhớ rằng các bình nước trong đó có đựng nước bồ của Pasteur hiện nay vẫn còn nguyên vẹn ở Trường Cao đẳng Surpham Paris; và hiện nay, trọn khoa mỗ xẻ đều dựa vào các cuộc thí nghiệm ấy.

B) Thuyết vô trư sinh :

Tính hiếu kỳ của chúng ta rất mạnh. Một vấn đề to như vấn đề nguồn gốc đời sống mà không có nghiệm số thì người ta bất mãn.

Nên khi thuyết sinh vật tự sinh vừa bế tắc thì một thuyết khác được ra đời.

Xưa loài người ta rất tự hào. Dân Trung hoa cho nước họ là trung tâm của các nước. Phần đông các nhà hiền triết xưa cho quả đất ta là trung tâm của vũ trụ.

Các sự phát minh của khoa học làm cho loài người khiêm nhượng hơn: quả đất ta chỉ là một hạt bụi thất lạc giữa vũ trụ vô biên.

Và khiêm nhượng quá người ta lại không cho rằng quả đất có diễm phúc chứng kiến sự nảy sinh của đời sống.

Đời sống đã xuất hiện ở đâu kia và được thời tung cùng vũ trụ do sức ép của ánh sáng. Quả đất ta xưa được một mầm, vũ trụ mầm ấy cấy và từ đó có đời sống. Thuyết ấy được nhà thông thái ARRHENIUS truyền bá rất dăc lực. Và theo các con tính của ông thì các sinh vật nhỏ vào kích thước của vi trùng có thể nhờ ánh sáng chuyên chở đi khắp cùng.

Nhưng các cuộc thí nghiệm chứng tỏ rằng nếu các *vũ trụ mầm* ấy có thật, thì đó chỉ là những xác chết, vì trong khoảng không gian giữa tinh tú ngoài sự lạnh gắt gao mà sinh vật chịu đựng được (Becquerel), tia sáng tử ngoại rất nhiều và sinh vật không thể chịu đựng được các tia ấy.

Thế thuyết của ARRHENIUS chỉ là một thuyết lăm cho ta phục vì khéo léo, song nó không đứng vững nữa, vả lại nó chỉ làm lui câu hỏi mà không trả lời. Chúng ta muốn biết nguồn gốc đời sống chứ không chỉ muốn biết nguồn gốc đời sống trên mặt địa cầu mà thôi.

II. — CÁC THUYẾT GIÚP TA GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ NGUỒN GỐC ĐỜI SỐNG

A) Thuyết tiến hóa : Hiện nay, chúng ta có thể hiểu nguồn gốc đời sống hay nói trúng hơn, chúng ta có thể hình dung nguồn gốc đời sống một

cách hợp lẽ hơn.

Đó là vì nay ta dựa vào một thuyết vô cùng quan hệ ở vạn vật học. Đó là thuyết Tiến hóa.

Thuyết Tiến hóa là thuyết cho rằng các loài không bất di bất dịch mà chúng biến đổi theo thời gian và một loài này, một khoảng thời gian sau, thí dụ một triệu năm sau, sẽ trở nên loài khác.

Thuyết ấy được các nhà vạn vật học hình dung từ cuối thế kỷ 18. Chính BUFFON cũng đã phải nhờ nó để giải thích các sinh vật đặc biệt của Châu Mỹ. Nhưng phải chờ đến năm 1809 mới được công bố trong một quyển sách khoa học « Triết lý động vật » của LAMARCK và năm 1869 để DARWIN biến nó thành một thuyết vô cùng chắc chắn từ đó đến nay các ngành của sinh vật học không có ngành nào là không đem lại lý lẽ ủng hộ thuyết Tiến hóa.

Ví dụ như cổ sinh học. Cổ sinh học họ biết rằng lúc xưa (thời đại Cambien), nghĩa là cách đây hơn 500 triệu năm trên mặt địa cầu không có động vật có xương sống. Và trước thời đại thứ nhì, cách đây cỡ 200 triệu năm các loài có vú chưa xuất hiện. Và loài người, tiến bộ nhất, chỉ mới nảy sinh cách đây không hơn một triệu năm.

Và giữa các hình thức sơ sinh và các hình thức tiến bộ, cổ sinh học cho ta tất cả những hình thức trung gian : ví dụ như giữa người và khỉ, ta có con vượn người, con

người vượn, người Neanderthal.

B) Các sinh vật sơ sinh nhất :

Thế nhờ thuyết Tiến hóa mà nay muốn tìm nguồn gốc đời sống ta chỉ cần khảo xét kỹ các sinh vật nào giản dị nhất.

Từ lâu, người ta cho rằng đó là những *vitrùng*, vì *vitrùng* là những sinh vật nhỏ nhất, do một tế bào mà thành, không có một nhân rõ rệt, và không có các hiện tượng nào về phái (giaocấu, thụ tinh) chi cả.

Song nay chúng ta biết rằng nếu các *vitrùng* thuộc một giới sinh vật đơn sơ và hạ đẳng, chúng không phải là hạ đẳng nhất.

Và hiện nay người ta thấy rằng chúng cũng có *nhân* và ở vài loài dường như có sự sinh sản hữu phái nghĩa là có sự giaocấu. (Haldane)

C) Siêu khuẩn và nguồn gốc đời sống :

Thật ra các sinh vật sơ sinh nhất còn nhỏ hơn *vitrùng*. Đó là các siêu khuẩn do Pasteur tìm ra khi ông khảo cứu bệnh chó dại.

Chúng nhỏ đến nỗi nhiều siêu khuẩn bám vào *vitrùng* mà ăn và *vitrùng* vì thế bị bệnh ! Đó là *vitrùng* của *vitrùng*.

Hãy lấy một ví dụ để so sánh. Nếu bạn phóng đại *vitrùng* ra to bằng một toa xe lửa thì vài siêu khuẩn chỉ to bằng chúng ta và siêu khuẩn gây nên bệnh bại truyền nhiễm chỉ to bằng chiếc giày của ta mà thôi. Với kích thước ấy chúng ta phải cao 15 cây số !

Siêu khuẩn nhỏ đến nỗi vài siêu khuẩn nhỏ hơn nhiều phần tử phức tạp như vài phần tử tạo nên màu đỏ của máu (huyết thanh tố).

Siêu khuẩn nhỏ như thế, vì nó là một phần tử hóa học. Phần tử ấy thật ra phức tạp. Đó là một phần tử *prôtein nhân*, gọi như thế vì *prôtein nhân* tìm được ở trong nhân của tế bào.

Phần tử ấy gồm có hai phần :

{ *dẫn bạch* = *prôtein*
{ *acid nhân*

Thế kích thước của siêu khuẩn làm cho nó đứng trung gian giữa sinh vật và giới vô cơ.



Hơn thế nữa. Năm 1930, Nhà sinh vật học STANLEY công bố một kết quả làm chấn động dư luận hoàn cầu. Ông dùng những phương pháp hoàn toàn hóa học ngăn ra được ở cây thuốc lá bị bệnh nám lá, siêu khuẩn đã gây ra bệnh ấy. Siêu khuẩn ấy được kết tủa đi, hòa tan lại rất nhiều lần và kết tinh đi !

Xưa nay sinh chất hễ kết tủa đi là chết mất và sinh vật cấu tạo vô cùng hỗn tạp không bao giờ kết tinh. Kết tinh là tính của giới vô cơ như muối, đường.

Thế mà siêu khuẩn của bệnh nám lá cây thuốc lá lại kết tinh ! Kết tinh chúng ngừng sống lại đây và nếu chúng ta đem các kết tinh ấy hòa tan vào nước, tiêm vào cây kết tinh ấy trở thành siêu khuẩn !

Thế siêu khuẩn có lẽ cho ta chìa khóa nguồn gốc đời sống. BOIVIN cách đây mười mấy năm có viết rằng : « vấn đề siêu khuẩn đưa ta đến ranh giới của đời sống ».

Không bao lâu người ta lại có thể *tổng hợp* ra siêu khuẩn. Tổng hợp là với các chất đơn giản hơn chế ra một chất phức tạp. Ví dụ như người ta tổng hợp ra *pénicilin*, ra *nylông* v. v... Chế ra siêu khuẩn ! Thế là chúng ta đã chế ra đời sống rồi vậy !!

Thật ra, đó không phải là một sự tổng hợp hoàn toàn, đi từ các chất đơn như cacbon của than đá, hydro của nước, oxy của khí trời, photpho... Mà đó là một sự tổng hợp tạm, do hai nhà thông thái Mỹ FRAENKEL CONRAD và WILLIAMS.

Số là, như chúng ta đã nói, siêu khuẩn là một *prôtein nhân* do một *acid nhân* hóa hợp với một *prôtein*. Chất *prôtein* bao bọc lấy *acid* như một cái ống.

Hai nhà bác học ấy dùng *acid* thay đổi pH, cắt hai phần ấy ra. Mỗi phần như thế trở thành một *chất hóa học thường*, như đường, như muối, không sống một tí gì cả.

Song hai nhà bác học ấy cho thay đổi pH lại như cũ, thì hai phần tử hóa học không sống ấy tự hợp lại và một vài siêu khuẩn được nảy sinh !!

Thế mặc dù sự tổng hợp chưa hoàn toàn chớ chúng ta đã bước từ *chất không sống* sang *chất sinh sống* rồi vậy.

Nhưng tại sao chúng ta lại chưa

thể tổng hợp hoàn toàn đời sống?

Đó là vì nếu trong hai chất trên, chất acit nhân tố ra giãndi và gồm có acit photphoric hoá hợp với một chất dưỡng và một basơ hữu cơ mà ra, thì chất prôtéin tố ra rất phức tạp.

Hiện nay một phần lớn khoa sinh hoá học chuyên khảo cứu chất chìa khoá của đời sống ấy.

Chất prôtéin do acit amin hợp lại làm thành. Các chất acit amin chúng ta biết tất cả. Song phần tử prôtéin gồm rất nhiều acit amin khác nhau. Nên nội cái biết sự cấu tạo của phần tử prôtéin cũng là một việc khó, huống hồ là tổng hợp chúng.

Sau những sự tìm tòi tìm hiểu, các nhà sinh hoá học biết được công thức của một vài prôtéin đơn giản. Tỉ như insulin, prôtéin trình trấp của lalach (Sanger), của ôcytosin, của vagôpressin, của năothủy (Fromageot, Du Vigneaud). Chất insuline gồm có 51 phân tử acit amin.

Sự tổng hợp prôtéin rất khó. Là vì nếu bạn có mấy acit amin phải làm sao ráp chúng theo một thứ tự, theo một kiến trúc nhất định. Vì chất prôtéin do A, B và C làm ra có thể là ABC hoặc ACB hoặc CAB. Đó là các chất đồng chất.

Tóm lại nếu hiện tại chúng ta đã bước qua từ chất không sống sang sinh chất nhưng thật ra ta chưa tổng hợp hoàn toàn được đời sống.

Mà óc hiểu kỳ của chúng ta không chịu ngưng ở đây.

Nhưng muốn đi xa hơn nữa chúng ta phải thính nhận rằng chúng ta chỉ dựa vào giả thuyết mà thôi.

D — Tự nhiên sinh theo DAUVILLIER và DESGUIN (1941).

Giữa nhiều giả thuyết chỉ có giả thuyết của hai giáo sư DAUVILLIER và DESGUIN tỏ ra rất quan hệ và hợp với các hiện tượng khoa học mà ta biết.

Ý kiến hay của hai giáo sư là cho rằng đời sống lúc mới bắt đầu giãndi hơn bây giờ, sự phức tạp hiện tại là do sự tiến hóa.

Theo hai giáo sư ấy thì sự năp sanh của đời sống trên địa cầu là một hiện tượng tự nhiên, nó phải có sau khi quả đất nguội. Nghĩa là sự tiến hóa của đời sống là giai đoạn chót của sự tiến hóa của các chất hoá học, của vỏ trái đất.

Chúng ta hãy theo dõi địa cầu ta từ lúc nó mới nguội.

1°/ Khi nhiệt độ còn trên 4.000° thì chưa có phản ứng gì cả.

Dưới 2.000° thì bắt đầu có các cuộc phản ứng cho ra các hytrua các bua, nitrua v.v...

Bầu không khí bấy giờ không có ôxy mà chứa rất nhiều Hytrô như ở mặt trời.

2°/ Khi nhiệt độ xuống dưới 1.000° thì hytrô phản ứng với các oxyt kim khí cho ra nước, xon cho ra oxy mêthan, amônhiac, v.v...

3°/ Quan hệ hơn cả là sự thành lập các chất hữu cơ.

Trong sự thành lập ấy, ánh sáng dự phần quan trọng. Nhất các tia ánh sáng như tia tử ngoại chứa nhiều năng lực gây ra các phản ứng cho ra các chất đường (glucit), mỡ (lipit) và nhất là các chất prôtít.

Hiện tại trong phòng thí nghiệm với ánh sáng tử ngoại mà làn sóng điện rất ngắn người ta có thể tạo ra các chất prôtít mặc dù còn đơn giản.

Thế năng lực của ánh sáng mặt trời tổng hợp thành rất nhiều chất hữu cơ.

Các chất này làm thành một lớp nhầy nhầy trên mặt bể.

Các chất ấy là những chất cháy được; có nhiều như thế chúng ở trong một trạng thái bất ổn và lần lần tự hủy đi bằng cách hoá hợp từ từ với ôxy.

« Chính sự biến hoá từ từ của các chất hữu cơ với ôxy tan trong nước là nguyên tắc của đời sống rồi vậy. »
(DAUVILLIER và DESGUIN).



Song lần lần dưỡng khí của không khí thành ôzôn (O^3) và không cho tia tử ngoại soi thấu xuống mặt bể nữa.

Thế các chất hữu cơ không được tổng hợp nữa và đời sống sơ sinh kia bị bế tắc vì từ từ tiêu mòn?

Không! Vì trong khoảng thời gian ấy, đời sống chỉ đi từ giai đoạn đều hoà vô tổ chức để đi đến giai đoạn tế bào nghĩa là có tổ chức hẳn hoi.

Và lúc ấy đời sống không lấy năng-

lực một cách trực tiếp ở tia tử ngoại nữa mà bằng cách đốt các chất sắt hoặc acit sulphydric, hoặc methan như nhiều vitrùng hiện tại.

Và sau rốt đời sống tìm gặp chất diệp lục quí báu của các cây. Từ đây đời sống không cần lo vấn đề năng lực nữa: diệp lục hút ánh sáng mặt trời và tạo ra thức ăn cần thiết.



Đó là một giả thuyết để cho ta hình dung giai đoạn đầu của đời sống mới xuất hiện.

Có lẽ với các giai đoạn ấy chúng ta chỉ sẽ phải chỉ dựa vào giả thuyết.

Vì các đất cổ nhất mà ta biết hiện tại các đất thuộc về thời đại tiền-cam, lúc mà chưa có các dãy núi to như Himalaya, Alpes, Montagnes Rocheuses v.v... còn nằm dưới bề sâu, lúc mà một phần to nước ta còn chìm ở dưới bề, cách đây hơn 1.000 triệu năm, các đất ấy nếu chứa vitrùng, rong thanh tảo hạc cấp, thì là cũng chứa nhiều sinh vật khác phức tạp như các ốc (giống *VOL-BORTHELLA*).

Hơn thế nữa, các đá ấy nếu trời lên không thì chỉ cần có một vài triệu năm là một dãy núi to cũng mòn mất. Mà chôn sâu dưới bề các lớp địa tầng khác thì các đất ấy bị sức nóng của quả đất và sức ép toát của các lớp địa tầng biến thành đá phiến sau rốt thành granit: trong ấy không một vết sinh vật nào còn lại cả.

Thế cổ sinh học không có hy vọng giải quyết nguồn gốc đời sống được. Có lẽ một ngày kia, khi mà chúng ta rời khỏi quả đất để đi dukhảo các hành tinh của mấy thái-dương-hệ khác, chúng ta có diễm phúc gặp một quả đất nơi ấy đời sống mới bắt đầu. Đó chỉ là dịp duy nhất để chúng ta hiểu nguồn gốc đời sống mà thôi.

KẾT LUẬN

Tóm lại, với vấn đề nguồn gốc đời sống, nếu chúng ta đã tiến được một bước, mặc dù bước ấy rất to, song đường hã còn rất dài.

Nhưng như bạn thấy, vấn đề ấy xưa chỉ là một câu hỏi của triết-học. Nay nó được đưa vào khoa học và là một câu hỏi của nhà sinh vật-học. Đó là một thắng lợi lớn cho khoa học.

Xem thế, khoa vạn vật học không chỉ đề khảo cứu có bao nhiêu loài cây, loài cỏ, loài thú, loài cầm. Khi bạn thấy một nhà vạn vật học mặc quần đùi, áo sơ mi, vai mang một bị ngaodu trong cõi thiên nhiên, bạn đừng cho rằng họ thích đi rong và đề gặp các sinh vật đẹp, lạ, mới mà thôi. Mà sự quansát và khảo cứu các sinh vật ấy đem lại cho ta nhiều sự hiểu biết lý thú và lần lần đem lại cho ta nhiều câu hỏi sâu xa mà ai có tánh hiếu kỳ cũng phải tìm cho ra câu trả lời.

Chính vì những câu hỏi ấy mà khoa vạn vật học là một khoa học vô cùng hấp dẫn.

Ước mong rằng đó cũng sẽ là cảm tưởng của các bạn.

PHẠM-HOÀNG-HỘ

XE đi trên mặt đất, phải chỗ gập-gheñh thường được chắc - chắn hơn chỗ phẳng-phiu. Thuyền đi trên mặt nước, phải chỗ gheñh thẳc, thường được vững-vàng hơn giữa dòng sông. Tại sao vậy? Tại vì biết là khó-khăn, mà giữ-gìn thì được yên, mà khinh thường thì phải bại vong vậy.

LÃ-ĐÔNG-LAI

MUỐN giữ được lương-tâm, nuôi được linh-tĩnh, cần phải chịu khổ, chịu phiền, thì ngày mới được thuần-thục.

LƯU-TRỰC-TRAI

GÓP Ý-KIẾN VỀ VIỆC GIÁO-DỤC TRẺ EM Ở CẤP TIỂU-HỌC

PHẠM-TƯỜNG-TRINH

(Tiếp theo kỳ trước)

PHƯƠNG-PHÁP XÂY-DỰNG ĐỨC-TÁNH CHO HỌC-SINH

1) Cá-nhân nằm trong xã-hội:



RUỐC kia dưới chế - độ
thực-dân, cũng có học phần
luân-lý trong nhà trường.
Nhưng luân-lý ấy không
đính liền với đời sống
xã-hội.

Ví-dụ : người ta dạy anh em phải
thương yêu nhau, trong lúc đó thì mỗi
cương-thường đạo-dức trong gia-đình
ngày càng bị đời sống chật-vật của xã-
hội phá-hủy đến tận gốc, đến nỗi có
nơi con giết cha, vợ giết chồng, anh
em xâu-xé lẫn nhau.

Trước kia, người ta dạy trẻ em chớ
nên hành-hạ súc-vật trong lúc đó thì họ
cho bọn lính Lê-dương (thời thực-dân)
đánh đập, giết người, cướp của, coi
con người rẻ hơn con vật.

Trước kia người ta dạy trẻ em hãy ngoan-
ngoãn không ích-kỷ tham lam v.v... Tóm
lại là những đức-tánh nhỏ, ti-mỉ. Không
phải bảo rằng những ấy không điếm quan-

trọng. Nhưng nếu chỉ bó hẹp tư-cách
con người trong từng con người không
đính-dáng gì đến cái xã-hội thực-tế thì
không bao giờ giải-quyết được việc cải-
tiến xã-hội của ta.

Ví như, trong một gian nhà mỗi đã
đục khắp trong nền nhà rồi, cột đã
xiêu rồi mà lại đóng thêm vài cây đinh, treo
thêm vài tấm hình, đặt thêm vài chậu
kiềng, thì có đảm-bảo gì cho những
người trong nhà !

Đó là lối giáo-dục có hình-thức mà
không có nội-dung, có xác mà không
có hồn, hay nói đúng hơn đó là lối
giáo-dục giả-dối.

Tóm lại, giáo-dục của ta phải sát
với hoàn-cảnh xã-hội, tránh lối hình-
thức, vụn-vật, không liên-quan đến
xã-hội.

Khi dạy cho học-sinh những đặc-
tính cá-nhân phải làm cho học-sinh
thấy cá-nhân phải nằm trong xã-hội,
và không những có bổn-phận phục-vụ
xã-hội mà phải lấy việc cải-tạo xã-hội
làm xuất-phát-điểm cho việc cải-tạo
cá-nhân.

Nền đạo-đức của ta phải là một nền đạo-đức toàn-diện và có tính-chất cải-tạo con người và xây-dựng xã-hội.

2) *Xây-dựng những điểm gì ?*

Trước hết ở mỗi lớp học đều có một chương-trình công-dân đức-dục riêng. Nhưng tất cả những điểm riêng ấy đều quay chung-quanh những điểm chung sau này dùng làm căn-bản cho nền đạo-đức của dân-tộc Việt-Nam về tập-thể cũng như về cá-nhân, về gia-đình cũng như về xã-hội, trong đời công cũng như trong đời tư.

Nó gồm trong hai chữ yêu và ghét.

Yêu những gì ? yêu làm việc, yêu đồng-bào, yêu nhân-loại, yêu tự-do, yêu chánh-nghĩa.

Ghét những gì ? ghét giả-dối, ghét áp-bức, ghét phi-nghĩa

Chúng ta có bổn-phận làm cho học-sinh có thái-độ rõ-ràng minh-bạch về sự yêu hay ghét ấy.

Càng yêu những điều tiến-bộ bao nhiêu thì càng ghét những điều lạc-hậu bấy nhiêu. Càng mạnh-dạn học-tập những đức-tánh tốt thì càng cương-quyết tẩy-trừ những tàn-tích xấu-xa của con người cũ.

Nền đạo-đức này bao-la và đầy-đủ, bởi vì nó không bó hẹp luân-lý vào những đức-tánh lặt-vặt, tư-cách rải-rác của từng cá-nhân; trong lúc rèn-luyện một người con thảo trong gia-đình, một người bạn hiền đối với anh em, thì cũng nhằm rèn-luyện một người công-dân tốt.

Nền đạo-đức này lấy lý-tưởng phụng-sự quốc-gia, phụng-sự nhân-loại làm mục-đích tối-cao, chứ không phải theo như lối cũ, dựa trên ý-niệm vĩnh-viễn về cái thiện

và cái ác, tách việc cải-tạo con người ra ngoài việc cải-tạo xã-hội.

Do đó, trong việc thực-hiện ở nhà trường, giáo-viên chúng ta không nên đóng khung trong những giờ đức-dục, mà làm sao thực-hiện một cách thấm-nhuần trong mọi hình-thức sinh-hoạt của đời sống học-sinh, từ trong trường đến khi về nhà, từ những lúc học đến lúc chơi, lúc nghỉ.

Tóm lại, trong việc xây-dựng đạo-đức cho học-sinh, đầu dạy một bài về cần-kiệm, về hiếu-thảo, về bổn-phận công-dân, hay bất cứ đầu-đề gì, chúng ta luôn luôn phải nắm 2 điểm YÊU và GHÉT đã nói trên làm căn-bản cho toàn-bộ chương-trình.

3) *Phương-pháp xây-dựng đức-tánh cho học-sinh :*

Từ xưa đến nay, chúng ta ít chịu khó đi sâu vào tâm-lý học-sinh cho nên trước những sai lầm của học-sinh, chúng ta chỉ dùng hình-phạt mà « trị » chúng nó. Hiện nay nhiều trường vẫn còn đánh học-sinh, bắt học-sinh ở lại sau giờ học (consigne) hay dùng những lời nặng làm các em sợ hơn là hiểu.

Những hình-thức kỷ-luật ấy không phải là không hiệu-quả, trái lại hiệu-quả của nó thực rõ-ràng, mau lẹ, nhưng chỉ nhút thời, không sâu, nhiều khi có hại hơn là có lợi.

Khoa tâm-lý-học ngày nay cho biết rằng trong con người của ta luôn luôn có hai phần, một phần tốt, đầy ta làm việc hay và một phần xấu xúi ta làm việc quấy.

Trong mỗi học-sinh, có cái muốn học và cái muốn chơi.

Cũng như trong một lớp học luôn luôn có những trò tốt và cũng có những trò xấu.

Trong một xã-hội, có những người hăng-hái lo làm việc xây-dựng xứ-sở, lại có những người bê-tha rượu chè hút xách.

Những người hăng-hái tiến-bộ là phần ưu-tú, cái hay cái mới trong xã-hội, làm cho xã-hội tiến lên. Còn những người bê-tha hút xách là phần xấu, phần cũ trong xã-hội làm cho xã-hội đình-trệ.

Chúng ta nhận-xét thêm rằng cái mới luôn luôn tiến lên và luôn luôn thắng cái cũ, như mặt trời đánh tan đám mây mù. Tỷ như những phần-tử tốt càng tiến lên thì bọn rượu chè càng bị thu hẹp đến chỗ hết đi.

Có như vậy, xã-hội mới có phát-triển, con người mới có biến-cải, anh học-sinh mới có tiến lên.

Sức tiến lên ấy chính là một sức mạnh tự-giác rất quan-trọng. Cái khéo của nhà giáo ta là làm sao kêu-gọi được sức mạnh tự-giác ấy.

Khi ta nhận-xét về một học-sinh mà chỉ nêu cái xấu, không nêu cái phần tiến-bộ của học-sinh ấy, thế là chưa đầy-đủ, không đúng với tâm-lý của anh, và không làm cho anh tự mình hết lòng cố-gắng sửa lỗi mình được.

Muốn cho anh sửa chữa được là làm sao cho anh thấy được phần tiến-bộ của anh rồi dựa vào cái tiến-bộ ấy mà dẹp bớt lần cái xấu còn ẩn trốn trong người.

Đó là nói riêng đối với một người. Còn nói rộng ra, trong một lớp học, có nhiều học-sinh, làm sao chọn lựa được những em tốt, có cố-gắng, nêu những tiến-bộ của các em ấy ra kêu gọi các em kia soi

rọi lại mình mà bắt chước những gương tốt đẹp ấy.

Người giáo-viên cần sát với học-sinh để thấy ngay những mầm tiến-bộ của các em, đưa ra kịp thì để thúc-đẩy các em khác.

Ví như trò A đi trễ, thầy giải-thích nhiều lần. Trò có sửa chữa từ từ. Khi thầy thấy em ấy có tiến-bộ thì hãy sớm nêu cái cố-gắng tốt đẹp của em ra toàn lớp. Em sẽ được thấy khuyến-khích, tin-tưởng và phấn-khởi hơn lên. Đồngthời các bạn khác cũng thấy cố-gắng bắt chước em nữa.

Làm được như vậy sẽ gây được một sự cố-gắng trong toàn lớp để tiến lên.

Muốn cho sự cố-gắng ấy được nung sôi lên mãi, giáo-viên cần chú-trọng lựa những gương tốt trong lớp cho đều, hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng, làm cho học-sinh có một sự cố-gắng thường xuyên, gây thành một phong-trào thi-đua tiến-bộ.

Tóm lại, trong việc xây-dựng đạo-đức cho học-sinh, tuy rằng phương-pháp dùng roi mây, hình-phạt có nơi chưa chấm dứt ngay được, nhưng phải thấy rằng cái đó không căn-bản, vì nó không làm cho học-sinh tự-giác, nó chỉ làm cho học-sinh sợ-hãi, khủng-khiếp, đó là điều không « giáo-dục » chút nào hết.

Căn-cứ vào tâm-lý của trẻ em, ta thấy cần chú-trọng :

— Nêu cái tốt lên để dùng cái tốt dẹp bớt cái xấu.

— Nêu những em tiến-bộ để làm gương thúc-đẩy các em khác.

— Phải làm cho các em có một tinh-thần tự-giác hăng-hái.

IV — KẾT LUẬN

Nhà giáo phải có tư-cách thế nào để làm tròn nhiệm-vụ mình?

Chúng ta phải coi trọng vai-trò của giáo-viên trong nhà trường. Đành rằng sự tiến-bộ của học-sinh nhiều hay ít chánh là do bản-thân các em có cố-gắng hay không. Nhưng nhà giáo có năng-lực, có một phương-pháp vững, có một tinh-thần thiết-tha thì sẽ đẩy được sự cố-gắng ấy lên, làm cho các em học-sinh phấn - khởi đem hết tâm lực mình ra mà học-tập. Do đó, nhà giáo có một tác-dụng chủ-yếu trong việc học-tập của học-sinh.

Những ai xem thường vai trò của giáo-viên, cho giáo-viên chỉ là một người trọng-tài trong lớp học, là hoàn-toàn không đúng.

1) Phải có tình thương-yêu học-sinh.

Là nhà giáo, chúng ta phải thấy rõ ảnh-hưởng quan-trọng của ta đối với học-sinh. Nhiệm-vụ của chúng ta nặng-nề. Muốn làm tròn được nhiệm-vụ nặng-nề ấy, điều trước hết là ta phải có một tình-yêu nồng-nhiệt đối với sự-nghiệp giáo-dục. Phải có một tinh-thần trách-nhiệm cao đối với em trẻ tức là đối với tương-lai của tổ-quốc.

Làm nhà giáo không phải là một viên-chức ăn lương để « sớm vác ô đi, tối vác về ». Trái lại, « nhà giáo phải đem hết tâm-hồn và tình-cảm mình vào nhiệm-vụ ấy. Nếu không, nhà giáo sẽ không giá-trị gì cả » (L'instituteur est un homme qui n'est rien s'il ne met pas son coeur et son âme dans ses fonctions) (Poitrinal-Pédagogie pratique).

Đem hết tâm-hồn và tình-cảm vào sự-nghiệp giáo-dục, tức là trước hết phải yêu-mến các em học-sinh, xem các em học-sinh như là những con em ruột thịt của mình, tha-thiết với mọi sự vui buồn của các em, thông hiểu mọi tính tình khó dễ của mỗi em để tìm cách cho các em tiến lên.

Tình tha-thiết ấy chẳng khác nào như một cội rễ sẵn-sóc vườn hoa của mình, bắt từng con sâu, sửa từng nhánh kiềng, trăm-ngâm vui sướng nhìn từng đóa hoa hé nở, mỗi sáng mỗi chiều vun phân tưới nước, ngày này qua ngày kia mà không chán.

2) Luôn luôn học hỏi trau - dồi nghề-nghiệp :

Trách-nhiệm giáo-viên là trách-nhiệm rèn-luyện thiếu-niên cả 3 phương-diện thể - dục, đức-dục và trí-dục. Cho nên, chỉ có một tình cảm-mến học-sinh, chưa đủ. Còn phải có một trí-thức rộng - rãi soi-sáng, hướng - dẫn các em.

Một nhà giáo - dục Pháp có nói : « Chúng ta không thể kích-thích được tinh-thần tìm-tòi học-tập của học-sinh, nếu bản-thân chúng ta không tích-cực và không có một tâm hiểu biết phong-phú ».

Một mặt khác, xã-hội tiến-triển đòi hỏi không ngừng. Hôm qua ta cày bằng trâu, hôm nay ta đã bắt đầu cày bằng máy. Trước đây ta chỉ giao-thông bằng đi bộ hay thuyền, ngày nay ta đã bắt đầu dùng máy bay hay tàu nguyên-tử. Chúng ta không nên bằng bụng với những phương-pháp và trí-thức đã có, bởi vì lần lần nó sẽ trở nên cũ-kỹ không hợp thời nữa. Chúng ta cần bồi - bổ, học hỏi thêm luôn, để cho kiến-thức ta thêm rộng, sáng kiến ta thêm nhiều, cách dạy

ta thêm mới-mẻ, theo kịp đà tiến-hoá của xã-hội.

Chúng ta cần đọc sách, báo, sát với thời-cuộc, hiểu biết tình - hình kinh - tế chánh-trị, xã-hội trong nước và trên thế-giới để bổ-túc ngay vào những sách-vở của ta có khi đã lạc-hậu rồi.

Chúng ta cần tìm bạn đồng - nghiệp trao-đổi kinh - nghiệm về cách dạy - dỗ từng môn hay cách điều-khiển trật - tự trong lớp v v...

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được của Nhà xuất-bản :

Nguyễn-hiến-Lê

cuốn Luyện văn quyền III, một tài-liệu giúp các bạn hiểu văn hơn và viết văn khá.

B.K. xin cảm - ơn và trân-trọng giới - thiệu cùng bạn đọc.

Và vừa học hỏi thêm, giáo-viên cũng phải tu-chỉnh bản-thân mình luôn để làm gương cho các em soi rọi. Lời nói của thầy phải đi đôi với việc làm. Thầy phải là một gương sống thì mới đủ uy-tín mà thuyết-phục học-sinh, thúc đẩy học-sinh làm theo được. Không gì buồn cười và trái ngược bằng bảo học-sinh đừng đi trễ mà thầy thì cứ đi trễ luôn.

Hỡi các bạn đồng nghiệp !

Trăm ngàn thanh-niên đang mong mỗi chờ đợi ở chúng ta. Nếu chúng ta nhận-thức tất cả danh-dự và nhiệm-vụ trọng-dại của nghề-nghiệp chúng ta, thì chúng ta phải quyết tâm cải-tạo tư-tưởng, học-tập phương-pháp mới, cương quyết tiến lên.

PHẠM-TƯỜNG-TRINH

Có tự biết mình thì mới tự điều-khiển được mình.

HENRY BORDEAUX.

LAO-tâm khổ-tứ cả đời mà không có một cái đích gì để quy tư-tưởng và hành-động của mình vào đó thì thật là điên rồ.

MARC-AURÉLE.

Tôi muốn đầu óc tôi được thư-thái để suy-tính và chỉ-huy.

GALLIÉNI.

NGUỜI ta thường nói khi lựa-chọn là đã hy - sinh một cái gì rồi
Vậy ta hãy hy-sinh, nhưng lựa-chọn đi.

CHỚ chính mình tự đối mình.

ĐẠI-HỌC

VẤN-ĐỀ BẢO-HIỂM (BẢO-KÊ)

L. T. G. — Bài này không có tham-vọng đi sâu triệt vào vấn đề bảo-hiểm mà là để giúp quý vị độc-giả có một khái-niệm về vấn-đề này.

NGUYỄN-HUY-THANH

I — MẤY NÉT LỊCH-SỬ

B

ẢO-HIỂM là một chế-độ tương-đối mới-mẻ, xuất-hiện vào khoảng thế-kỷ thứ 15. Trong thời-kỳ này, việc buôn bán bằng đường thủy

giữa các nước ở ven bờ bể Địa-Trung-Hải rất phồn-thịnh, do đó mới nảy ra việc « bảo-hiểm dương-hải » (assurance maritime), có mục-dích bảo-hiểm hàng-hóa tải trên các tàu thuyền về những rủi-ro của biển cả. Sự bảo-hiểm đời sống của thủy-thủ, lúc đó, không những không có, mà lại còn bị nghiêm-cấm là đáng khác.

« Bảo hiểm lục-địa » (assurance terrestre) xuất-hiện vào thế-kỷ thứ 17, lần đầu-tiên ở Anh-Quốc, dưới hình-thức « bảo-hiểm hỏa-tai ». Năm 1666, một trận hỏa-tai

dữ-dội tàn-phá Luân-Đôn, thiêu-hủy trên một vạn nóc nhà và hơn một trăm nhà thờ. Sau vụ hỏa-tai này, nhiều hội bảo-hiểm hỏa-tai được thành-lập. Cũng trong thời-kỳ này, bảo-hiểm hỏa-tai xuất-hiện ở nhiều nước khác như Mỹ, Đức, Pháp.

Ít-lâu sau, người ta thấy xuất-hiện các ngành bảo-hiểm nhân-thọ, bảo-hiểm tai-nạn, hay nói cho đúng, bảo-hiểm trách-nhiệm về những tai-nạn gây cho người đệ-tam. Trước hết là bảo-hiểm tai-nạn do ngựa và xe ngựa gây cho người đệ-tam —, thủy-tổ của ngành bảo-hiểm tai-nạn xe hơi, — sau đến bảo-hiểm tai-nạn lao-động, do sự bành-trướng của cơ-giới-hóa. Thế-kỷ thứ 20 là thời-kỳ toàn-thịnh của bảo-hiểm. Những ngành bảo-hiểm đã có từ trước tiến-bộ mạnh : sự tập-trung dân-chúng tại các đô-

thì giúp cho sự phát-triển ngành bảo-hiểm hỏa-tai; sự khuếch-trương cơ-giới-hóa và sự lưu-thông bằng xe hơi giúp cho sự phát-triển ngành bảo-hiểm trách-nhiệm.

Mặt khác, trước ảnh-hưởng của sự tiến-triển nền kinh-tế và xã-hội, nhiều hình-thức bảo-hiểm khác được tổ-chức: bảo-hiểm đạo-thiết, bảo-hiểm mưa đá, bảo-hiểm sự chết-chóc của súc-vật, sự đổ gãy của máy-móc, bảo-hiểm chiến-tranh, bảo-hiểm tai-nạn cho thân-thể, bảo-hiểm hàng-không.

Sự tiến-triển của bảo-hiểm trong thời-kỳ này lại có một đặc-điểm nữa là được « xã-hội-hóa » về hai phương-diện:

Trước hết, rủi-ro có thể xảy đến cho bản-thân con người (bệnh-hoạn, tăng-phế, lão-suy) mà việc bảo-hiểm có lợi-ích hiển-nhiên. Những người bị rủi-ro này đe-dọa thường thuộc vào hạng ít dư-dật, không có tiền để đóng bảo-hiểm được, nên chi, vì ích-lợi chung, Chính-Phủ phải can-thiệp bắt-buộc, với sự tham-gia của phe chủ, các công-nhân phải bảo-hiểm những rủi-ro ấy. Cơ-quan đứng bảo-hiểm không phải là những hội bảo-hiểm tư mà là một cơ-quan có một quy-chế riêng-biệt: đó là cơ-quan an-ninh xã-hội.

Sau đến việc quốc-hữu-hóa một số những hội bảo-hiểm lớn. Quy-chế riêng của những hội được quốc-hữu-hóa này, — hội-đồng quản-trị gồm có nhân-viên do Chánh-Phủ cử, các chuyên-viên, các đại-

diện của những người bảo-hiểm, của nhân-viên của hội —, tỏ rõ ý muốn đặt những hội bảo-hiểm lớn dưới sự quản-lý cộng-đồng.

II — BẢO-HIỂM LÀ GÌ ?

Bảo-hiểm thường được định nghĩa là một tác-vụ do đó người đứng bảo-hiểm hứa với người được bảo-hiểm sẽ thi-hành một cung-khoản, khi một rủi-ro xảy ra, với điều-kiện là người được bảo-hiểm phải đóng một khoản tiền kêu là phí bảo-hiểm.

Định-nghĩa này cho ta thấy rõ mối tương-quan giữa người đứng bảo-hiểm và người được bảo-hiểm. Khế-ước bảo-hiểm phát-sinh hai nghĩa-vụ hô-tương chính: việc đóng tiền phí bảo-hiểm và việc thi-hành cung-khoản khi rủi-ro thực-hiện.

Muốn cho đầy-dủ, định-nghĩa ấy cần bổ-khuyết thêm bằng một yếu-tố nữa: yếu-tố « hô-tương ». « Hô-tương » là căn-bản của bảo-hiểm. Không thể có sự bảo-hiểm riêng-biệt cho một rủi-ro giữa một người đứng bảo-hiểm và một người được bảo-hiểm; nếu vậy, đối với người đứng bảo-hiểm chỉ là một cuộc đánh bạc; đối với người được bảo-hiểm chỉ là xê-dịch rủi-ro sang đầu kẻ khác, và rất có thể, khi rủi-ro xảy ra, người được bảo-hiểm không được người đứng bảo-hiểm thi-hành cung-khoản, vì người này vô-tư lực.

Đành rằng bảo-hiểm dựa vào sự may rủi, nhưng bảo-hiểm không phải hẳn là một tác-vụ bấp-bênh, ít nhất đối với người đứng bảo-

hiểm. Người được bảo-hiểm tìm thấy trong việc bảo-hiểm một biện-pháp để chống lại sự may rủi. Người đứng bảo-hiểm, trái lại, phải loại trừ sự may rủi ấy. Mục-dịch này chỉ có thể đạt được bằng cách tập-trung một số những người muốn được bảo-hiểm vào một «đoàn-thể hỗ-tương» mà người đứng bảo-hiểm thật ra chỉ là người quản-lý mà thôi. Chủ-yếu của bảo-hiểm là nhóm người tập-hợp đồng tình quyết-định, để đối-phó với một loại rủi-ro có thể xảy ra cho họ, gom-góp tiền để có thể bồi thường thiệt-hại khi rủi-ro xảy đến cho một người trong bọn. Người đứng bảo-hiểm chỉ là người trung-gian, đứng quản-lý cái quỹ chung ấy. Nhiệm-vụ của họ là, căn-cứ vào thống-kê, họ sẽ bảo-hiểm những rủi-ro các loại như thế nào để có thể, với cách tính «bù-trừ khoa-học», bồi thường được cho người bị rủi-ro.

JOSEPH HEMARD đã cho một định-nghĩa khá đầy-đủ về bảo-hiểm như sau : «bảo-hiểm là một tác-vụ mà, một bên, người được bảo-hiểm, với số tiền góp cho mình hay cho người đệ-tam, được một bên kia, người đứng bảo-hiểm, hứa sẽ thi-hành một cung-khoản, nếu rủi-ro thực-hiện. Người này đảm-nhận toàn bộ rủi-ro, rồi đem bù-trừ theo những định-luật về thống-kê.»

III — VAI TRÒ CỦA BẢO-HIỂM.

1.) *An-ninh cá-nhân.* — Bảo-hiểm đóng một vai trò quan-

hệ không những về phương-diện cá-nhân mà cả về phương-diện chung nữa.

Về phương-diện cá-nhân, bảo-hiểm là một tác-vụ có tính-cách đạo-đức vì bảo - hiểm là kết - tinh của đức-tính «biết lo xa» không chịu ngồi đợi số phận may rủi đến rồi, khi hoạn-nạn xảy tới, đành bứt đầu vò tai, than thân trách phận; người vào bảo - hiểm biết chịu hy-sinh để bảo-đảm tương-lai cho riêng mình hay cho người thân của mình.

Ngoài tính-cách «đạo-đức» nói trên, đem lại cho người vào bảo-hiểm một ý thức «an-ninh» giúp cho họ hoạt-động hăng-hái không e-dè những rủi-ro ngày mai. Tin-tưởng vào tương-lai, vì họ chắc được bảo-đảm không những cho họ và cho cả vợ con họ, họ hành-động một cách bạo-dạn, dám làm những công việc mà họ sẽ dè-dặt, nếu không có bảo-hiểm. Những nguyên-nhân gây ra rủi-ro hiện nay càng ngày càng nhiều, nên «sự an-ninh cá-nhân» lại càng cần-thiết, nhất là đối với những người ưa hoạt-động, những người trong giới thương-mại mà vì nhiệm-vụ phải xê-dịch luôn luôn.

Về phương-diện chung, bảo-hiểm tăng-cường nền kinh-tế quốc - gia, vì nhờ có bảo-hiểm mà ta có thể tái-tạo dễ - dàng những lực - lượng sản-xuất bị tiêu-hủy, nhất là nhiều khi những lực-lượng tái-tạo này có một năng-xuất khả-quan hơn những lực-lượng cũ. Tỷ-dụ như

bảo-hiểm hỏa-tai nhà máy; nếu hỏa-tai xảy ra và nhà máy bị thiêu-hủy, người được bảo-hiểm sẽ nhận của hội bảo-hiểm một khoản bồi-thường để thiết-lập nhà mới và, nhân dịp này, có thể sắm những dụng-cụ tối-tân hơn.

2.) *Tập-trung vốn* — Nhờ sự thâu những khoản tiền phí bảo-hiểm nên một số vốn lớn được tập-trung ở các hội bảo-hiểm, chờ ngày thanh-toán những rủi-ro xảy ra. Sự tập-trung vốn này có ích-lợi cho người được bảo-hiểm (theo nghĩa rộng, kể cả những người được hưởng quyền-lợi của khế-ước bảo-hiểm mà không đứng ký-kết), vì họ chắc-chắn được người đứng bảo-hiểm giữ lời cam-kết. Cũng vì lý-do này nên Chánh-phủ can-thiệp vào sự điều-hành của hội bảo-hiểm, bắt-buộc lập khoản dự-trữ đặc-biệt.

Sự tập-trung vốn này có ích-lợi về phương-diện kinh-tế chung. Chánh-Phủ bắt các hội phải đem số vốn tập-trung ấy hay một phần số vốn tập-trung ấy dùng để thoả-mãn những nhu-cầu quốc-gia bằng cách buộc họ phải mua những công-thải do quốc-gia hay các đơn-vị hành-chính khác (tỉnh, xã) phát-hành.

3.) *Tin-dụng* — Bảo-hiểm có một cơ-năng thứ ba: cơ-năng tin-dụng. Trước hết, bảo-hiểm làm tăng-cường những bảo-đảm mà người đi vay có thể nại ra để xin vay; do đó, họ vay được dễ-dàng hơn, thí-dụ như việc bảo-hiểm hỏa-tai làm dễ-dàng việc vay mượn với « dễ đương »,

vì người cho vay chắc-chắn được bồi-thường, nếu chẳng may nhà bị hoả-hoạn. Việc bảo-hiểm nhân-thọ làm dễ-dàng việc vay mượn của người đi vay không có gì dễ làm bảo-đảm.

Dưới hình-thức bảo-hiểm tín-dụng, người được bảo-hiểm có thể cho vay mượn không sợ « thất bát », vì họ chắc-chắn là, nếu con nợ không trả được, hội bảo-hiểm sẽ phải hoàn-thường cho họ.

4.) *Nhiệm-vụ quốc-tế* — Như đã nói ở trên, bảo-hiểm chỉ có thể đạt được kết-quả bằng cách tập-trung tất cả những loại rủi-ro vào một đoàn-thể hồ-tương. Hội bảo-hiểm không thể giới-hạn hoạt-động trong một địa-phương, mà cần lan-rộng phạm-vi cho toàn quốc và hơn nữa đến các nước khác; đó là điều-kiện cần-thiết cho sự vững-chắc của hội bảo-hiểm và cũng do luật « bù-trừ » bắt-buộc.

Nhiệm-vụ quốc-tế này được thực-hiện dưới 2 hình-thức:

— Các hội bảo-hiểm lãnh bảo-hiểm ở ngoại-quốc, chẳng hạn ở Việt-Nam có những chi-nhánh hay đại-lý của các hội bảo-hiểm Thụy-Sĩ, Anh, Mỹ.

— Dưới hình-thức « tái bảo-hiểm », các hội bảo-hiểm đem bảo-hiểm lại một phần cho các hội bảo-hiểm ngoại-quốc; thí-dụ một hội bảo-hiểm Việt-Nam nhận 100\$ tiền phí bảo-hiểm hỏa-tai thì chỉ giữ lại về phần mình 10\$, còn đem bảo-hiểm lại cho một công-ty ngoại-quốc 90\$; như vậy, nếu

có hoả-tai xảy ra, hội bảo-hiêm ngoại-quốc phải thường theo tỷ lệ 90 %, hội bảo-hiêm Việt-Nam, theo tỷ-lệ 10 %.

Thường ra, hội bảo-hiêm ngoại-quốc cũng chỉ giữ lại cho mình một phần nào, 10\$ chẳng hạn, còn lại đem bảo-hiêm lại 70\$ vv...

Như thế, ta thấy rằng hoả-tai xảy ra ở Việt-Nam có ảnh-hưởng đến nền kinh-tế của nhiều nước, đó cũng là một động-lực cho sự thăng-bằng và sự vững-chắc của nền kinh-tế chung.

IV — PHÂN-LOẠI

1. — Căn-cứ vào nơi mà những rủi-ro xảy ra: trên không, trên mặt biển hay mặt đất liền, người ta chia bảo-hiêm ra ba loại:

- a) — Bảo-hiêm không-trung,
- b) — Bảo-hiêm dương-hải và hà-nạn,
- c) — Bảo-hiêm lục-địa.

Bảo-hiêm không-trung có mục-dịch bảo-hiêm những phi-hành-khí (tàu bay), những hàng-hóa do các phi-hành-khí vận-tải, về những rủi-ro có thể xảy ra trong khi chuyển-vận trên không.

Bảo-hiêm dương-hải và hà-nạn có mục-dịch bảo-hiêm những rủi-ro xảy ra cho tàu hay hàng-hóa trong lúc đi trên biển hoặc trên sông.

(Bảo-hiêm không-trung, bảo-hiêm hàng-hải và hà-nạn không có áp-dụng cho những hành-khách chuyên-chở, việc bảo-hiêm những người đi trên tàu thuộc ngành bảo-hiêm

trách-nhiệm của những người làm nghề chuyên-chở).

Bảo-hiêm lục-địa, bảo-hiêm tất cả những rủi-ro không thuộc vào phạm-vi của hai loại bảo-hiêm nói trên.

2.) Căn-cứ đối-tượng của bảo-hiêm ta có thể phân-biệt:

- a) — bảo-hiêm tồn-hại,
- b) — bảo-hiêm nhân-thân.

a) Bảo-hiêm tồn-hại có mục-dịch thường cho người được bảo-hiêm sự thiệt-hại gây cho tài-sản của họ, vì rủi-ro đã xảy ra.

Bảo-hiêm tồn-hại phân chia ra:
— bảo-hiêm đồ-vật,
— bảo-hiêm trách-nhiệm.

Bảo-hiêm đồ-vật có mục-dịch thường cho người được bảo-hiêm sự tồn-thất đồ-vật mà họ đem bảo-hiêm, thí-dụ như bảo-hiêm hoả-tai: nếu hỏa-hoạn xảy ra và nhà bị tiêu-hủy thì sự bảo-hiêm phải đền sự thiệt-hại cho chủ.

Bảo-hiêm đồ-vật có nhiều thứ như bảo-hiêm mưa đá, bảo-hiêm vũ-bão, bảo-hiêm trộm cắp, bảo-hiêm sự chết-chóc của súc-vật, bảo-hiêm tin-dụng thương-mại, vv...

Những tai nạn gây thiệt hại cho người đệ-tam đem lại trách-nhiệm cho người đã gây ra tai-nạn và buộc họ phải thường. Tài-sản của họ, vì vậy phải gánh một khoản nợ, tức là số tiền họ phải đền về những thiệt-hại đã gây ra. Bảo-hiêm trách-nhiệm có mục-dịch đền sự thiệt-hại do món nợ trách-nhiệm đem lại cho tài-sản của người gây

ra tai-nạn. Bảo-hiểm trách-nhiệm không bồi-thường sự thiệt-hại cho người đê-tam bị tai-nạn, mà là sự thiệt-hại của người gây ra tai-nạn (có vào bảo-hiểm) vì món nợ trách-nhiệm.

Thí-dụ cụ-thể nhất của bảo-hiểm trách-nhiệm là bảo-hiểm xe hơi về tai-nạn gây cho đê-tam: Chủ xe hơi vô bảo-hiểm trách-nhiệm sẽ không phải trả tiền bồi-thường về tai-nạn gây ra cho người đi đường, mà là hội bảo-hiểm của đương-sự phải đứng ra đền.

b) Đối-tượng của bảo-hiểm nhân-thân là bảo-hiểm bản-thân người vào bảo-hiểm. Trái với bảo-hiểm tổn-hại mà cung-khoản của hội bảo-hiểm phải tương-đương với thiệt-hại gây ra cho người bảo-hiểm, và trong bất cứ trường-hợp nào, cung-khoản không thể vượt quá sự quan-trọng của những thiệt-hại, cung-khoản trong bảo-hiểm nhân-thân không có liên-lạc với sự quan-trọng của thiệt-hại gây ra do sự thực-hiện rủi-ro. Bảo-hiểm nhân-thân không có tính cách «bồi thường», không có mục-dịch để sửa-chữa một sự thiệt-hại. Bảo-hiểm nhân-thân có mục-dịch bảo-đảm bản-thân người vào bảo-hiểm đối

với những rủi-ro có thể xảy ra cho đời họ, cho sức-khỏe của họ, cho sự toàn-vẹn thân-thể của họ (sinh, tử, bệnh, tật).

Bảo-hiểm nhân-thân phân chia ra hai ngành chính:

- Bảo-hiểm nhân-thọ.
- Bảo-hiểm tai-nạn.

Bảo - hiểm nhân - thọ gồm có bảo-hiểm nhân-thọ sinh-kỳ và bảo-hiểm nhân-thọ tử-kỳ.

Bảo-hiểm nhân-thọ sinh-kỳ có nghĩa là nếu đến một thời-kỳ định trước mà người vào bảo-hiểm còn sống thì hội bảo-hiểm phải thi-hành cung-khoản ghi trong khế-uớc bảo-hiểm.

Bảo-hiểm nhân-thọ tử-kỳ có nghĩa là nếu đến một thời-kỳ định trước mà người vào bảo-hiểm mệnh một thì hội bảo-hiểm phải thi-hành cung-khoản đã hứa.

Bảo-hiểm tai-nạn có mục-dịch bảo-hiểm những sự xâm-phạm tới thân-thể của người vào bảo-hiểm do một động-tác xảy ra ở bên ngoài và gây sự chết, tàn-tật, mất năng-lực nhất thời hay vĩnh-viễn, mất năng-lực nhất-bộ hay hoàn-toàn cho đương-sự.

NGUYỄN-HUY-THANH

Sĩ-phu ba ngày không đọc sách, soi gương thấy mặt mũi đáng ghét, nói truyện lạt-lẻo khó nghe.

HOÀNG-ĐÌNH-CÔNG

TÌNH GIAO-KẾT TRONG CÂU HÒ MIỀN NAM

THUẦN-PHONG



OÀN-cảnh thiên-nhiên là bối-cảnh tuyệt-diệu của những cuộc tao-phùng ; cuộc sanh-hoạt nông-thôn là cơ-hội ly-kỳ của những khi hội-ngộ mà câu hò bao giờ cũng là mối dây vương-vấn những tấm lòng đa cảm ngây-thơ. Cuộc hội-ngộ dưới nước trên thuyền chẳng qua là duyên qua đường, dầu đậm-đà say-sưa như trắng thanh gió mát, song cũng linh-dinh trôi giạt như chiếc lá cánh bướm, một con nước măn rồi là giòng chia hai ngả, kẻ ngược người xuôi.

Duy có ruộng đồng mới là chỗ tốt cho « xanh cây bến rể », cho « gái dựa trai kè », cho « thực-nữ anh-hùng gặp nhau », để kết - duyên gá nghĩa theo truyền-thống cang-thường đạo-lý. Cho nên trên sông rạch mỗi cuộc hội-ngộ là một cuộc đấu trí thi tài, mà dưới ruộng đồng, cuộc hội-ngộ lắm khi là một dịp gieo tình kết nghĩa: thiếu chi đôi trai gái thành-hôn sau một mùa cấy hay một mùa gặt?

Bởi vậy theo dõi câu hò ở ruộng đồng tức là theo dõi nhịp lòng của con

người thôn-quê, mới hiểu thấu quan-niệm về tình-duyên đạo-ngĩa.

Thử lòng

Trong trường-hợp nào và mặc dầu hậu-quả ra sao, đầu tiên câu hò là nguyên-do cuộc giao-thiếp, chẳng khác nào miếng trầu là đầu câu chuyện trong xã-hội đồng quê. Cho nên cấy gặt thường khởi công theo câu hò đối-đáp ;

*Nhận lạc bầy nhận xăng-lăng xáo-láo
Sáo lạc nhận sáo phải bơ-thờ,
Trước ông chủ nhà, sau là trùm vạ,
cho tôi hò nhờ đôi câu.*

Đó là một câu khởi xướng trong một đám cấy địa-phương giữa những người ở một địa-phương. Có khi người ở địa-phương này sang cấy gặt ở một địa-phương khác, như người ở Tiền-Giang xuống miệt Hậu-Giang, vùng Ba-Thắc (Bắc-Liên) hay Ba-Xuyên (Sốc-Trăng). Trong trường-hợp này, người ta mở đầu chào người bôn-xứ :

*Tôi là người đạo kiềng lê-viên,
Tôi đây gặp gái thuyền-quyên rủ hò.
Đề lên tiếng thanh-minh tấm lòng
thanh-khiết, chàng trai thường tuyên-bố
tiếp theo :*

Hò chơi hai gái hai trai.

Thưa cùng cô bác đừng ai nghĩ-ngờ.
Lời thanh-minh dầu thành-thật, nhưng
nơi sâu-kín cõi lòng ai là thanh-niên
thiếu-nữ đã quen làm việc chung trong
khung-cảnh hữu-tình mà khỏi lâng-lâng
hồn mộng ? Cho nên cô gái liền nòng-
nàn đón tiếp hai câu hò tuyên-ngôn kia
bằng câu hò khuyến-khích :

Nước sáu sóng bủa láng cò,
Thương anh vì bởi câu hò có duyên.

Anh trai không còn mại hơn, không
còn ngần-ngại, trước một thái-độ, gần
như sỗ-sàng mà thật ra là thân-ái, đúng
phép xã-giao, đúng điệu nhà nghề. Anh
phấn-khởi lên, cất tiếng tán-tụng:

Thùng, thùng ! Đó nói một câu.
Đây anh chầu nửa chục !
Hễ là gạn đục thì phải lóng-trong,
E cho miệng chẳng có in lòng,
Chớ thuyền-quyên sánh với anh-hùng
mới xuê.

Cô gái thấy cuộc tấn-công đã có vẻ
mạnh, chưa biết phải hát đối làm sao
cho vừa, anh trai đã vội phô-bày tấm
lòng đa cảm bằng một câu nữa:

Văn kỳ thỉnh, bất kiến kỳ hình,
Mặt tuy chưa thấy mặt, nghe tình
nên thương.

Dĩ-nhiên phải sứt-sè trước cái bước
quá táo-bạo của anh bạn diễn ồ-ạt, cô
gái e-lệ đối lại bằng một sự hồ-nghì :

Vóc bồ-liếu e-dè gió bụi,
Đóa anh-đào sợ-hãi nắng sương,
Em biết đâu là khách dài-chương,
Ngồi nhân giữ được bức thương
vậy chăng ?

Anh trai phá ngay sự ngờ-vực chánh
đáng ấy bằng một lời thề đá vàng :

Ư' diên tác hiệp-hoan-thảo,
Ư' thủy tác tịnh-dầu-liên,
Đây anh cũng nặng lời nguyện :
Dầu cho sanh tử, vẹn tuyền trước
sau !

Có mối tình nào mà giao-kết sau đôi ba
câu hát, vì một lời nguyện ? Ai lại
không biết : khi thương, thương vội,
khi lìa, lìa xa ? Một mối tình như thế
không làm sao bền-bĩ và không có giá-
trị gì. Luôn luôn người ta đòi :

Lên non chọn đá thử vàng,
Thử cho đúng lượng, mấy ngàn
cũng mua.

Ai cũng biết vậy. Anh trai cũng
biết vậy, anh cũng biết không ai dễ tin
mau chóng, vội giao duyên; anh cần
phải dài lời già lẽ hơn nữa; anh phải
bẹo ra một vài hình-ảnh tốt đẹp, sánh
với cái viễn-ảnh tươi hồng của tình-
yêu, của hôn-nhân, đồng thời anh cần
cho biết rằng anh cũng là một người
kén chọn đáo để :

Trên trời có cây hoá kiềng,
Dưới biển có con cá hóa long,
Anh đi Lục-Tĩnh giáp vòng,
Tới đây trời khiến đem lòng thương
em .

Trời khiến ! Trời có chiều-cổ đến
mọi người không ? Trời có chi-phối
duyên-nợ không ? Câu-tiên-dịnh, cô gái
không cần xét đến; cô chỉ thấy anh kia
sao quá đòi lừng, nên cô thẳng lại bằng
một câu hò cảnh-cáo :

Rừng hoang sóc nhảy tung-bùng,
Hoa chưa nở nhụy, bướm đừng lao
xao !

Anh trai đã hiểu rằng « Trời » không
có linh-thiên hiệu-lực đối với một tâm-
hồn chất-phác chân-thành, không thể nhờ
Trời xanh mà chinh-phục trái tim vàng;
chàng liền đòi luận-diệu, dựa vào một
« lẽ » cũng khó hiểu, cũng huyền-diệu
gần như Trời kia, tức là cái mà người
ta quen gọi là « duyên » đó :

Hữu-duyên thiên-lý năng tương-ngộ,
Vô-duyên đối diện bất tương-phùng,
Thuyền-quyên nở phụ anh hùng sao
nên ?

Thật vậy, hễ duyên chưa có, chưa
phải, thì có đối mặt mà vẫn xa lòng,
có khác chi mây vẩn dầu non song
chẳng gần trăng được :

Thiếp tợ thiên-biên nguyệt,
Quân như lãnh-thượng vân,
Tuy gần mà chẳng phải gần
Cũng như biên Sở non Tần cách xa.
Hát đối lại như vậy là cô gái « mở »
ra, đề nghe chàng trai « buộc » lại :

Bậu không biết nghĩ !
Bậu lí như vậy :
Chim oan-ương còn biết kết bầy,
Cá bi-mục còn vầy đôi bạn.
Chẳng qua vận hạn,
Anh mới xa nàng,
Chớ ai có muốn loan hoàng lệ-loi ?
Buộc bằng một câu như vậy không
mong chi được như ý nguyện; cô gái
chỉ dựa vào chim trời cá nước mà
hò xuôi :

Em chửi ngại : thủy-đề ngư, thiên-
biên nhạn,
Cao khả xạ hê, đê khả điếu,
Chi xích nhơn-tâm bất khả phòng !
E sau lòng lại đòi lòng.
Nhiều tay tham bươi ché bông
lắm anh.

Đề đánh-dồ sự e-ngại, anh trai thêm
một lần nữa buộc miệng cất tiếng thề :
Trên trăng, dưới nước,
Anh giao-ước một lời :
Dầu trắng lờ nước cạn, mấy đời
phụ em ?

Đã nhiều phen thử lòng rồi, cô gái
thôi cũng tạm xiêu lòng cho, nên cũng

cất tiếng thề nguyện :
Trời cao đất rộng,
Em vọng lời nguyện :
Đất trời còn đó em giữ tuyền thủy-
chung.

Quyên cha mẹ

Cô đã hứa giữ vẹn tuyền thủy-chung
nhưng chưa phải đã bằng lòng kết duyên-
nợ, vì nàng liền hò tiếp :

Trời cao hơn trán,
Nước sáng hơn đèn,
Kèn kêu hơn quyền,
Biển rộng hơn sông,
Mưa đừng thương trước uông công,
Chờ cho thiệt vợ thiệt chồng sẽ hay,

Ở đây, tự-do chưa chen vào hôn-
phối, con không mặc áo khởi đầu : sự
tương-đối giữa chữ tình và chữ hiếu sánh
như sự tương-đối giữa sông-biển, quyền-
kèn, đèn-nước và trán-trời. Hai bên
trai gái đều đồng ý về quyền-hạn của
cha mẹ trong việc hôn-nhân, nên chàng
trai vừa gạn lại :

Sợ đó không ưng,
Chớ đó ưng, đây mừng biết mấy
Hễ anh thấy thương rồi, thì cha mẹ
thấy cũng thương
vừa hỏi ý-kiến cha mẹ bên kia:

Đèn treo cột dấy,
Nước chảy cột đèn run,
Anh thương em thâm-thiết vô cùng
Biết cha với mẹ có bằng lòng hay
chẳng ?

Muốn nhấn mạnh rằng mình vẫn tôn-
trọng và tuân-hành mạng-lệnh của mẹ cha,
anh trai còn yêu-cầu cô gái :

Khăn xanh mà gói đậu nành,
Chạy về hỏi mẹ có đành anh không ?
Không ! Lẽ nào lại sống-sả như thế ?
Cô gái không vội-vàng đâu, vì cô gái thôn-

quê thường thường dè-dặt :

Ngó lên chữ ừ,

Ngó xuống chữ ư.

Anh thương em, thùng-thắng em ừ,

Anh đừng thương vội mẩu-từ em hay!

Cô gái vốn là người đoan-chánh, việc dựng vợ gả chồng là việc quan-trọng nhứt trong đời người và việc vợ chồng là việc thiêng-liêng cả-thề, làm con mà là làm con gái, ai cũng biết :

Cá không ăn muối cá ươn,

Con cãi cha mẹ trăm đường con hư.

Miếng trầu héo, chun rượu lạt là dề đèn ớn đáp nghĩa dưỡng-dục sanh-thành, người con hiếu-thảo phải dành cho cha mẹ cái vinh-diệu định đôi gả lú. Hiền phận làm con, cô gái lập lại :

Phụ-mẫu sử-sanh em dề cho phụ-mẫu định :

Trong việc vợ chồng chờ lệnh mẹ cha.

Anh trai đã đồng ý về nguyên-tắc từ trước, nên liền xác-nhận thêm một lần nữa, một cách thân-mật hơn :

Thiếp đứng gần chàng hơn vàng chín nén,

Chàng đứng gần thiếp hơn chén thuốc tiên,

Anh nói với em chẳng dám thị-thiền,

Khuất trắng án bóng mà sợ quyền mẹ cha.

Nếu anh tôn-trọng quyền mẹ cha là tối cao và không nói phỉnh-phờ thì cô gái không còn thấy trở-ngại gì trong cuộc tác-thành giai-ngẫu.

Từu phùng tri-kỷ thiên bôi thiểu,

Thoại bất đầu-cơ bán cú đa,

Miễn cho anh nói thiệt-thà,

Dầu cho Hồ Việt, một nhà lạ chi ?

Sự thật đúng mười mười là quyền cha mẹ được tuân-hành, nên anh trai lập lại một lần cuối :

Mình-quân lương-tề tao-phùng dị,

Tài-tử giai-nhân tế-ngộ nan,

Phụng-hoàng đầu đỏ mỏ vàng,

Ra đi phụ-mẫu dặn, gặp nàng kết đôi



Cuộc hội-ngộ trên ruộng đồng có khác với cuộc hội-ngộ trên thuyền dưới nước. Câu hò trên rạch sông cũng có khác với câu hò trong mạ lúa. Một đằng là qua đường, một nơi có thể đình-trụ. Trong trường-hợp nào con người vẫn chơn-thật thanh-tao, chứng-tỏ những thái-độ vui tươi mà đúng-dẫn, lộng trong một lối văn uyên-chuyên tuyệt-diệu phi-thường. Mà cuộc hội-ngộ trên ruộng-dồng nhiều khi lại mở đường cho cuộc hôn-ước.

THUẦN-PHONG

NGƯỜI trí là người tự biết mình.

NHAN-HÒI

CÁC điều chúng ta biết chỉ là một giọt nước, các điều chúng ta không biết là cả một đại-dương.

NEWTON

HỒ-XUÂN-HU'ÔNG

của BÙI-GIANG

*« Thân em thì trắng phận em tròn,
Bảy nổi ba chìm với nước non... »*



HÂN-phận của nữ-sĩ quả như lời nàng vịnh bánh trôi nước : bảy nổi ba chìm. Nhưng tất cả tấn thâm - kịch chưa chỉ chừng đó. Nếu bảy nổi ba chìm giữa nước non mà người chịu đựng cho lòng mình cùng với cuộc đời mà đổi - thay, méo - mó, thì không sao. Cái đau - đớn là giữa non nước bảy nổi ba chìm, người lại cố giữ tròn-trịa, trắng-trong một tấm lòng son nguyên-vẹn. Và suốt một đời, sự xung-đột cứ tiếp-diễn liên-miên. Mâu-thuân giữa lòng người và cuộc sống, tương-xung giữa niềm khát-vọng tha-thiết của tâm-hồn và sự khắc-khe của định-mệnh. Oái-oăm làm sao, sự chênh-lệch ! Người tìm mãi không ra nhịp quân-bình. Thoảng hoặc, một đôi lần có tạm tìm được, cũng chỉ để rồi khi mất lại càng chua-xót tái-tê hơn. Và lời van-xin, lời cầu-nguyện âm-thầm của lòng người thiết-tha qua giọng điệu cọt-dừa trăng-tráo, những lần nào ta lắng lại chu-đáo hơn, ta đã kịp nhận ra một âm-vang nào-nuột cũng gần như tiếng « tân-thanh đoạn-trường » của Tố-Như,

mà có lẽ dường còn tấm-tức oái-oăm hơn. Nói mà ghen lời, thờ-than mà ngượng-ngập, muốn khóc-lóc mà đành phải gượng cười, chưa một lần nào người thật sự để lòng mình trước mắt người đời được dãn bày, phơi trải. Tự thú thật với lòng mình đã ngượng-ngịu lắm thay ! « Những chưa nói đã thẹn-thùng... ».

Mà thật ra, còn một lối nói nào phơi bày rõ hơn nỗi lòng tan-nát bằng cái cười hí-hước che dấu tâm-tư ? Che mà rất mở.

Người con gái từ nhỏ sống cô-lẻ với mẹ, ra vào một gian nhà nhỏ bên hồ Lăng-Bạc, người con gái quê mẹ ở Hải Dương, quê cha Quỳnh-Lưu đất Nghệ, đã ôm-ấp những mộng-tưởng gì khi nhìn tấm gương kim-cổ cau mặt với tang-thương, những lúc nắng hanh buổi sớm, mây dồn mái trưa... Nàng đã âm-thầm nói lại những giấc mơ nào, riêng ? chung ? cùng non nước ? Những giấc mơ nồng-nàn nào để ngày mai cuộc đời sẽ làm cho tan-nát ? Và người sẽ lựa một giọng-diệu nào

đề lấp-liếm người quên, mà riêng mình biết đã trọn vẹn ký-thác với cái tâm-sự của con người đau-thương mà nghìn xưa lời ca-dao từng than-thở :

*« Tường rằng đá nát thì thôi,
Ai ngờ đá nát nung vôi lại nong. »*

Lên bảy, lên tám, xin mẹ cấp sách tới trường, những hoài-vọng thiết-tha nào xui giục ? Cái thế-giới này mới xinh-ngộ làm sao. Từ bao năm lớn lên bên tà áo mẹ, có dịp nào được sống với nhịp lòng vui hững hờ này đâu. Một vài chữ Tam Tự Kinh của thầy chỉ bảo qua loa cho cô nữ-sinh đỡ chơi nghịch, thầy có ngờ đâu rằng trong tâm-hồn nhiều chờ mong thăm mòng ấy, mỗi một chữ sách có một âm-vang không thường, đánh thức giấy muôn vàn khát-vọng tiềm lắng của cha ông, của những con người Nghệ-Tĩnh.

Các bạn trai đừng quá sỗ-sàng tinh-nghịch nhé. Người bạn gái hồn-nhiên nhí-nhảnh ấy, cùng ngồi với các bạn trong gian phòng học kia, mang một tâm-hồn muôn thu của non nước, ngày mai sẽ thay thế cho bạn quần-thoa nói lên nỗi đời hồn-tủi của giới mình trong một giọng điệu nào độc-đáo vô song... và muôn người ngang qua sẽ dừng bước lắng nghe, sững-sờ, băng-khuâng và lim-dim mắt lại...

Cái giọng nói hồn-nhiên vui cười cay đắng của người tự thưở lên mười, nàng đã có... Một chữ « XUÂN » viết trên bụng biến thành một chữ « THUNG » ... và nàng cũng không ngần-ngại gì mà không vì văn-chương đem phoir bụng mình cho bạn đọc. Bạn cứ nhìn kỹ vào bụng Xuân-Hương mà xem (bụng theo nghĩa đen). Đã nói chuyện văn-chương thì đừng nên e-thẹn gì giữa trai và gái. Một câu nói, một thái-độ ấy của người cũng đủ

tóm-tắt cả một bản-ngã ngang-nhiên của bạn nữ-lưu yêu đời dạn-dĩ. Rồi suốt đời nàng vẫn giữ vẹn thủy-chung với quan-niệm tuyệt-luân của mình hoài-bảo với văn - chương nghệ-thuật : tươi-cười vừa như che dấu, vừa phơi trải cả tấm lòng tan nát, đứt lìa của mình, thẳng-thắn cho đời nhìn càng rõ thêm ra... Người đời có cười nàng sao trên bước đường đời nàng vấp té nhiều bận thế, và quả tim có vì vậy mà đập nát nhiều không. Thì nàng vẫn lại tươi-cười lấp-lửng mà đáp :

*« Giơ tay với thử trời cao thấp,
Xoạc cẳng đo xem đất ngắn dài. »*

Lời nói đề chứa thẹn của tuổi nhỏ quả cũng phát-xuất tự tâm-can, và nghiêm-nhiên trong đó lung-linh hình-ảnh trọn một kiếp người. Muốn biết trời cao thấp, muốn biết đất ngắn dài, thì thế tất phải chịu xoạc cẳng, giơ tay, chịu lằm than té xuống, té lên chứ lị. Nếu không chịu trầy tay, gãy chân và đứt từng đoạn ruột thì làm sao biết rằng đất có còn để bàn chân đạp, và trời có còn để miệng thở-than ?

Ta hãy nhận ra lời nói của nàng. Cô gái di dự hội xuân nhí-nhảnh tươi-cười gieo tặng những văn thơ xanh, sau này bao lần sẽ gây cho lòng người rất nhiều tấm-tức. Ta đau-lòng nhìn cái nụ cười xuân của nàng giữa buổi hội hân-hoan. Cái cười trước sau vẫn không thay-đổi. Vẫn hồn-nhiên bất tận. Vẫn hai làn môi hồng thắm tươi làm khung cho hai hàm răng ngọc. Và nhìn vào ta cứ thấy mới mãi ra. Ta muốn thưa : — « Xin nàng hãy đừng cười nữa. Chừng ấy cũng đủ để chúng tôi hiểu rồi, và cảm tạ người rồi. Tôi

đã đọc được tiếng khóc trong giọng cười, và hiểu đời mình, đời người júng-túng như thế nào trong vòng định-mệnh... »

Cái cười của nàng cũng như cái khóc của Nguyễn-Du, vừa đau-thương vừa an-ủi. Hai thiên-tài của đất nước đã chỉ cho ta hai lối thoát-ly, tuy xa biệt nhau, mà cùng giống nhau trong tác-dụng.

Với Nguyễn-Du, ta ngồi lại bên đường, dưới bóng cây râm-mát, bên bờ suối trong, ta chờ bàn tay người mẹ hiền thấm nước rửa-rít vết-thương, và chim trên cành văng giọng ca chia sẻ... Lòng ta dịu lại, vì trong khi ta đau-khổ, cả đất trời cảnh-vật đã cùng ta lai-láng cảm-thông. Khi dầm-dìa than-thở :

« Bên trời góc bể bơ-vơ,

Tấm son gột rửa bao giờ cho phai... »

ta đã dốc hết nguồn cơn cho trời bể, và trong lời thở-than tràn-trào, uyên-chuyên, ta đã gửi trọn nỗi buồn đau cho nhịp-diệu, và cuối-cùng đã tìm ra an-ủi trong nhịp điệu dong đưa... Qua làn nước mắt người đã mỉm một nụ cười với nghệ-thuật vô-hạn tuyệt-vời, mình đã đề cho lòng mình bị lời thơ quyến-rũ, đi vào trong bát-ngát cảm-thông. Không có gì an-ủi nỗi đau-thương con người bằng lời thơ nào-nuột của Nguyễn-Du. Tiếng đoạn-trường đã lai-láng nối liền những đoạn lòng đứt nát... vì chính lòng thi-nhân đứt nát không hề được ai nối lại cho.

Với Hồ-xuân-Hương, ta tìm lối thoát-ly cho đau-thương bằng một nẻo khác. Vết thương loang máu, ta vẫn không được phép ngồi lại bên đường. Không

có người mẹ hiền ngồi bên ve-vuốt. Chim trên cành không văng giọng cảm-thông, mà lại lên điệu ca nhạo-báng. Và cảnh-vật cùng lên giọng cợt cười :

« Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,
Đâm toạc chân mây đá mấy hòn... »

Người bạn đường đi bên cạnh lại oái-oăm giục ta giẫm bước. Hãy cứ cười mà đi, mặc cho vết thương loang máu, mặc cho miệng thể cười chệnh-lệch, mình hãy tự cười mình trước :

« Cái tội trăm năm chàng chịu cả,
Mảnh tình một khối thiếp xin mang,
Quản bao miệng thể lời chệnh-lệch,
Những kẻ không mả có mới ngoan. »

Cái cười mới thật là trắng-trợn. Mà cũng thanh-thoát làm sao. Nó ngang-nhiên hí-hước :

« Tài tử văn-nhân ai đó tá,
Thân này đâu đã chịu già tom. »

Nó cho ta đủ thanh-thản để đi vào giữa tủi-nhục của cuộc đời mà lòng không nao-núng. Người dù có điều-dứng vẫn giữ được thái-dộ hiên-ngang, đặc-thể. Thật không khác gì thái-dộ của tác-giả Đoạn-Trường Tân-Thanh mấy :

« Cũng liêu nhảm mắt d a chân,
Mà xem con tạo xoay vần đến đâu. »

Hoặc :

« Đã cho lấy chữ hồng - nha
Làm cho cho hại cho tàn cho cân... »

Con Tạo có tàn-nhẫn với ta, có xem ta như một đồ chơi bé bỏng, dù sao ta vẫn là một đồ chơi có ý-thức mình là một đồ chơi, và chừng đó đủ cho phép người hãnh-kieu mỉm cười cùng nghệ-thuật, lên tiếng trách trời già :

« Lâm truyền quyến cả phồn hoa lại,
Rõ khéo trời già đến dở dom. »

Thật là khác xa cái cười của Trần-Tế-Xương. Cái cười hân-học của Trần-Tế-Xương tố cáo sự thất-thể của con người trước cảnh-ngộ, không làm chủ được mình, không tự-tạo được cho mình một nhịp điều-hoà thanh-thản. Người không đi trên được thực-tế trớ-trêu. Và vì thế T. T. Xương không cho ta thấy một nhân-sinh-quan sâu rộng. Không giúp ta hiểu đời một cách sâu-sắc hơn.

Hồ-Xuân-Hương là một thiên-tài trào-phúng Việt-Nam đã đi vào cõi bất-diệt. Cái cười của Hồ-Xuân-Hương mới thật là vừa hồn-nhiên, vừa tươi-trẻ, vừa sâu-sắc, rộng lượng vô cùng. Nó không có tính-cách thời-sự, và hẹp-hòi soi mói như cái cười Trần-Tế-Xương. Nàng vẫn cười người rất tàn-nhẫn :

*« Cái kiếp tu-hành nặng đá đeo,
Vị gì một tí tèo tèo teo »*

Nhưng tàn-nhẫn mà không sâu độc, không ác ý. Cái mới thật là lạ. Chỉ vì lẽ nàng thương nhiều hơn ghét. Thương cho người và thương cho mình. Cười người mà cũng chính tự cười mình. Cười người « vị gì một tí tèo tèo teo », nhưng chính nàng đã há không bao lần từng cười mình đã vì cái thúc-bách của « tí tèo teo » mà ôm lòng chịu tủi-nhục đó sao ?

Thế rồi khi nhận rõ nguyên-nhân của tủi-nhục nỗ phi-lý lạ-lùng đến thế thì thôi, là tấm lòng của nữ-sĩ có phải đã cùng với nghệ-thuật mà trao-đổi một chuỗi cười hân-hoan ? Hân-hoan và đau-khổ quả đã thật xen hoà. Nhưng ta không dám quả-quyết rằng hân-hoan đã làm nguôi đau-khổ ? Làn môi của nữ-sĩ ta sợ vẫn chưa hết mếu trong nụ cười. Ta tưởng như

chưa hẳn hiểu xong tấm lòng cùng những nguyện-ước của Xuân-Hương. Lòng nữ-sĩ nguyện-ước những gì ? Người có tìm ra an-ủi trong nghệ-thuật ấp ôm ? Ta không biết. Nỗi đau-khổ của người ta không thể cảm-thông trọn-vẹn. Nàng là đàn bà. Lại là nữ-sĩ. Kẻ đồng-hội đồng-thuyền với nàng không phải là chúng ta. Cái dở-dang của tình-duyên, cái bẽ-bàng của thân-phận, cái ngang trái của số kiếp, người đàn bà bao giờ cũng là nạn-nhân đau-dớn hơn đàn ông. Người đàn ông có nhiều lối thoát hơn. Trong vấn-đề tình-duyên, ân-ái, người đàn ông được quyền chủ-động. Người đàn bà, trong bản-tính, tự thấy không thể ngang-nhiên. Huống-hở còn luân-lý, còn tứ đức, tam tòng, còn phong-thề... Bao nhiêu mối ràng buộc. Làm sao thoát-ly, dù tâm-hồn một nữ-sĩ có muốn cởi bỏ hết. Nỗi khát-khao của lòng, nhiều lắm, chỉ dám dãi tỏ trong lời thơ; trước cuộc đời, ta biết rằng nhà thơ sẽ e-dè lùi bước.

Người đàn ông, khi thiết-tha yêu, đợi chờ mà không được đền đáp, vẫn dễ-dàng tìm một đối-tượng khác làm phương-tiện thực-hiện cái mộng yêu-đương của lòng mình. Hở môi không đến nỗi thẹn-thùng, mà có phần còn khoái-trá hãnh-kieu trong hành-động « trả thù » oái-oăm là khác. Gã thanh-niên bị tình ruồng bỏ, khát-vọng vô-biên, bèn đi tìm một cô dĩ, hoặc một người đàn bà nào xấu-xí, cùng-khổ, lem-luốc nhất, và đem trao cho kẻ ấy trọn vẹn nỗi đam-thắm thiết-tha của tình mình trong trắng. Và hân-hoan kieu-hãnh xiết bao. Đem bán rẻ tâm-hồn mình để trả thù cho bồ ghét. Mà khuynh-hướng

vị-tha trong tình-yêu quả được thỏa-mãn hoàn-toàn. Và kẻ được dùng làm phương-tiện sẽ nhìn anh với đôi con mắt lạ-lùng, không hiểu vì đâu, nhưng tấm lòng tri-ân càng nặng.

Người đàn bà có thể tìm nẻo thoát theo lối ấy được không? Cái lối thoát bất-dịnh, do tình-cờ, do ngẫu-nhiên của cuộc sống đem lại một phần, nhưng rất nhiều phải do quyền chủ-động của kẻ làm đàn ông. Người đàn bà, mà nhất là người đàn bà phương Đông, tự bao đời âm-thăm kiên-nhẫn trong khuôn-phép tứ đức, tam tòng, dù có tài-hoa muốn đề lòng trào-lộng, vẫn không thể nào dám ngang-nhiên xử-dụng cái quyền kia... Dù chỉ một lần thôi, rồi cam lòng chịu chết.

Đến đây, ta e ngại. Ta sắp bước vào một khu-vực nào đó của một vấn-đề nhân-sinh quá đoạn trường. Có nên nêu lên không. Mà nêu lên thì không được bỏ dờ, phải đi tới cùng. Muốn đi tới cùng phải đau lòng là bỏ Khổng-Khưu, gột rửa rất nhiều thành-kiến, mà theo tư-tưởng của Jé-sus... Và theo một cách tuyệt-đối quá. Được không? Không! Được. Ta sẽ nêu lên. Nhưng sẽ không đi tới cùng. Ta còn ở trong địa-hạt văn-chương. Và ta đương bàn về một nữ-sĩ. Dù muốn dù không, nàng cũng không chịu đề ta số-sàng bàn đến vấn-đề riêng liên-hệ đến bạn quần-thoa. Ta xin nhường lời cho một Hồ-xuân-Hương thứ hai của thời-dại mới. Nàng phải xuất-hiện. Thế-kỷ điêu-linh của chúng ta đương thiết-tha kêu gọi nàng hãy về, và bước mạnh-dạn hơn nữ-sĩ của thế-kỷ trước.

Vì cái nỗi trầm-luân của con người

hiện nay sâu-thẳm quá chừng. Không giải-quyết nỗi ta sợ rằng xã-hội sẽ mất thăng-bằng, vì bốn phần tư loài người đương dờ sống, dờ chết. Biết bao nhiêu hồng-nhan «trơ ra với nước non», tủi-nhục đến nước nào mà cuộc đời chìm nổi của Kiều đối với họ không đoạn-trường tí nào, mà là Thiên-Đường của Mộng.

Hồ-xuân-Hương còn may-mắn quá nhiều. Dù ngang trái mấy lần, nàng cũng đã được bước đi mấy bước. Còn bao nhiêu kẻ khác xấu-xí hay không, hồng-nhan hay đen-đùi, — chưa một lần nào hiểu hương-vị của yêu-thương. Họ nghĩ thế nào? Lời ai bên tai cứ rền-rĩ: « Oh ! me disait ce pauvre infirme... ne fût-ce qu'une fois ! Pouvoir enlacer de mes bras qui que ce soit pour qui je brûle... Il me semble qu'après avoir connu cette joie, je me résignerais plus facilement à n'en plus jamais goûter d'autres; que je me résignerais plus facilement à mourir. » (Ôi ! Dù chỉ một lần thôi — Kẻ tội-nguyên đáng thương kia nói với tôi như thế — dù chỉ một lần, được siết chặt trong tay mình bất kỳ kẻ nào tôi cháy lòng khao-khát... Tôi tưởng rằng khi đã hưởng được niềm vui ấy, tôi sẽ đành lòng không bao giờ đòi hỏi hưởng-thụ những niềm vui nào khác tôi, sẽ cam lòng chịu chết giữa hân-hoan...) (André Gide), và Somerset Maugham cũng đề cho nhân-vật thốt trong một phút loạn-cuồng ngây-ngất: « Bà hãy bán tôi đi ! Bán ngay ! Rồi tôi sẽ tha-thứ hết cho bà. Trời ơi ! Anh yêu em lắm ! »

Với những tâm-hồn đương thiết-tha đòi hỏi đến điên-cuồng rõ-dại ấy, một

lời an - ủi của Gide có hiệu - lực gì không : « Hỡi kẻ đau-khò kia ơi ! Niềm vui ấy được hưởng một lần chỉ càng gây thêm rạo-rực. Dù người có tâm-hồn nghệ-sĩ bao nhiêu đi nữa, trong những vấn-đề này bao giờ tưởng-tượng cũng không đến nỗi rút-ray đau đớn bằng kỷ-niệm gia giết đầu nao ! »

Đối với những tâm-hồn ấy, họ sẽ nghĩ thế nào khi thấy ở đời có những kẻ oái-oăm diên-trì thời - hạn ? Sắp hái cành hoa thắm lại còn chậm-rãi làm ra vẻ cân-nhắc đắn-do... chần-chờ nấn ná... để làm tăng thêm ngào-ngạt cho hương lòng, rồi cái tiên-vị đủ dè-mê, người ngất-ngây ngang-nhiên khước-từ khoái-cảm...

Thì ra đời toàn những bất-công, tai ngược. Kẻ thừa-thãi hưởng-thụ một cách quá ư trường-giả, người lại thiếu quá nhiều, hụt trước hụt sau... Kẻ thiếu-thốn quá nhiều có phàn-nàn, thì kẻ thừa lại lên lời dạy bảo : « Bạn hãy biết rằng cái ý nghĩa CÓ nằm trong tiếng KHÔNG. Không mà có. Có đến thừa-thãi cũng tức là không ! » Chao !

Hồ-Xuân-Hương còn may-mắn nhiều. Dù hai lần nửa đường đứt gánh, nàng cũng đã được mang gánh nửa đoạn đường. Dù có « Chém cha cái kiếp lấy

chồng chung », thì năm khi mười họa cũng còn có lần « nên chăng chớ »...

Cũng vì lẽ đó nên trong văn-chương, nàng còn gửi lại cho ta những văn châu ngọc. Người nghệ-sĩ còn hoà-giải được với đời, nên thoả dạ làm thơ. Có những kẻ điêu-dứng hơn không còn biết mở miệng « ăn mần răng, nói mần răng bây giờ ». Tiếng đoạn-trường không thốt ra khỏi cổ. Tiếng đoạn trường không thể có âm-thanh.

BÙI-GIÁNG

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được của ông Ngô-duy-Cần cuốn :

« Văn - minh Đông - Phương và Tây-Phương. » Giá 45\$.

và của nhà xuất-bản TÂN-VIỆT

những sách sau đây :

1-) Một vài nhận xét về Lục-vân-Tiên, Chính-phụ-Ngâm và Quan-âm Thị-Kính của Bùi-Giáng. Giá 20\$

2-) Nguyễn-dình-Chiều của Nguyễn-bá-Thế. Giá 48\$

3-) Huỳnh-mãn-Đạt của Nhất-Tâm giá 18\$

4-) Phan-vân-Trị của Nhất-Tâm. Giá 20\$

B.K. xin cảm-ơn và trân-trọng giới-thiệu cùng bạn đọc.

TÔI đọc không phải để trở nên giỏi-giang hơn mà để trở nên cao-thượng hơn.

EUGÉNIE DE GUÉRIR

CÁI thuyết sai lầm mà lại có chỗ cao - thượng là cái thuyết đáng ghê sợ hơn.

PIERRE L'ÉMITE

MỘT CHUYỆN TÙ CÔN-LÔN VUỐT NGỤC BỐN MƯƠI NĂM VỀ TRƯỚC

Kính dâng hương-hồn Thầy, Má và Em.

Ngu-Í NGUYỄN-HỮU-NGU

NHÂN MỘT TIN NGẮN TRONG MỘT TỜ BÁO HÀNG NGÀY

Tin ngắn ấy như sau:

« Đồng bào Huế kỷ-niệm cụ Huỳnh-Thúc-Kháng.

« Chiều 30-3, tức 29 tháng 2 âm-lịch, hồi 16 giờ, tại đền thờ các liệt-sĩ tiền-bối và Phan-Bội-Châu tiên-sinh, đã cử hành lễ kỷ-niệm cụ Huỳnh-Thúc-Kháng.

Đến dự buổi lễ, ngoài các vị đại-biểu Quân, Dân, Chính địa-phương, còn có các thân-hữu, môn-đệ của cụ và các cựu sinh-viên công-ti « Tiếng Dân », (1) ban chấp-hành hội Việt-Name ở-học, cùng một số phân-sĩ đô-thị Huế. »

Và tin ngắn này bỗng nhắc tôi một ý-định, giục tôi phải cầm bút viết ngay bài này (mặc dầu nó không được rõ và kỹ như tôi đã muốn từ lâu) để mà đính-chánh và soi tỏ đôi điểm sai nhỏ của cụ Minh-Viên, trong qu4ền Thi-tútùng-thoại.

Chút ít dẫn-đo còn sót tiêu-tan ngay khi tôi nhớ lại một phần câu này của ông Nguyễn-Hiến-Lê trong bài tựa cuốn « Đông-kinh nghĩa-thực » của ông:

« ... Song những tài-liệu trong các cuốn đó nhiều khi mâu-thuân nhau, và đáng tin hơn cả chỉ có cuốn « Thi-tútùng-thoại » của cụ Huỳnh-Thúc-Kháng. »

Giá trị cuốn tài-liệu về thơ và chuyện tù của nhà chí-sĩ kiêm nhà báo có danh nói trên, chẳng riêng gì mình tác-giả « Bảy ngày trong Đồng Tháp-Mười » nhận thế, mà hẳn mọi người đều công-nhận. Lòng chân-thành của bậc chí-sĩ cũng như tính cương-trực của người nâng bút ấy, ai còn lạ gì. Nhất là người lại viết ở gần cuối sách:

« Bản Thi-tù tùng-thoại » trên, chính tự tôi tai nghe mắt thấy, chép trong trí nhớ được hoàn-toàn, có làm chẳng một đôi chút. »

Mong rằng đôi điều chẳng đúng mà tôi sắp vạch, là đôi chút làm duy-nhất. Tôi lại mong rằng đôi chút sai ấy sở dĩ có, chẳng phải tại cụ sơ-suất, mà bởi người trong cuộc — vì một lẽ gì đó — thuật không đúng với sự thật, hoặc không nhớ rõ.

Vậy, nhân dịp lễ kỷ-niệm nhà cách-mạng họ Huỳnh, người đã phải sống mười ba năm ở Côn-đảo, mời bạn đọc hãy nghe người kể chuyện ở nơi mà « làm trai chi sá. » (2)



Chuyện trốn của mấy người quốc-sự-phạm

... Như trước đã nói, hòn đảo Côn-lôn chung-quanh vì biển bao bọc, trốn thì

MỘT CHUYỆN TỪ CÒN LỎN VƯỢT NGỤC

dễ, mà trốn thoát được về trong đất rất khó. Tuy khó mặc dầu, nhưng tù trốn vẫn kế-tiếp nhau, nhất là những án 20 năm và chung-thân, nên nhà đương-cuộc cũng cho trốn là phận-sự của kẻ tù, xem như việc thông-thường.

... - Sự trốn thoát đảo Côn-lôn lên bè ra biển không cần phải thuật, đây chỉ nói chuyện khi về trong đất do các bạn thuật lại:

Lời Cửu-Cai (người cùng Nguyễn-Kim-Đài và Hi-Cao đã thả bè trốn khỏi đảo)

« Sau xuống bè nhờ gió ra khơi, rồi lênh-dênh mặt biển, trên trời dưới nước, chiếc thân như chiếc lá dính trên cánh bèo, tha hồ gió sóng đưa đi đâu thì đưa, trải năm, sáu ngày đồ ăn vẫn còn, không đói lắm, nhưng nước ngọt đem theo đã gần hết, phải hạn-chế, chỉ ngậm từng ngụm, để thăm giọng, chứ không ai được uống nhiều, nên nghe khát khó chịu.



Nước vẫn mặn, vẫn không uống được, nhưng mỗi lần khát, hai tay nắm thành bè nhúng mình xuống nước cho ướt cả thì nghe thoithời được chục phút, nửa giờ, hễ khát thì làm như thế, để dành nước ngọt lại vì đã bốn, năm ngày mà trời biển

mênh-mông, chẳng thấy gì cả, sáu anh em trên bè, ai nấy đều tuyệt-vọng nằm xuôi tay chân, tỉnh làm mồi cho cá mập, chứ chẳng mong gì nữa.

« Đến ngày thứ sáu, vừa tảng-sáng, trông thấy núi và đất liền cách xa bề mình chừng một cây số. Ôi thôi ! ai nấy đều chỗi dậy, kẻ chèo, người chống, dầu khí-lực đã kiệt mà như có sức mạnh ở đâu đưa đến, ai nấy đều làm việc rất hăng-hải. Khốn nỗi, càng gần bờ bao nhiêu thì sóng cứ xô ra bấy nhiêu. Mãi từ buổi mai đến chiều mà không vào được.

Trông lúc đã thấy cái đường sống đã ở ngay trước mắt mà không sao đi đến, mong thấy người nào trong đất gọi cứu mà không thấy ai. Một điều lạ là thỉnh-thoảng có một đôi chiếc ghe đi ngang mà kêu mẫy, chúng vẫn giả dờ không nghe, cứ đi thẳng không thèm ghé lại gần. Sau mệt quá, nghỉ một độ lâu, rồi cả sáu người cùng nhau chống một hồi, vào tận bờ được, ai nấy như con mèo đói, áo quần đem theo đều nhuộm nước biển, **phăng vào trong núi gần đó (3)** nằm liệt, không biết đó là xứ nào.

« Một điều lạ là **vào năm trong núi (3)**, màn trời chiếu đất mà ai nấy nằm ngủ như chết, không biết trời đất gì cả, mãi đến sáng bữa sau mới dậy, tò-mò làm bọn chìm ghe **vào xóm (3)** xin uống nước, khi ấy mới biết là làng... huyện... thuộc tỉnh Bình-Thuận. Hỏi thăm thì ở bãi biển lên đến đường xe lửa đi gần một ngày.

Sau vào một nhà nọ, mua gạo nấu ăn và phơi quần áo, mấy ông làng nghe có bọn chìm ghe, đến hỏi đầu đuôi; nguyên trong bọn Lục-tỉnh có một người trước làm việc phòng giấy quan... có đem một tờ giấy chữ Tây có dấu Tham-biện đưa ra trình, bọn làng cho ở dọ ăn uống.

Đoạn, ra đi ba người Lục-tỉnh rẽ đường lên miền Mọi, giả làm bọn mua heo, còn ba anh em chúng tôi khi ấy bàn thăm nhau, nếu đi chung một đường, e không khỏi nguy-hiểm, lộ thành-tích ra

ben chia nhau đi riêng, khi chúng tôi đã mua được ba cái giấy thuế thân. Tôi, Cửu-Cai, cô quen biết trong Nam, tôi vào Nam-kỳ, còn Hi-Cao, Kim-Đài đi ra miền ngoài, từ đó ai đi đường nấy.

Tôi vào Nam làm thầy dạy học, giả buồn trầm, quẽ v; v... nay đây mai đó, thỉnh-thoảng có gặp người quen. Một bữa, trọ nhà tên khách nọ. Họ đưa đến, đêm ấy có cảnh - sát và ông cô tôi xét á-phiện hay rượu lậu gì đó, thấy tôi người lạ hỏi, tôi khai người Trung-kỳ, bên tùm luôn đem về bóp, rồi cho giải về Trung-kỳ. Khi tàu đến Đà-nẵng, (4) lên tòa bảo người nhìn, tôi biết không chối khỏi bên khai thiết tù trốn ở Côn-lôn. Còn Hi-Cao và Kim-Đài thì nghe đã sang...

Trên là lời thuật của Cửu-Cai (Cửu-Cai năm 1908 trốn đi nơi này nơi khác đã mấy năm, sau bị bắt giam ở Nghệ, lại trốn rồi bị bắt lại, nay đây ra Côn-lôn lại trốn, lại bị bắt. Kể lịch-sử trốn của bác này lúc tuổi trẻ cũng là tay trái.)

Cửu-Cai trở ra Côn-lôn được mấy tháng thì thấy Hi-Cao lại bị bắt giải ra. Dưới này theo lời Hi-Cao:

« Sau lúc ở làng... được vô-sự, ăn uống no, quần áo phơi ráo và sạch-sẽ ra cái dáng con người. Ba người Lục-tỉnh cùng trốn với chúng tôi, họ tách lên miền Mọi, còn ba anh em Cửu-Cai, Kim-Đài và tôi cũng ra đi, nhưng đi đâu bây giờ? Chúng tôi bèn băng vào rừng nghỉ để cùng nhau tính bước đường sau này... »

Chuyện vượt ngục Côn-lôn và tấp vào một làng ở tỉnh Bình-thuận ấy, đã được đăng trên báo « Tiếng Dân » trước khi in thành sách, và nếu tôi nhớ không lầm, thì vào khoảng 1.927 nghĩa là mười năm sau việc đã xảy ra.

Trước khi vạch đôi chi-tiết sai lầm tôi tưởng cần phải đưa ra thêm đoạn báo này của cụ Tú-Võ-Oanh, cũng thuật lại việc nói trên, và đăng trên báo « Thần-chung », ngày 17-7-1954,

trong loạt bài « Tiểu-sử nhà chí-sĩ Hi-Cao Nguyễn-Đình-Kiên ». Chẳng biết cụ Tú Oanh đã lấy tài-liệu ở đâu, nhưng chắc là không lấy trong cuốn « Thi-tù tưng-thoại » của cụ Huỳnh-thúc-Kháng.



Vượt ngục và tìm cách xuất-dương

« Sống ở Hòn-Cau được vài năm, Hi-Cao, Cửu-Cai, Phạm-Kim-Đài cùng ba người Nam-Việt đóng bè vượt biển để trốn về đất liền. Sáu người linh-dinh trên mặt biển tới sáu ngày đêm. Khi gần tới, họ hết sức chèo chống gần suốt buổi, mới tấp vào bờ biển Bình-thuận. Bây giờ cả sáu người vào trong một làng gần bờ biển kiếm cơm ăn. Ăn xong, Hi-Cao nghĩ bụng: tại tỉnh Bình-thuận chắc có nhiều người Nghệ. Tỉnh vào làm ăn, mới đi hỏi kiếm người đồng châu để nhờ sự vùa giúp. Chẳng dè khi tới một làng nọ, nghe nói có một ông Tú-tài người Hà-lĩnh dạy trẻ con trong làng, mới đi tới nơi hỏi biết ông Tú-tài ấy người làng Trảo-nha, tỉnh Hà-tĩnh, cùng một họ với ông Nghệ Ngô-Đức-Kế.

Nhưng khi hỏi đến ông Nghệ thì ông Tú ấy nói mặc dầu cùng họ mà tông-phải xa, nên không biết mặt ông Nghệ. Hi-Cao biết lão Tú nọ hèn nhất liền bỏ đi ra. Rồi đi qua làng khác, gặp được một người cũng người Hà-tĩnh tên giáo Thiều, người này lại rất tử-tế, giúp đỡ cả các phương-tiện. Ở tỉnh Bình-thuận được mấy hôm, Cửu-Cai và ba người Nam-kỳ thì đi vào Nam, còn Hi-Cao và Kim-Đài thì đi ra Bắc. »



Ta thấy bài báo của cụ Tú-Võ-Oanh thiếu đoạn sáu người vượt ngục phải gặp các « ông làng ». Đó là điều mà tôi xét cần phải ón rõ. Nhưng trước hãy xin đính chính mấy lời trong sách cụ Huỳnh, mà tôi đã cho in đậm tức là: **phăng vào trong núi gần đó, vào nằm trong núi, và vào xóm.**

Nơi mà bè những người tù quốc-sự tấp vào (mà tác-giả «Thị-tù tùng-thoại» chỉ đề những chấm lửng-lơ), vốn thuộc **làng Tam-tân, tổng Phong-diễn, huyện Hàm-tân, tỉnh Bình-thuận**, miền Trung nước Việt. Hiện nay thì huyện Hàm-tân lại thuộc tỉnh Bình-tuy, một tỉnh mới dựng, một tỉnh của miền Nam nước Việt. Rõ-ràng hơn, chỗ các người ấy đề chân lên là Nước-Nhĩ: gọi thế là vì nơi đó, sát bờ-biển, có một mạch nước ngọt từ trong lòng động cát nhĩ ra, cách huyện-lỵ — ở phía Nam độ năm cây số và cũng cách làng Tam-tân — ở phía-bắc — độ năm cây số. Gần bờ biển, chỗ bè tấp, không có núi nào cả.

Nếu **đi phăng vào**, thì phải leo một cái động cát khá cao, qua một đám rừng thưa, tới một cái bầu, rồi qua một khu rừng khá dày, mới đến một hòn núi nhỏ, gọi là núi Đất vùng bầu Dồi, còn có tên là núi Lồ-ồ. Từ bờ biển đến núi Lồ-ồ, đi bộ độ 2 tiếng đồng-hồ, và hoi đi về phía Tây-Bắc.

Còn như cứ trực-chỉ hướng Tây, thì phải hơn một ngày đường mới gặp núi Nhọn.

Bằng như dọc theo bờ biển đi ra Phan-thiết, thì một giờ sau, gặp ngánh Tam-tân, (**ngánh** : tiếng miền Nam Trung-Việt, chỉ những gộp đá ở bờ biển). Không ai lẫn lộn những hòn đá ở sát biển ấy với một hòn núi.

Về hướng Bắc, gần nhất, có núi Tà-Cú (thường gọi tắt là núi Cú), cách đây chừng nửa ngày đường (núi này ở kế con đường Bắc-Nam-Trung); và về hướng Đông-Bắc, gần nhất, có núi Bà-Đặng (thuộc vùng Kê-Gà), cách đây độ hai phần ba ngày đường.

Tóm lại, núi gần nhất nơi bè tấp, cách đó lối 2 giờ đi bộ. Hai giờ là với người biết đường thuộc nẻo. Chờ với người lạ, lại đói, mệt, khát, lo sợ thì chưa biết 2 giờ ấy trở thành bao nhiêu giờ.

Hay là người kẻ nói «ngủ trong động» mà không nói rõ là «động cát», khiến người nghe và chép lại hiểu «động» đó là «hang núi»?

Chắc là họ đã nằm ngủ ngon-lành tại Nước-Nhĩ, có cát êm, có nước ngọt, có mấy bụi dừa sum-sê, nơi các bộ-hành thường ghé nghỉ chân, nghỉ mát và giải-khát (5)

Vậy những người mạo-hiểm trên không thể nào đi vào **nằm trong núi** được mà đã nằm trên cát, cát biển, cát động hay cát rừng.

Trên là một điểm không đúng, về địa-lý. Còn đây là một điểm không đúng về phương-hướng. Cụ Huỳnh viết «**vào xóm** xin nước uống». «**Vào xóm**» khiến người đọc nghĩ: họ đi sâu vào rừng, phía mặt trời lặn, nhưng sự thật họ đã đi về hướng Đông-Bắc, nghĩa là họ đi lên, mới gặp xóm làng; họ có thể **đi vào**, vì cách bờ biển độ hai cây số, là bầu Dồi, lơ-thơ vài chục nóc nhà đồng-bào Thượng và thuộc về làng Tam-tân; họ cũng có thể đi xuống, tức là «xuôi đường Nam-tiến», thì họ sẽ gặp huyện-lỵ. Giả sử họ đi ngược đường mà họ đã đi, thì mười phần hết chính rưởi, là họ được đưa về nơi «xuất phát» ngay, và mười phần hết mười, là đời một người đời một gia-đình và «đời» một ban hội-tề đã không vì họ mà nổi sóng gió bất-ngờ.

Đi tìm xóm làng để xin nước, tìm cơm, hỏi đường, họ có **đi vô, đi vào** mà chẳng đi lên chẳng nữa, thì rốt cuộc họ cũng sẽ được đưa đến nhà-làng — tức là nhà-việc — làng Tam-Tân để xét hỏi. Rồi thì mọi việc cũng sẽ xảy ra như sau.

Nhưng... nhưng bạn đọc làm sao khỏi hỏi ngay: «Anh cho cụ Huỳnh-Thúc-Kháng, 30 năm về trước, thuật chẳng đúng, anh lại cho cụ Võ-Oanh, cách đây 3 năm, kể còn thiếu, vậy chờ anh, cái gì đảm-bảo rằng những điều anh sắp nói cho chúng tôi nghe, đúng và rõ hơn cụ Huỳnh, cụ Võ?»

Câu hỏi rất chính-đáng, nên đầu ý tôi là để hết bài sẽ đưa ra « cái gì để bảo-đảm » cũng đành phải trả lời ngay: « Tôi vừa bảo : vì họ mà đời một người, đời một gia-đình, và « đời » một ban hội-tề đã nổi sóng gió bất-ngờ. Ban hội-tề ấy, là ban hội-tề làng quê-hương tôi; gia-đình ấy, là gia-đình tôi; và người ấy là thầy tôi (6) »

Giờ tôi xin kể lại :

« Sáu người tù Côn-đảo thả bè vô đất liền ấy, lần theo bờ biển mà đi lên, tức là đi về hướng Đông-Bắc, hướng tỉnh-lỵ Bình-thuận: Phan-thiết. Đến xóm dưới làng Tam-tân, họ mới xin nước uống, mua gạo nấu cơm, mua đồ ăn ... Không phải mấy ông làng sở-tại nghe có bọn chim ghe rồi đến hỏi, mà có người đến báo có những người lạ khả-nghi. Các bạn nên nhớ là chúng ta đang ở vào năm 1.917, lúc « Mâu quốc Pha-lang-sa » còn huyết-chiến với « Đức-tặc », mỗi một hành-động phi-pháp về mặt chính-trị sẽ bị trị hết mực để làm gương; làng Tam-tân lại là một trong những làng mới dựng, dân-chúng còn lạc-hậu và phần đông rất sợ « quan trên ». Việc chạy báo cho các ông làng hay có sáu người lạ mặt có vẻ khả-nghi, là điều mà người dân thường nào ở đấy lúc bấy giờ cũng cho là một bần phận.

Và tự-nhiên là mấy ông làng đâu có tin lời sáu người « chim ghe » ấy, nhất là họ chẳng có giấy thuế thân. Mời họ về nhà-việc, giữ họ lại, rồi làm tờ báo-cáo để giải họ xuống huyện để đưa ra tỉnh, đó là điều a, b, c của các ông hương-chức, nhất là vào thời buổi bấy giờ.

Nhưng, kể nhà việc, là nhà trường. Thầy tôi là « hương-sur » (7) đầu-tiên của làng. Đến đây, tôi xin mở một dấu ngoặc, để nhờ ông Nguyễn-Hiến-Lê (8) giới-thiệu người bị sóng gió nhất trong chuyện này :

« Do một nhà cách-mạng khác, cụ Nguyễn-Hữu-Hoàn (9), phong-trào lan

vào Bình-thuận, sau một cuộc đàn-áp, khoảng năm 1.909-1.910, cụ phải bỏ vào ẩn-náu ở làng Tam-tân, huyện Hàm-lân (Bình-thuận), mở một lớp dạy học theo tinh-thần Đông-kinh nghĩa-thực, nhờ vậy dân-chúng miền đó cũng duy-lân một phần nào, và mười lăm năm sau, còn có những thiếu-phụ ru con bằng bài A-lê-a ».

Nghe nói làng có giữ một số người chìm ghe, trong đó có « người nói trợ-trợ như thầy », thầy tôi tạt qua nhà làng xem thử. Thì có bốn mắt nhìn sưng nhau trong giây lát: thầy tôi và 1 trong 6 người « chim ghe »: Hi-Cao Nguyễn-Đình-Kiến, người đồng-hương và đồng-chí họ.

Thầy tôi vội tìm thầy đội kiềng-lâm, thầy Tôn, người Thừa-thiên, thuyết-phục thầy này, rồi cả hai đến nhà việc, nhận sáu người kia là bạn quen biết từ lâu, vốn làm nghề buôn bán, và xin đừng tên bảo-lãnh?

Phần thì nể ông đội kiềng-lâm (làng tôi vốn sống nhờ biển và nhờ rừng), phần trọng và thương thầy giáo, người bạn thiết đã có công trong việc giáo-dục con em trong tổng, nên cả ban hội-tề « giao » sáu người bị tai-nạn ấy cho thầy đội và thầy giáo.

Hai người này đưa họ về nhà-tự một người học trò lớn của thầy tôi, để họ tắm giặt, ăn uống, rồi thi-thăm với nhau; rồi lại đưa họ vào một cái dinh cò-tịch ở giữa rừng để tránh những cặp mắt tò-mò và để họ nghỉ-ngơi và bồi-bổ sức khỏe; rồi giao cho người tin-cậy băng rừng đưa lên ga xe lửa gần nhất, ga Sông-Phan; ba công việc ấy làm không đầy ba bữa.

Lòng đã mở rộng, sáu con chim trời trở lại với mệnh-mông.

Nhưng ở cái làng bé nhỏ và lạc-hậu kia, vài tháng sau, sóng-gió bão-bùng hung-hăng dậy. Ông hương-chủ có việc xịch-mịch với vài ông trong ban hội-tề, mới xúi chủ thừa-trạm gửi thơ ra tỉnh

tổ-cáo việc làm âm-muội và phi-pháp của toàn-thể hương-chức. Sau đó, tỉnh có trát dân, các làng dọc bờ-biển hãy đề phòng những tù Côn-lôn thả bè vượt ngục vì là mùa thuận-lợi, và nhà chức-trách Côn-đảo cũng cho hay có sáu người tù lên từ-giã đảo.

Và tự-nhiên ít hôm sau, lính về làng, « lùa » cả ban hội-tề cùng thầy đội kiểm-lâm và thầy giáo làng ra tỉnh.

Thầy tôi nhận tất cả lỗi về mình, và xin tha cho tất cả. Nhưng « chánh-phạm, tông-phạm và đồng-lỏa » đều phải nếm mùi lao-li. Riêng thầy tôi bị đầy Lao-bảo.

Gọi là đề kết-thúc chuyện này, tôi tưởng cũng nên cho các bạn biết số-phận của hai người trung-thành với « Mẫu-quốc » Pha-lang-sa và gieo tang-tóc cùng đau-đớn cho một số người.

Ông hương-chủ « bị » chết già, nhưng sống trong sự khinh-khi lạnh-lùng của người xứ-sở.

Chủ thừa-trạm may-mắn hơn, sau vụ tổ-cáo trên, ngã gục trong rừng, một mũi tên độc xuyên qua ngực.

Bàn tay nào đã tặng mũi tên kia? Sự bí-mật đến bây giờ, không ai khám phá.

Ít lời sau cùng

Lúc sinh thời, khi tôi hỏi về việc trên, thầy tôi lắc đầu: « Cụ Huỳnh thuật không đúng hẳn sự thật. Nhưng con cũng chẳng nên biết làm gì. Chuyện nhỏ mọn. Con chỉ biết rằng, thân thầy xo-xác, sự nghiệp vật-chất của thầy và má tiêu-tan, phải sống chui-nhủi và thiếu-thốn, bao nhiêu đó không làm thầy hối tiếc tí nào về việc thầy đã làm. » Người im-lặng một hồi: « Và có vậy, thầy mới biết thầy có đời đưa học trò qui, một người vợ... » Nói tới đây, thầy tôi bỗng ngừng: má tôi ngừng gói bánh-gói, ngược mắt lên, nhìn thầy tôi, Thầy tôi hít vào một hơi thuốc, đổi ngay đề câu chuyện

« Thầy coi bộ con muốn ghi, muốn chép rồi. Thầy không thích. Tuổi của con, thế-hệ của con, là làm, phải làm. Ghi chép là việc để cho những người già, yếu, bệnh-hoạn, tật-nguyên. »

Thế mà nay, tôi lại ngồi làm cái việc mà người chẳng thích. Mà chính tôi, tôi cũng không vui. Vì từ lâu, tôi định lúc nào phải cầm bút viết việc này, thì phải sao cho rõ-ràng, cho cặn-kẽ.

Bao điều chép trên mặt giấy, bao việc ghi trong trí nhớ, đôi lần mắt tự-do bất-ngờ, vài cơn bệnh thần-kinh đột-ngột chỉ còn để lại cho tôi mấy hàng vừa viết ở trên và quê-hương cách trong gang tấc, mà sao như xa diệu-vợi nghìn-trùng.....

« Nơi nào, thầy có hiểu mà tha-thứ cho con chẳng? »

Thủ-đo nước Việt

Lê Thanh-Minh năm Gà 1957

Ngư-í NGUYỄN-HỮU-NGU

1) Có lẽ báo viết sai. Theo chỗ tôi biết, thì báo « Tiếng dân » mà công-ti « Huỳnh-Thúc-Kháng ».

2) « Làm trai chỉ sá thứ Côn-lôn » (nguyên-văn chữ Hán của cụ Phan-Tây-Hồ, « Nam-nhi-hà sự phạ Côn-lôn », Phan-Khôi dịch).

3) Chúng tôi cho in đậm.

4) Nguyên-văn dùng chữ Pháp: Tourane. Chúng tôi xin đổi ra tiếng Việt.

5) Năm 1944, đoàn hướng-đạo huyện hợp sức với thanh-niên ba làng Tam-tân, Phong-diên, Hiệp-nghĩa đào chỗ Nước Nhứt này, xây một cái giếng bằng gạch, và dựng một tấm bảng ngó ra biển, mang ba chữ « Giếng NGUỒN CHUNG ».

6) Thân-phụ tôi vốn người Hà-tĩnh, nên tôi gọi là thầy; thân-mẫu tôi là người Bình-thuận, nên tôi gọi bằng má, mà không gọi bằng mẹ.

7) Xin hiểu: thầy giáo làng

8) Đông-kinh nghĩa-thực, phóng trào duy-tân đầu tiên ở Việt-Nam, trang 109

9) Người còn có tên: Nguyễn-Hữu-Sanh, Nguyễn-Vân-Hợi (lời chú của tác-giả bài này)

Ets. THÁI-THẠCH

XUẤT-NHẬP-CẢNG

58-70, đường Tự-Do — SAIGON

Điện-Thoại số : 21.643 — 21.694

Đại-Lý :

Xe hơi : **BUICK và PONTIAC**

Xe gắn máy : **STAMI-CAPRI và MIÈLE**

Hóa phẩm của **MONSANTO CHEMICAL COMPANY**

Máy may : **ANDARD**

Nhập-Cảng

Thực-phẩm các thứ.
Đa-kim phẩm-vật.
Hàng vải.

Xuất-Cảng

Cao-su.
Sản-phẩm nội-hóa.

TRANSPORTS AÉRIENS INTERCONTINENTAUX



par **Super DC 6-B**

★ Mieux que le luxe LA QUALITÉ

★ Les lignes les plus rapides

★ Les horaires les plus commodes

SAIGON — NICE — PARIS
SAIGON-PARIS — SAIGON-NOUMEA

CLASSE DE LUXE (avec couchettes
et sleeperettes) et CLASSE TOURISTE

AGENTS GÉNÉRAUX POUR L'INDOCHINE :

MESSAGERIES MARITIMES

46, rue Tu-Do — SAIGON — Tél. : 22.044 et 23.907

Việt-nam khuyếch-trương kỹ-ngệ đồng hồ c^{ty}

VIETNAM WATCH INDUSTRY DEVELOPMENT COMPANY

NGƯỜI VIỆT-NAM
DÙNG ĐỒNG - HỒ

VINA

Ráp tại Việt-Nam bằng phụ-tùng Thụy-Sĩ

Dùng đồng-hồ VINA là trực-tiếp :

- Giúp công-nhân Việt-Nam có công ăn việc làm.
- Loại-trừ ảnh-hưởng ngoại-kiều để xây-dựng kinh-tế quốc-gia độc-lập.



VIỆT-NAM KHUYẾCH-TRƯƠNG KỸ-NGHỆ ĐỒNG-HỒ CTY

Công - ty vô - danh - vốn 12.000.000\$ VN

108, Lê-văn-Duyệt — SAIGON

Điện-tin :

VINAWA — SAIGON

Cable address



Denis Frères

4, đường Tự-do — SAIGON

Đại-lý độc-quyền tại Việt-Nam

MÁY BẦY CA-NỐT

WEST BEND

2-6-8-12 và 30 mã-lực



S.A.V.I.C.O.

Công-ty vô-danh thương-mại V.N.

Xuất-cảng — Nhập-cảng

41, Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-tín : VICOME



ĐẠI-LÝ:

- Vò xe « BRIDGESTONE »
- Bình điện « G. S. »
- Máy lạnh dùng vào kỹ-nghệ
« SURERLY »
- Xe hơi các loại, hiệu
« TOYOTA »

Vật-liệu Kim-khí — Vải, sợi — Xe gắn máy, phụ tùng xe hơi

XUẤT-CẢNG : Ngũ-cốc — Cao-su, v.v...

HÀNG LA-VE B.G.I

*Phung Su' nen
Kinh te Viet-Nam
tu' nam 1875*

LA-VE LARUE

LA-VE "33" EXPORT

**BRASSERIES & GLACIÈRES
DE L'INDOCHINE**

GÁI CHẾT CỦA ÔNG NHÂN KHÙNG

Gởi Thu-Tâm chút hương-vị quê nhà.

MINH-ĐỨC

QUA khỏi bến đò Trung-lương, Nam bắt đầu cảm thấy rờn-rợn.

Chừng 5 giờ thôi. Trời hẳn mọi chiều, cánh đồng Mỹ-khe-cự đượm một vẻ hoang-vắng đến ghê người. Không bóng dáng một ai còn sót lại trên bờ ruộng. Tiếng ngó-ọe quen thuộc của lũ nhé con vỏi mẹ cũng vắng nốt. Đồng rộng lại bát-ngát thêm. Lúa tháng tám xanh mượt bị bỏ khô, xuống màu sẫm-sẫm. Nam rón-rén bước nhanh trên đường đất khấp-khểnh vì trâu dẫm. Vài con nhái-chàng thấy động, nhảy tùm xuống ruộng bi-bõm. Tiếng uênh-uệch rời-rạc vọng từ xa.

Hơi sương trắng đục vắt-vuông trên lối đi, làm ẩm cả áo song Nam không thấy lạnh lắm. Chàng sắp về đến làng rồi. Cổng đình cao lênh-nghênh hiện rõ giữa hai lũy tre đen xám. Nam hơi yên dạ, lấy lại được cái can-đảm lúc ra đi. Chàng không còn nơm-nớp lo sợ vằn-vơ, như khi phải vượt qua cánh đồng trống-trải dưới gió sông thổi tạt vào vi-vút từng cơn. Bỗng Nam giật nảy mình. Tiếng i-oành cửa trọng-pháo đồn Bà-Rén đã bắt đầu thịnh-nộ để canh chừng. Tiếng rú dài dằng-dặc, nối tiếp nhau, băng vút trên không-trung tưởng như muôn lời ai-oán của oan-hồn những người đã chết trong trận tấn-công của Pháp vừa qua.

Mới phải triệt - để tản-cư hơn tuần nay, đường làng đã ngập rác. Nam nhẹ

bước, tuy thế vẫn không tránh khỏi tiếng xao-xác của lá khô dòn. Trăng thượng tuần treo lửng-lơ trên ngọn si, trải ánh vàng bẽnh-bạch xuống xóm làng đang thin-thít. Nam dừng bước. Một thứ im-lặng nặng-nề khó thở đến vậy lấy chàng. Nam nghe rõ mồn-một từng tiếng cựa mình của cánh khô, tiếng rúc-rích nhỏ-nhẹ của con chuột-chù bơi mồi trong bụi rậm.

Nhà cửa trống ngổ, lối ồm, sâu thẳm. Nhờ ánh trăng yếu-ớt, Nam cũng nhận rõ được đây là bức tường thành kiên-cố, cấm mảnh chai, ngăn vườn bà chánh Bảy vỏi đường thôn. Rồi cái giếng cũ-kỹ, không biết xây từ đời nào, của xóm Đình đứng choán giữa ngã ba đường. Nam rẽ lên phía tay trái. Đây là nhà ông Thủ-Phạm, nhà cụ Tham-Võ. Kia là túp lều tranh của ông Nhân «điền», nhà thờ mốc rêu của bà Chánh Ba nắm thật tit tận rào sau, nhường chỗ cho một chiếc sân đất nện, phẳng-phiu, khoáng-đạt. Mới xa cách một thời gian ngắn, tự nhiên bây giờ Nam cảm thấy thương-mến chúng quá chừng ! Có lẽ bao kỷ-niệm êm-đẹp thời thơ-ấu của Nam chúng đều mục-kích và hiện Nam đang gởi-gắm vào chúng tất cả.

Tĩnh-lộ đây rồi. Nam đứng hẳn lại. Trống ngực chàng đánh thình-hình. Nam nhanh nhẹn né mình sang bên mặt, ngồi thụp sát bờ dậu. Chàng chống hai tay, chời đầu về phía trước, nhìn ngược lên

ngã Cầu-Chim, rồi quay xuống ngã ba trạm Nam-Phước. Nam cẩn-thận trước khi phải vượt qua quãng đường rộng-rải đá, nằm gọn-lớn giữa ba bót gát của Tây vừa mới chiếm đóng: bót Cống-Ba, bót Bà-Rén và bót Cầu-Chim. Không một động-tĩnh, Nam hơi chắc dạ. Bỗng một cơn gió mạnh từ đâu đưa đến, tạt vào khe lá, rít lên từng hồi làm Nam ngừng đầu. Trước mặt chàng, xé về phía tay trái, trên cành cây mít to chính giữa sân nhà ông Thiệt, một vật gì dài dài, đen đen đang quay tít như chiếc đèn lồng không-lò. Gió bớt thôi. Nam trở mặt nhìn kỹ. Chàng rùng mình, toàn thân run lẩy-bẩy, tóc muốn dựng ngược cả lên. Thấy ma! đích thị một thầy ma chết treo rồi. Tóc người chết rối bồm, rừ-rượi che gần hết nửa khuôn mặt. Đầu hấn cúi gằm xuống như muốn quan-sát tận mười đầu ngón chân buông thõng. Sau gốc mít sù-sù, uham-nhỏ, là đồng tro xám-xám, chơ-vơ vài cột nhà cháy dở, đen than. Nam lạnh-toát mồ-hôi. Chàng lao băng qua đường, cầm đầu chạy, không còn biết sợ Tây là gì nữa...

Nam thở hồn-hèn, đến đập cửa ngôi nhà gạch thấp-trệt, có lóe chút ánh đèn:

— Mở cửa! Làm ơn... mở cửa... cho tôi... vào với!

Tiếng khàn khàn, yếu ớt từ trong vọng ra:

— Ai đó?

— Tôi... đây! Nam... con ông... Nghe đây! Cho tôi... vào với!

Rồi chàng tiếp-tục hét từng hơi thở mạnh, ngắn cùn, gấp rút như sắp muốn tắt hơi. Giọng ông Cừu, người trong nhà, trở nên ấm-áp:

— Nam hử con. Về bao giờ thế?

Có tiếng guốc kéo lệch-bệch đến gian cửa «buồng-khoa». Rồi tiếng then đẩy lên đánh tách, cánh cửa nặng-nề hé mở. Nam nhanh-nhẹn lách mình vào. Cánh cửa đóng sập-lại tức khắc và được ông Cừu cẩn-thận bỏ then trở xuống. Ông loạng-choạng lê đến bên chiếc «ghế

xương-y», đưa hai ngón tay khăn-khùi run-run kẹp lấy chiếc tấm hương khêu to ngọn bắc. Ông Cừu không quên kéo chiếc khay trầu vuông-vắn, bong gần hết xà-cừ, dựng đứng lên che trước đèn cho ánh sáng khỏi lọt ra ngoài khe cửa. Ông ngồi ghé vào đầu phẳng, vỗ hai bàn chân vào nhau đánh đóp một cái, đoạn thông-thả co lên, xếp lại, ngã mình chống khuỷu tay lên chiếc gối xếp độn rơm bạc màu.



Nam bây giờ mới ổn-định được tinh-thần. Chàng thở hắt nói thật dài như muốn xua đuổi tất cả nỗi lo sợ ban nãy ra khỏi tâm-hồn. Qua ánh lung-linh yếu-ớt của đĩa đèn dầu lạc, ông Cừu chợt bắt gặp vẻ mặt hầy còn nhọt-nhọt của Nam. Ông ngạc-nhiên:

— Ủa! con làm sao thế? Ngồi lên phản đây với bác.

Nam giật mình, rồi lấy lại bình-tĩnh:

— Xin lỗi bác. Bây giờ cháu mới biết là cháu đã chạy vào nhà bác. Cháu vừa về đến kiệt bà Chánh, thấy một thầy ma treo lủng-lẳng trên cành mít nhà ông Thiệt. Cháu sợ quá, cầm đầu chạy không còn biết trời đất là gì nữa. May nhờ ánh đèn, cháu mới tạt vào đây!

Xem chừng ông Cửu không để ý đến mầu chuyện Nam vừa kể mấy. Ông thông-thả đưa tay vuốt chòm râu bạc, chau mày hỏi tiếp :

— Chờ con về đây làm gì ? Nhớ Tây nó bắt gặp thì khốn. Mà dân-quân biết được chúng cũng chẳng tha cho. Chúng có dịp bảo con về theo Tây, khó bề mà biện-bạch đấy !

Nghĩ tới bao thanh-niên trí-thức, làng trên, xã dưới, bị thủ-tiêu, bị đưa đi an-trị trước mấy ngày Tây tấn-công đến làng, ông Cửu buông tiếng thở dài. Nam chợt hiểu ý, trấn-tĩnh :

— Thưa bác, cháu về lấy mấy chồng sách quý mà hôm tấn-cư, Việt-minh họ thúc quá, cháu không mang hết đi được. Với lại luôn thể, cháu khui hầm đồ xưa thầy cháu chôn ở gầm giường, gánh lên trên ấy cho mẹ cháu bán tiêu đỡ. Sáng mai cháu đi sớm.

Ông Cửu hỏi yên dạ, âu yếm :

— Con đã ăn gì chưa ?

Dứt lời, ông Cửu đưa một tay ôm ngực ho sù-sụ.

— Thưa bác, cháu có ăn mấy chiếc bánh chưng bên kia đò, bây giờ hãy còn no quá !

— Thế con đi thu-xếp thì vừa. Nhanh tay một chút con kéo trời sáng thì rầy-rà lắm !

Ông Cửu đưa tay lần túi áo, rút ra chiếc hầu-bao cũ bằng vải, bần-thiêu.

Ông cẩn-thận mở hầu-bao lấy thuốc ra vắn. Ông cho đuôi điều thuốc giấy vào mồm vừa lấy tay vẽ tròn lia lia đầu thuốc, đoạn chồm tới nghiêng đầu bên ngọn bấc. Khói thuốc đùng-đục tỏa mờ càng lảng thêm vẻ đăm-chieu trên gương mặt hốc-hác, đượm buồn của ông già bệnh-hoạn.

Nam theo dõi từng cử-chỉ quen của ông Cửu, nhưng đầu óc vẫn còn thắc-mắc về cái thầy ma chết treo đã làm chàng phải một phen khiếp vía. Nam trở về với câu chuyện. Chàng hạ giọng, tò-mò :

— Thưa bác, ai tự-tử thế bác ?

Ông Cửu như chợt nhớ. Ông nhòm

đây, xếp bằng tròn, kéo một hơi thuốc thật dài, với hai ngón tay ông kẹp điều thuốc lòi ra khỏi miệng thổi khói đánh phủ, gạt tàn vào cạnh phản. Ông Cửu chăm-rải :

— Ai mà tự-tử ! Tây nó bắn ông Nhân rồi treo lên cạnh mít từ tối hôm qua. Nó lại cấm không cho ai chôn cả đấy !

Nam sững-sốt, mở to mắt nhìn chòng-chọc vào mặt ông Cửu đỏ-la, nghi-ngờ sự thật. Đoạn chàng chép miệng, thở dài :

— Trời ơi ! nó bắn ông Nhân làm gì tội thế !

Ông Cửu không quan-tâm mấy đến sự ngạc-nhiên, đau-đớn hiện rõ trên nét mặt Nam, về việc Tây xử bắn con người « điên » ấy, mà Nam nóng lòng muốn biết ngay cái lý-do. Ông đằng-hắng, với một giọng khô-trăm kể lể :

— Hôm lệnh triệt-đề tấn-cư đưa ra gấp rút, vả lại Việt-minh họ lý-luận rằng phải lên núi lên non mà mang những của nợ ấy theo làm gì, nên bà Bằng đui, lão Bằng, thằng Chiết, con Hơ, mụ Sung điên, ông Nhân khùng... đều bị gia-đình bỏ rơi cả lại.

Tội nghiệp, trong cảnh ly-loan, trước làn tên mũi đạn, trước sự đói-khát, cô-độc, mặc dầu điên-loạn, những con người ấy sao họ biết đùm-bọc thương nhau quá ! Thằng Chiết, ông Nhân diu-dắt tất cả về ở chung tại nhà ông Lưỡng sau nhà bác. Rồi hai người chia rảo lối xóm, tìm gạo, tìm mắm bỏ sót trong các nhà vắng chủ đem về nuôi lẫn nhau. Mấy ngày đầu còn có cơm, có cháo. Sau hết cả gạo, ông Nhân, thằng Chiết phải chia nhau sang Mỹ-tân, lên tận Mỹ-xuyên bẻ mít non, mít già, hái thơm, nhổ sắn về nấu cho bọn người ốm-yếu, đui-mù ấy ăn.

Tối hôm qua, bà Bằng thêm mẫn. Ông Nhân cầm bát đi xin mắm. Mụ Thiệt đã chẳng cho ăn lại còn mắng nhiếc ông thậm-tệ. Tức quá, ông Nhân nổi khùng lên bật lửa đốt nhà.

Kể đến đây, ông Cửu ngừng lại. Ông mở hầu bao moi ít thuốc, vắn điều

khác, chạm lên ngọn lửa. Bằng một giọng buồn buồn, nhỏ hơn, ông kể tiếp:

— Con thử nghĩ! Toàn là bệnh-hoạn, điên-khùng, đui-què mẽ sứt, lấy ai mà tiếp cứu, mà dập ngọn lửa! Lửa cháy rực trời, Tây đồn Bà-Rén cho là Việt-minh về hoạt-động, đưa xe lên bao vây làng mình. Chúng bắn tứ tung, bác tưởng chuyển nầy chắc chết hết. Bác phải chui trốn dưới gầm phản. Ba bốn thằng Tây ủa vào nhà Cụ Tham, lôi tay bà Cụ ra sàn hỏi:

— Việt-minh đâu? Việt-minh đâu rồi bà già?

Bà Cụ xua tay, lắc đầu:

— Già không biết.

Vừa lúc đó ông Nhân đang núp kín ở đám sắn tối om cạnh nhà Cụ Tham lên tiếng:

— Nhật tao cũng chẳng sợ nua là Tây! Bọn Tây buông tay bà Cụ, ủa vào đám sắn, tìm lôi ông Nhân ra. Ông cười sảng-sắc như mọi khi các con đùa ông ấy thế:

— Tau không chơi đâu! Tau không chơi đâu!

Chúng đánh ông mấy tát tai. Ông bỏ nhoài xuống, rồi chồm-ngòm đứng dậy, phủ bụi, cầu-nhàu:

— Khùng-bố gì mà khùng bố vô-duyên thế! Tối đen rồi mà còn đi khùng-bố người ta!

Chúng lấy bả súng tống vào bụng, vào ngực, giả lên đầu ông Nhân như người ta dẫn một con chó đại! Tội nghiệp! Điện khùng nào ông có biết sợ chết là gì! Nào ông có biết chúng sắp giết ông đâu! Lúc đầu còn nghe ôngla:

— Ấy! ấy! đau quá! đau quá!

Sau là tiếng rên khừ-kừ, rồi im-bặt. Vài tiếng súng đi-đoành nối tiếp nhau, ông khụy xuống, dẫy-dụa, lịm dần trên vũng máu. Thế là xong đời ông hàn nho hay chữ khét tiếng của làng ta châu ạ! Chúng lại xông vào nhà Cụ Tham tìm đoạn dây dừa, cột vào cổ ông lôi xềnh-xệch ra tận đường cái như người ta lôi xác một con vật, treo lên cành mít nhà ông Thiệt. Chúng còn đeo trước ngực ông tấm bảng, có mấy chữ viết bằng màu:

« Việt-minh phủ rồi tri-an! Cấm chôn! »

Tối hôm qua, thằng Chiết giắt bà Bằng đui, dẫn ông Bằng, mẹ Sung, con Hơn ... ra phủ-phục dưới gốc mít, khóc như mưa, như gió đến canh ba. Bác nằm trong này nghe họ kể-lẽ mà mủi lòng.

Đến đây, ông Cưu lặng-thình, nháy luôn mấy cái, ôm ngực ho một tràng dài tưởng như không lúc nào dứt.

Nam thoáng thấy hiện ra trước mắt chàng con người nho-nhã, cao lênh-nghênh ấy. Cũng chiếc áo dài thâm bốn mùa, bạc màu, rách khuỷu. Ông Nhân cầm chiếc quạt giấy xòe ra, đưa lên nghiêng nghiêng che nắng, đi khắp làng nói oang oang:

— Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri giả (1). Dốt! dốt! hết. Tại nhãi ranh ấy biết gì mà mứa mứa!

Tiếp liền sau là một trận cười hồn-nhiên, dòn tan như pháo nổ, nhưng chưa đựng bên trong cả một nỗi bất đắc chí thăm-thương của thời bút-nghiên lều chõng, cả một nỗi chán-chường khinh-miệt cho thời-thế hỗn-loạn.

Rồi cảnh ngày nào, xác ông Nhân rực lùn vì ruồi nhặng, vì dòi đục khoét, đồ dờn xống gốc cây như một trái mít ướt chín nẫu suốt cùi, chỉ trơ lại trên cành khúc thừng thông lọng phất-phơ theo chiều gió, làm Nam rùng mình nhắm mắt.

Ngoài kia, trăng non tắt tự bao giờ. Bóng đêm chụp xuống, tàn-nhân phủ kín cả xóm làng. Gió lại thổi từng hồi vi-vút. Tiếng khóc từ đâu văng vẳng, ray-rức buồn tênh. Giờ này có lẽ xác ông Nhân lại quay cuồng, điên loạn dưới cành mít nhà ông Thiệt như chiếc đèn không - lò.

Trọng pháo đồn Bà - Rén lại trời dẫy i-oành, rú dằng-dặc, nối tiếp nhau, băng vút trên không-trung tưởng như muôn lời ai-oán của những oan-hồn lạc-lỡ trong đêm lạnh.

Sài-gòn, tháng 3-57

MINH-ĐỨC

1— Biết thì nhận là biết, không biết thì nhận là không biết, tức là biết vậy.

BUTAGAZ, hơi đốt dùng nấu nướng
tốt nhất



**SẠCH - SẼ
TIỆN - LỢI
ÍT TỐN KÉM**



- B** – Đốt cháy liền
- U** – Khởi mát ngay giờ
- T** – Không khói, không bụi
- A** – Dùng nấu nướng các thứ
- G** – Không làm nhứt đầu hay cay mắt
- A** – Khởi phải coi chừng ngọn lửa
- Z** – Một bình hơi dùng :

TỔNG PHÁT HÀNH:
POINSARD & VEYRET

bằng 120 kí-lô than
hoặc 2 thước củi
hoặc 135 ki-lô-vát điện

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudol)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (Ex 20, Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

HÀNG CHÍNH :

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Đại-diện tại Việt-Nam :

11, Nguyễn-Công-Trứ (Lefèbvre cũ) — Saigon

Đ. T. 21.549 — Saigon : 55

58, Đại-Lộ Khổng-Tử (Gaudot cũ) — Cholon

Điện-Thoại : 904

ĐIÊN-BÁO : COMMUBANK



Đảm-nhiệm tất cả nghiệp-vụ về

Ngân-Hàng và giao-dịch.

Có đại-lý thiết-lập trên các thành-thị

lớn khắp thế-giới.

VINGT-CINQ ANS D'EXPERIMENTENCE

CHEZ A. CH. **MICHAUX**

102, rue Tu - Do (Ex Catinat)

PREMIER OPTICIEN DE SAIGON

diplômé de l'Institut d'Optique de Paris

Dépositaire officiel de **CARL ZEISS**

Correspondant des Frères **LISSAC** à Paris

Dépositaire officiel des Lunettes **AMOR**

doublé or 50/000 et 60/000

Exécution de toutes ordonnances de MM. les Docteurs en 24 heures

J. M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ et C^o

Import — Export



REPRESENTATION



Téléphone : 21.219

Ad. tél : JASMIN

175 — 179 Đường Tự-Do — SAIGON

KÝ-ỨC CỦA MỘT NGƯỜI ĐIÊN

(GOG — GIOVANNI PAPINI)

Dịch-thuật : NGUYỄN-ĐỨC-AN

Lời giới-thiệu



GIOVANNI PAPINI,

người nước Ý, sinh năm

1881, vừa mới tạ-thế,

là một tsong những triết-
gia nổi tiếng của thế-giới.

Chính ông là người sáng-lập ra nhiều nhóm
tiền-phong cho những luồng tư-tưởng mới.

Rất nhiệt-tâm, rất mãnh-liệt, nhưng
nhiều khi trái thường, nghịch-lý ; ông
chủ-tâm muốn gây những cuộc đảo-lộn
trong các tâm-hồn đã quen sống bình-
yên, thỏa-mãn với những nếp sống an-
phận thủ-thường hiện-tại, bằng cách
đặt họ trước những mâu-thuẫn tiềm-
tàng bên trong và bên ngoài họ. Tác-
phẩm của ông rất nhiều, trong số đó
có những cuốn rất giá-trị, như « Histoire
du Christ », « Le crépuscule des philoso-
phes », « Témoins de Dieu », và gần
đây cuốn « Le Diable » đã gây nên
nhiều dư-luận sôi-nổi trong các giới
triết-học và thần-học khắp hoàn-cầu.

Do một ngẫu-nhiên, chúng tôi được
đọc một tác-phẩm của ông, nhan-đề là
« Gog ». Tác-phẩm này thật đã phồ-
diễn được tất cả những nét chính trong
tư-tưởng cao-siêu và thâm-áo của một
triết-nhân có kỳ-tài. Đau lòng, phẫn-

uất trước thế-cuộc ngày một dối-bại,
ông vẫn sốt-sắng đặt một niềm tin-
tưởng vô-biên vào một cái gì mà ông
cứ dễ mặc cho người đọc ông tự tìm
lấy sau khi đã đặt họ trước cái trống
không kinh-khủng, nếu thật ra sinh-hoạt
trong thế-gian chỉ nguyên có vật-chất
mà thôi.

Trong tác-phẩm « Gog », PAPINI
giả-thác ra một cuộc gặp-gỡ giữa ông
và một người điên, chính tên là
Goggins, và gọi tắt là « Gog ».

« Gog » là con lai của hai giòng
máu ở Hạ-uy-Di : mẹ đen và cha trắng,
kết-tinh của một cái gì sơ-khai, man-
rợ và của một nền văn-minh cơ-khí
đang tới mực chót. Làm bồi tầu, doanh-
thương gian-giảo, đứa con không cha
của một hải-đảo bán-khai đã trở nên
một triệu-phú ở Mỹ-quốc, đặt *tiền* ở
khắp các ngân-hàng quốc-tế. Gog đã
chinh-phục được cái chìa khóa vạn-
năng trên đời này là *tiền*. Sau những
năm làm-lụng cực-nhọc và say mê nô-
lệ vì *tiền*, Gog bèn bắt *tiền* làm nô-
lệ để tìm cách cho mình tận-hưởng
những khoái-lạc tân-kỳ nhất sau đại-
chiến thế-giới 1914-1918. Nhưng trong

vòng bảy năm trác-táng, phung-phí tiền và sức khoẻ, Gog loạn óc, Một phần tư gia-tài còn lại được dùng để trả tiền điều-trị từ dưỡng-dưỡng này sang dưỡng-dưỡng khác.

PAPINI, do một cuộc đi thăm một người bạn thi-sĩ, đã có dịp quen biết Gog và được Gog tặng cuốn nhật-ký, và cuốn nhật-ký đó, là tập truyện này. Khi công-bố nhật-ký của Gog, Giovan-ni PAPINI có mấy lời thanh-minh dưới đây, chúng tôi xin dịch nguyên-văn, vì xét ra lời thanh-minh của tác-giả giúp ích rất nhiều cho ta biết dụng-ý của tác-giả, khi trình-bày tác-phẩm của ông :

« Tôi công-bố những tờ ghi-chú này
« không ngoài ý-định dùng chúng làm tài-
« liệu, hy-vọng rằng sau khi đã suy-nghĩ,
« các bạn độc-giả sẽ công-nhận ích-lợi
« của sự bội-tín của tôi. Tôi khỏi phải
« thêm rằng tôi không hề tán-thành
« những tình-cảm hay ý-kiến của Gog
« và những nhân-vật khác trong truyện.

« Bằng tất cả tâm-hồn đã được tát-
« tạo sau khi đã trở về với chân-lý,
« tôi chỉ biết ghê-tởm tất cả những
« tin-tưởng, lời nói và hành-động của
« Gog. Bạn nào đã đọc sách của tôi,
« nhất là những cuốn chót, sẽ thấy
« rằng không có một sự gì giống nhau
« giữa tôi và Gog. Nhưng trong con
« người bán man-rợ, vô-liêm, bạo-dâm,
« kỳ-khôi và khoa-trương ấy, tôi thấy một
« tượng-trưng của nền văn-minh giả-dối
« và thú-vật, mà giờ đây tôi đem phô-bày
« cùng các độc-giả cùng một ý-định với
« những người Tu-bá-đạt (Sparte), khi
« họ thường cho con cái xem một tên
« nô-lệ say rượu đến cực-độ.

« Chắc nhiều người trong thời-dại
« của chúng ta giống Gog lắm. Nhưng
« Gog dường như đối với tôi là một
« tấm gương rất tỏ, nên có lợi cho sự
« răn đời. Điều thứ nhất, sự giàu có
« của y đã cho phép y làm nhiều việc
« quái-dị, mê-cuồng hay tội-lỗi mà những
« người giống y chỉ có thể thực-hiện
« trong mộng-tưởng. Điều thứ nhì, sự
« thành-thực và tính-chất man-rợ của y
« đã làm y thú-nhận nhận cách vô-liêm-sĩ
« những sự tưởng-tượng điểm-nhục nhất
« mà những người khác giữ kín không
« dám thú-thực, ngay cả với lương-tâm
« mình. Nói tóm lại, Gog là một con
« quái-vật. Ý phản-chiếu và phóng-dại
« nhiều tính-chất tân-tiến. Nhưng sự
« phóng-dại này giúp ích nhiều cho
« mục-dích mà tôi nhằm trong khi công-
« bố những đoạn nhật-ký của y. Trong
« sự khuếch-dại vụng-về này, ta càng
« dễ khám-phá những chứng bệnh thâm-
« kín về tinh-thần mà nền văn-minh
« hiện - đại đang mắc phải. Nếu tôi
« không cho rằng việc làm của tôi có
« ích cho độc-giả thì có lẽ tôi không
« xuất-bản cuốn này. »



Những thị trấn chết

Naples ngày 12 tháng 10

Tôi gần sắp chấm dứt cuộc du lịch khắp lục-dịa để đi tìm xác chết. Lộ-trình ghi toàn những cảnh hoang-tàn, lãng-tầm và nghĩa-dịa. Đáng lẽ dừng bước ở những đô-thành thịnh-vượng có người sống, tôi đi hành-hương qua những thị-tứ chết thờ thất ần hiện bóng ma.

Ở Ai-Cập, tôi đã bỏ Le Caire và Alexandrie để thăm Heliopolis và Thè-

bes. Ở Âu-châu, tôi khởi-hành từ Troie để viếng Pergame, Sardes, Ancyre, Jéricho. Rồi tôi tiến sâu vào các sa-mạc để qua Palmyre đầy di-tích hoang-dường với hàng ngàn cây cột đứng — Ecbatane tỉnh thành của các pháp-sư — Ninive và Persépolis những đồng hoàng-cung vụn-nát. Sau chót, tôi về Âu-châu để lang-thang giữa những cung-diện vừa khai-quật khỏi lòng đất Cnossos của đảo Crète. Ở Hy-lạp, tôi đã được ngắm những di-tích của Eleusis và Delphes cũng như cảnh điêu-tàn ở Bustrinto của nước Albanie. Tôi đã ngừng chân ở Sélinonte miền Sicile. Đã từng biết Pompéi, tôi chỉ mong xem lại Hercule-num. Tôi đã trèo lên mồm đá Cumes trên hang của Sybille? Tôi đã đến Paestum và miền Posidonia cô-kính. Tôi chỉ còn muốn đi ngược lên miền Bắc để thăm Ostie — Norba — Vetulonie và Populonies.

Những thị-trấn chết ! ! ! Tôi không dám nói là đã xem hết, nhưng có thể tự-phụ đã qua tất cả nơi danh-tiếng nhất. Những thầy ma gạch đá của những lò người này hấp-dẫn tôi vô cùng. còn có phần đẹp hơn những thủ-đô quá tầm-thường hiện giờ, đây rầy một giống rồi bọ của ngày mai. Những hàng cột cụt ngùn không có gì nâng-dỡ ở trên gì cả. Nóc mái của những đền thiêng, dài-cổ đã được tay thể bẻ i mây trời. Ánh nắng vì thế mà len-lỏi vào được hăm sâu và đáy thăm ở phía dưới. Nhà cửa xưa kia giờ chỉ còn để lại những mảnh tường tơi-tả. Cung-diện, dinh-thự, không còn ai trú-ngụ, tất cả chỉ là tro, bụi và yên-lặng. Trên gạch đá nứt-nở, rời-rạc của đường phố, còn đâu là những nhân-vật oanh-liệt của một giống nòi chủ-tề đất-dai.

Ta chỉ còn nom thấy những đoàn người khảo-cổ, đào bới, du-ngoạn, họ đúng là đầy tớ cái chết, tình-nhân cái chết. Trong những gian phòng xưa kia vang động cười vui hay nỉ-non ân-ái, bây giờ mưa trút dầm-dề. Những sảnh đường, khách-thính đã biến thành chỗ cho thần-lẫn bò cạp phơi mình sưởi nắng. Trạch-các, hoàng-cung bây giờ chỉ có cú, diều xây tổ, trú-ngụ vào ra.

Những mảnh quá-khứ này, những kinh-dô của khoái-lạc và kiêu-xa này đã biến thành vách tường đổ nát, cỏ rêu phủ kín, chúng đã từng làm cho nhiều người thương-cảm. Nhưng tôi không? Tôi ư hủy-hoại và bạo-tàn nên tôi rất say-sưa và thú-vị trong những khung-cảnh hoang-phế này. Đôi khi tôi cảm thấy kiêu-hãnh vì thấy mình đang sống giữa một cảnh đang chết. Đôi khi tôi cảm thấy thú-vị trong những tình-cảm sa-đọa. Tôi nghĩ các thành-phố hiện giờ của ta rồi cũng sẽ điêu-tàn và lòng kiêu-ngạo của ta cũng lụn-nát. Nhưng vẫn như mọi khi, lần này tâm-trí của tôi cũng có diêm khác thường: tôi ư Palmyre hơn Londres.

Những thị-trấn hoang-tàn này, mới từ dưới đất lên, đẹp và vui hơn những thành-phố sống nhiều. Nhờ trí-tượng của ta xây-dựng lại, bù-đắp thêm, chúng có vẻ oai-hùng và hoàn-mỹ hơn. Đối với tôi, chỉ cái gì đang dở hay sắp bị hủy-hoại mới có vẻ đẹp dị-thường. Cái chết là một thứ men say mạnh đối với kẻ nào biết rằng ai cũng phải chết.

Hôm tôi đến Paestum, trời đầy bão tố. Nhưng trong một khoảnh-khắc, tôi đã được nhìn thấy sự huy-hoàng và linh động của đời cổ Hy-lạp. Dưới ánh nắng mặt trời, đền thờ thần Neptune với những cây cột hùng-vĩ màu mặt

ông đã bị nhuộm ố bởi hàng bao thế-kỷ. Toà nhà mờ của đảng thiên-thần muốn xưa này đặt giữa cỏ hoa, núi xa và biển rộng có vẻ linh-dộng và tráng-lệ hơn cả thiên-nhiên. Gần đó có một thiếu-nữ rất đẹp da nâu, mắt huyền như bà chúa đêm, làm tôi tưởng như tử-thần đang hiện-hiện.



Đến chơi với Lénine

Mạc-tư-Khoa ngày 3 tháng 7

Tôi phải vất-vả vận-dộng gần một tháng mới thành-công. Đến Nga chỉ để được biết con người ấy, tôi nhất quyết không bao giờ bỏ đất này, nếu chưa được nghe ông ta nói. Đối với tôi, trong thế-giới chỉ có ba hay bốn người xứng-đáng cho ta lắng tai nghe. Muốn đến gần ông ta tôi đã mất ngót 20.000 Mỹ-kim để mua quà biếu vợ ông, các uỷ-viên sô-viết, dứt lốt cho Hồng-quân, và tặng-cấp cho các cô-nhi-viện.

Tuy vậy, tôi không hề hối tiếc vì tôi được người ta cho biết rằng: Vladimir Ilich (Lénine) đang đau-ốm mệt-mỏi và chỉ có thể tiếp được những người thân-tín thôi. Ông đã rời Mạc-tư-Khoa về sống ở một làng lân-cận trong một tòa lâu-đài cổ, trước cửa có một vòng cột trắng hình bán nguyệt. Chiều thứ sáu, sau khi đã vượt được hết mọi trở-lực, tôi được báo bằng điện-thoại rằng Lénine đợi tôi ngày chủ-nhật. Người ta đã nói với ông rằng số tư-bản của tôi có thể giúp kế-hoạch Nep của ông trong những khó-khăn ban đầu, vì thế ông bằng lòng tiếp-kiến tôi.

Tôi được bà vợ ông đón tiếp, một thiếu-phụ mập-mạp và trầm-tĩnh. Bà nhìn tôi như một nữ y-tá nhìn một bệnh-nhân

mới. Lénine đang ngồi trước một cái bàn to đầy những tờ tranh rộng lớn, giữa cái hiên nhỏ. Tôi có cảm tưởng ông là một người tử-tội được phép hưởng những ao-ước ngu-ngơ tối-hậu của giờ tận số.

Cái đầu quen thuộc đầy vẻ Mông-cô của ông hình như bị tạc trong một thứ pho-mát khô nhưng mềm. Giữa cặp môi ghê-tởm của ông, lộ ra hai hàm răng thâm-khốc như răng người chết. Ông có một hộp sọ lớn bóng nhẵn giống như một cái bình mọi gọt trong xương đầu-lâu của một quái-vật hóa-thạch. Cặp mắt chim, cô-độc, giả dối, dò xét của ông hấp-háy đằng sau đôi lớp da mi có vằn máu. Ông đang mân-mê một cây viết chì bạc trong đôi tay nông-dân thô-kịch và khỏe-mạnh, nhưng gầy xác như gần chết. Tôi quên sao được hai vành tai ngà cứ vênh ra ngoài như muốn thu nhặt lấy những âm-vang cuối cùng của thế-giới trước cái im-lặng vĩ-đại cuối chót của cuộc đời.

Những phút đầu trong cuộc hội-kiến thật là nặng-nề. Lénine ráng sức dò xét tôi một cách lơ-dãng như người ta làm trọn một nhiệm-vụ cuối-cùng từ nay người ta sẽ không nghĩ tới nữa. Trước vẻ mặt vàng như nghệ và mệt-mỏi này, tôi không còn can-dảm đề nhắc lại những câu đặt sẵn cho cuộc phỏng-vấn. Tôi áp-úng vu-vơ một câu chúc-tụng về công-nghiệp vĩ-đại của ông ở Nga-Sô. Lúc đó nét mặt hấp-hối của ông nhăn-nheo lại như ma, thoáng nở một nụ cười chế-ngạo gay-gắt.

Lénine bỗng nói to trong một cơn hùng-biến bất ngờ:

— Tất cả đã xong xuôi, tất cả đã rồi trước khi chúng ta tới. Những

người ngoại-quốc và những người ngu cho rằng chúng tôi đã tạo được cái gì mới-mẻ ở đây. Họ đã nghĩ lầm như bọn tư-sản mù-quáng ! Đảng Bolchevik chỉ có việc thừa - nhận, áp - dụng và phát-triển một chế-độ do Nga-hoàng thiết-lập. Chế-độ độc nhất này đã rất thích-hợp cho người Nga.

Với hàng trăm triệu dân ngu này, người ta chỉ có thể cai-trị bằng gậy-gộc, gián-điệp, mật-vụ, khủng-bố, máy chém, toà-án, khổ-sai, tội-đồ và hành-hạ. Chúng tôi vẫn phải dùng những hình-thức cũ đó. Duy có điều là chúng tôi đã thay đổi giai-cấp thống-trị cũ đi. Ngày xưa chỉ có 60.000 người quý-tộc và chừng 40.000 thư-lại, tổng-cộng là 100.000 người ở địa-vị thống-trị. Bây giờ chúng tôi có tới trình-độ 2.000.000 dân vô-sản và đảng-viên cộng-sản. Đó là một tiến-bộ lớn vì số người được ưu-đãi bây giờ nhiều gấp mười. Tuy vậy vẫn còn 98 % dân-chúng không được hưởng gì trong cuộc cải-cách này. Họ không hề được lợi mảy-may gì. Đó chính là điều mà chúng tôi cần, điều mà tôi mong muốn, một điều không thể nào tránh được.

Và Lénine cười thầm như một anh lái gian-lận đang vui-vẻ nhìn trộm sau lưng người khách hàng đã bị mình lừa gạt. Tôi hỏi một cách khó chịu :

— Thế còn Marx, văn-minh tiến-bộ và những thứ khác ?

Lénine nhìn tôi kinh ngạc, trả lời :

— Vì sẽ không có ai tin ông, vì ông là một người ngoại-quốc có thể lực, nên tôi xin trả lời một cách thẳng thắn như thế này. Chính Marx đã dạy chúng ta rằng lý-thuyết chỉ có giá-trị giả - tạo thuần - túy của một dụng-cụ,

một lợi-khí. Tôi phải chọn chế-độ cộng-sản để đạt tới mục-đích chân-chính của tôi là do tình-trạng giữa Nga-sô và Âu-châu. Ở một nơi khác và thời gian khác, tôi sẽ chọn chế-độ khác. Marx chỉ là một tên Do-Thái tư-sản ngồi chễm-chệ trên những thống-kê Ăng-Lê. Chính Marx là kẻ đã thâm thán-phục chế-độ kỹ-nghệ. Ông chỉ là con người bất-toàn, mới được 1/3 nhân-tính, ông còn thiếu nhiều tính-chất man-rợ. Marx chỉ là một bộ óc ướt đầm rượu bia và ảnh-hưởng của Hégel, đôi khi được Engels tiêm cho vài ý-kiến xuất-chúng. Cách-mạng Nga đã cải-chính hoàn-toàn những điều tiên-đoán của Engels. Thuyết Cộng-Sản nay đã chẳng toàn-thắng ở một nước không có tư-bản như nước Nga là gì đó ?

Ông Gog này, loài người ta chỉ là một lũ mọi nhút-nhát cần phải được một tên mọi vô-lương như tôi đây cai-trị. Còn các việc khác chỉ là câu chuyện nhằm, văn-chương láo, triết-lý hão, những kiểu âm-nhạc dề ru ngủ những người điên. Nhưng « mọi rợ » thì có khác gì « tội phạm » vì thế nên lý-tưởng tối-cao của một chính-phủ là phải làm thế nào cho cả nước giống như một nhà tù. Tổ-chức lao-lý catorga xưa kia của Nga-hoàng là một điếm khôn-ngoa và tối-tàn nhất. Nếu nghĩ kỹ thì ông sẽ thấy cuộc đời tù-tội là cuộc đời xứng-hợp nhất cho con người. Không có tự-do thì mọi người sẽ khỏi phải chịu những nguy-hiểm và phiền-phức của những người gánh trách-nhiệm. Như thế, con người sẽ không làm nhiều điều nguy-hại. Bước chân vào tù thì con người sẽ bắt-buộc phải sống một cuộc đời vô-tội, trong-sạch. Ở tù là khỏi phải lo-âu bận-rộn

vì đã có những người khác suy-nghĩ và điều-khiển thay ta. Tù-nhân phải làm nhiều việc cực-nhọc cho tâm-thân, nhưng được nghỉ-ngơi trong tâm-khảm. Họ chắc-chắn được ăn ngủ hoặc không làm việc hoặc bị đau-ốm. Hẳn không có những lo-lắng về cơm ăn, áo mặc hằng ngày như những người tự-do. Tôi có mộng-trưởng biển nước Nga này thành một ngục-thất vĩ-dại. Ông đừng cho là tôi ích-kỷ : trong chế-độ lao-tù chính những kẻ khốn cùng nhất lại trở thành cai ngục hay giám ngục.

Lénine bỗng ngừng nói, ông ngắm một bức tranh trước mặt. Trong đó hình như có vẽ một cung điện cao như một cây tháp chung-quanh có khoét cửa sổ tròn. Tôi đánh bạo hỏi thêm:

— Thế còn nông-dân ?

— Nông-dân khả-ố lắm, Lénine trả lời và nhăn mặt lại, ghê-tởm. Tôi ghét người nông-dân đã bị nhà văn Âu-hóa Tourguenief và nhà tiểu-thuyết giả đạo-đức Tolstoi lý-tưởng-hóa. Nông-dân tượng-trưng tất cả cái gì mà tôi ghê-tởm : quá-khú, tôn-giáo, tà-đạo, dị-doan và lao-động. Tôi phải ủng-hộ và bỏ-dỡ họ nhưng tôi cũng thù ghét họ. Tôi muốn nom thấy họ bị tiêu-diệt đến cùng. Đối với tôi, một người thợ máy tốt bằng 100.000 anh nông-dân.

Tôi hy-vọng rằng sau này chúng ta sẽ sống được nhờ thức-ăn sản-xuất bằng máy-móc trong vài phút ở những phòng thí-nghiệm hóa-học và chúng ta sẽ có thể trừ bỏ hết lớp nông-dân vô-dụng. Hoặc họ sẽ phải biến thành thợ-thuyền, hoặc họ sẽ chết đói. Thật là một điều đáng thẹn và cũ rích như thời-kỳ tiền-sử, khi còn phải sống nhờ thiên-nhiên.

Ông nên nhớ rằng chủ-nghĩa bolchevik đại-diện cho một cuộc chiến-tranh ba mặt : chiến-tranh của những người khoa-học tàn-bạo chống với tụi trí-thức thối-nát, chiến-tranh giữa Đông và Tây, chiến-tranh giữa thành-phố và thôn-quê.

Chúng ta sẽ không nghĩ-ngợi bản-khoản trong việc chọn lựa khí-giới nữa. Cá-nhân con người sẽ bị tiêu-hủy. Nhân-vị chỉ là một điều do mấy triết-gia Hy-lạp lười-biếng rảnh-rang hay vài nhà tư-tưởng Đức mơ-mộng viển-vông bày-đặt ra. Kẻ nào chống lại tôi sẽ bị cắt đi như một cái nhọt độc. Máu sẽ chảy thành một thứ phân bón thiên-nhiên tuyệt tốt.

Ông đừng tưởng rằng tôi độc-ác. Tôi chán ghét những cuộc xử bắn hay treo cổ mà tôi đã ra lệnh. Tôi căm-thù nạn-nhân của tôi vì họ bắt-buộc tôi phải giết họ. Nhưng tôi không biết làm gì khác hơn : tôi muốn được làm tổng giám-đốc một trại hồi-cải khuôn-mẫu, một nhà tù yên-ôn và tổ-chức khéo. Nhưng mà ở các khám-đường thường có bọn tù-nhân khó dạy, đáng lo-ngại, những kẻ sĩ-mê một cách ngu-dại về những lý-tưởng cũ-rích, những tư-tưởng chết người. Cả bọn họ sẽ bị tiêu-diệt. Tôi không thể để cho vài ngàn người có bệnh làm hại hạnh-phúc của biết bao triệu người khác. Và chẳng từ ngàn xưa, trích-huyết là một lối trị bệnh rất tốt.

Thật là thú-vị khi cảm thấy mình làm chủ cái sống và cái chết. Từ khi đăng thượng-đế cũ-kỹ, lỗi-thời đã bị khai-tử ở Pháp hay Đức, con người chúng ta đã được nhiều điều hài lòng. Tôi là một ông trời con, một vị thần địa-phương giữa Âu và Á, tôi cũng

có thể đòi hỏi vài sự khoái-chí nhỏ nhỏ chứ. Một vài bí-quyết của khoái-lạc đã bị mất từ khi những đạo ngoại đã bị suy đồi. Tuy thế, ta nên nhớ giết người cũng có điểm tốt: nó là một tượng-trưng đầy ý-nghĩa sâu-xa, một cách giáo-hóa cao cả, một nguồn vui trong lành. Thay vì nghe những bài hát lễ của giáo-đồ, ta sẽ được nghe thấy những tiếng thét của tù-nhân sắp chết.

LỜI CÁO LỖI

Vì có nhiều bài căn dặn nên trong số này chúng tôi tạm gác lại số sau cái bài « Chết - độ dân chủ cổ-diễn » (Rút — Sô với bộ Dân-ước-luận) của Hoàng-minh-Tuynh, cái mục « B.K. đọc thay các bạn » « nói có sách, mách có chứng ». Xin cáo lỗi cùng độc-giả.

BÁCH-KHOA

Điệu nhạc vui này còn hay hơn biết bao nhiêu hợp-tấu Beethoven. Nó là bài thánh-ca báo-hiệu một thời hoan-lạc sắp tới.»

Lúc này hình như Lénine đang ngoảnh bộ mặt vừa nát như xác chết về phía trước để nghe một điệu nhạc êm-dềm và thiêng liêng (mà chỉ ông mới nghe thấy). Nhưng bà Krupskaja, vợ ông xịch tới báo cho tôi biết rằng ông mệt, và cần nghỉ-ngơi. Tôi bước ra ngay. Đã tiêu mất gần 20.000 Mỹ-kim để thấy nhân-vật này, nhưng quả thật tôi đã không ném tiền qua cửa sổ.

NGUYỄN-ĐỨC-AN

★ Truyện con bò con của con bò lang.

TRỌNG-CUNG đồng thời với **Không-Tử** là người có tài đức, xứng-dáng giữ một trọng-trách. Nhà cầm quyền thời bấy giờ không chịu dùng ông chỉ vì lẽ cha ông là người xấu nết. Khi nói về Trọng-Cung, Không-Tử dùng thí-dụ sau đây để bênh-vực ông:

« Con bò con của con bò lang, tuy có sắc lông đỏ và cặp sừng đẹp mà người ta không chịu dùng nó để tế thần, chỉ bởi tại mẹ nó (hoặc cha nó) lang; nhưng thần sông, thần núi có bỏ mà không hưởng nó đâu!

★ Thị-hiệu của người đời

CHÚC-ĐÀ làm quan đại-phu, giữ việc chúc-tụng trong các cuộc hành-lễ tại Tôn-miếu nước Vệ, và **Tổng-Triều** là con trai vua chư-hầu nước Tống là hai kẻ xu-nịnh có tiếng lại có sắc-diện đẹp-để nên được người đời bấy giờ ưa thích lắm. Không-Tử thấy người đời **Xuân-Thu** chỉ thích kẻ xu-nịnh và ưa kẻ diêm-dứa nên than rằng:

« Nếu không có cái tài nịnh hót của Chúc-Đà và cái vẻ mỹ-miệu của công-lữ Triều nước Tống thì khó mà tránh khỏi người đời nay ghét bỏ! »

NHẬT GIA

TÙ-VU

Bản dịch của VI-HUYỀN-ĐẮC

TÓM TẮT NHỮNG KỲ TRƯỚC : Đại gia-đình họ Lâm ở Hàng-Châu chung sống với nhau nhưng tư-tưởng bất đồng. Trung-Nhật chiến-tranh họ phải tản-cư xuống Thượng-Hải và đã sang được một căn nhà. Tin quê nhà bị cướp phá không làm cho họ đổi nếp sống xưa là bài-bạc xa xỉ. Duy có Lâm tiên-sinh rất lo-lắng vì tuy ông đã tìm được sở làm nhưng lương không đủ chi-tiêu mà tiền mang theo đã gần cạn.

LÂM tiên-sinh vẫn lo-lắng cho cái ngày mai đen tối của gia-đình. Ông thấy phải tìm ngay một giải-pháp để cứu-vãn tình-thế.

Thì đây, ông đã tìm ra được cái biện-pháp này, ông đem tám ngàn đồng bạc của số tiền tồn-khoản của gia-đình, đi mua « ngoại-hối », đó là một thứ trái-khoản có sinh-tức, tùy theo thị-giá của ngân-trường. Như vậy, ông tin rằng đáng lẽ số tiền chỉ nằm chết đi ở ngân-hàng có thể ra may mà đem lại một số lãi để thêm cấp vào sự chi-tiêu. Ông chỉ còn giữ lại có hơn một ngàn đồng ở nhà thôi. Nhưng, việc này, trước khi làm, ông không bàn-tính với Cụ ông hay với hai cậu em ông, vì một lẽ rất giản-dị, ông sợ, một là người nhà gàn-quải, lắm người tật-nhiều mồm, nhiều ý-hiến ; hai là ông e người nhà dựa vào chỗ đồng tiền dồi-dào thì lại tiêu bừa, xài-phí. Ông chỉ bàn với bà ấy thôi, mà bà ấy lại căn-dặn ông chớ có cho người nhà hay biết gì hết.

Một ngày kia, số tiền hơn một ngàn bạc để tiêu ở nhà vừa hết, Cụ ông bèn một chi-phiếu cho cậu Ba ra nhà ngân-hàng lấy tiền, thì nhà ngân-hàng từ-chối không chịu trả và nói số tiền gửi đã lấy ra hết.

Cậu Ba nghi-hoặc mà nói với Cụ ông rằng có lẽ ông Hai đã tiêu ráo cả số tồn-khoản của gia-đình hay vì không muốn cho gia-đình được tiêu-phá gì nữa, mà đem tiền đi gửi ở một nơi khác. Cụ ông đâm phân-vân nghĩ-ngợi. Cụ tự bảo :

— Không, xưa nay, nhà Hai nó là người cần-thận, không có lý nào nó lại đem tiền của nhà đi tiêu hết, nhất-định không phải vậy. Bảo rằng nó định-tâm không cho mình động tới tiền nữa cũng không phải nốt ; thế thôi, chỉ có mỗi một lẽ, là nó đã rút hết tiền ở nhà ngân-hàng này ra, và đem gửi ở một nhà khác...

Cụ càng nghĩ, cụ càng thấy giận ông con, thứ nhất cụ đương muốn đi đến nhà các cụ bạn đánh bài mà tiền lưng không có lấy một đồng nào. Cụ đành

phải ngồi nhà, giam mình trong cái phòng-khách này thì có tức hay không. Thế rồi, cậu Ba cứ ở bên cạnh cụ, nói ra, nói vào; cậu dẫn ra đủ các chứng-cớ để nại sự vô-lương-tâm, sự tàn-nhẫn của ông anh. Những lời châm-biếm của cậu Ba làm cho Cụ ông càng nhận thấy rõ sự thất-kính, sự vô-lễ của con-cái và sự tôn-nghiêm của bậc cha mẹ đã bị thất-khứ, bị suy-giảm đi vậy. Ngoài ra, nhìn đến tương-lai, cụ thấy nó vô cùng đen-tối và nguy-hiêm. Bởi vậy, cụ thấy không thể nào nhẫn nổi, nên khi Lâm tiền-sinh vừa đi làm về, ông vừa chực đi thẳng lên lầu, cụ liền gọi giật ông lại. Cụ nói:

— Thiệt là «vận-bạch» !

Hai tiếng ấy đầy vẻ nghiêm-nghị, mà cái giọng lại vô cùng khắc-khò nên nó làm cho ông con cụ rất đổi kinh-ngạc; đã bao lâu nay, ông chưa hề nghe thấy cái thanh-âm nghiệt-ngũ đó.

Lâm tiền-sinh quay xuống đi ra khách-đường; trong khi đó, cậu Ba lẳng-lặng, lui vào nhà trống, đi ra phố. Cụ ông nhìn ông Hai chăm-chăm, không chớp mắt.

Ông Hai nói :

— Thưa ba, có việc gì kia đấy ạ ?

Cụ hỏi :

— Tại sao con lại rút hết tiền ở nhà ngân - hàng ra, là thế nào ?

Cụ vẫn nhìn ông và cụ lại hỏi:

— Số tiền ấy hiện ở đâu ?

Ông chưa kịp đáp, cụ lại bảo :

— Con thử nghĩ lại xem, cái việc của con đã làm, thiệt là quái - gở !

Liệu con có còn coi cha, coi mẹ là người nào nữa không ? Bởi chưng cha mẹ đã già-nua, nên mới phải cậy tới con, vì con là lớn nhất, để liệu-lý việc nhà, không lẽ con lại phụ lòng tin-cần của cả nhà ư ?

Thiệt tình, từ khi ông Hai quản-lý sự chi-tiêu của gia-đình, lần này là lần đầu tiên, ông bị Cụ ông quở-trách. Ông cũng không hiểu có-sự ở đâu mà ra. Ông rất đổi nghi cho thằng chú Ba đã ton-hót gì với cụ, chẳng có thể, sao lúc ông bị cụ gọi vào khách-đường nó lại lui ra. Nhất-định là nó đã nói dài, nói ngắn gì với cụ đây, chứ chẳng sai.

Ông nói:

— Thưa ba, có điều gì xin ba cứ dạy thẳng ngay con, chứ ba chớ có nghe thằng chú Ba...

Cụ ông nói :

— Ta nghe gì thằng chú Ba ?

Cụ dừng lại một tí rồi cụ nói tiếp:

— Có phải anh định cắt phần của ba, anh không cho ba động tới một đồng, một chữ nào nữa phải không ?

Ông Hai không thể nhẫn được, ông liền đáp :

— Ấy chết ! Sao ba lại dạy thế ? Con giữ gìn đồng tiền, là giữ gìn cho cả nhà.... Nếu ba không tin con nữa, con xin giao hết cả tồn-khoản lại cho ba... Tiền còn nguyên-vẹn, đủ đồng, đủ chữ, xin ba cứ yên-lâm.

Ông Hai nói xong, bỏ đó đi lên thẳng trên lầu. Bà Hai đã đứng ở cửa phòng, và bà đã nghe rõ cả đầu đuôi; khi nghe thấy tiếng chân của ông ở cầu

thang, bà lẹ-làng lùi vào trong phòng rồi bước ra đề đón ông. Bà hỏi ông:

— Cái gì thế cậu? Đã có việc gì lôi-thôi với cụ ông đấy?

Ông không đáp, đi thẳng vào trong buồng, ngồi phịch xuống sô-pha, rút thuốc hút, chẳng nói, chẳng rằng.

Một lát lâu sau, bà mới nói:

— Cậu ạ! hà tất phải giận-dữ làm gì. Ba đã già rồi, không nên thế... Chỉ có một cách là nếu Cụ không tin-cần mình thì việc gì mình cứ bo-bo ôm lấy cái gia-vụ này làm gì cho nó nhọc xác, khổ thân!

Vì bà Hai cũng đã rõ, cái việc mua trái-khoản của ngoại-hối nó cũng chẳng chắc bằng gì, mà lời-lãi cũng chẳng được là bao mà lỡ rã, bao nhiêu trách-nhiệm đều đổ lên đầu hai vợ chồng. Bà không thấy ông nói gì, bà lại bảo:

— Em thiết-tưởng, sáng sớm mai, cậu nên đem cả cái số tám ngàn đồng bạc ấy, trả lại cho ba, rồi ba muốn làm gì ba làm. Thế rồi, chúng mình dọn đi nơi khác mà ở.

Ông Hai vẫn không nói gì, bà Hai lại nói:

— Thiết-tình, cái không-khí của cái cự gia-đình khó thở lắm. Cậu không biết, chứ bao nhiêu bạn-hữu của em, họ đều kêu em già hẩm đi đấy. Em cứ định bụng bàn với cậu đề ta đi ở riêng ra, ta nhất định phải tổ-chức lại cái tiểu gia-đình của ta mà sống, nhưng em cứ e-ngại cậu còn muốn làm một người con hoàn-toàn hiếu-thuận nên em trù-trừ, không dám hé răng.... Bây giờ, cậu đã rõ cả nhà, cả nhà có căn mình đâu, ba lại dẫn-vật

cậu, thế thì mình cứ cố đấm ăn xôi làm gì... mình dọn ra ngoài ở, đề cho cả nhà được thông-thả, tự-nhiên, tự-tại; ai muốn ngang, thì ngang; ai muốn dọc, thì dọc; chứ mình còn ở đây thì cứ y như mình cầm cân, nẩy mực, mình bo-thiết, mình ngăn-cấm người này, người kia, không cho họ làm cái này, cái khác, khó chịu lắm... Cậu nghe em, ta dọn ra ngoài mà ở, là hơn cả.

Không rõ, trong những lời bà vừa thốt ra, có lời nào đã làm xúc-động tới thâm-tâm của ông, nên ông nói một cách nhát-nheo:

— Chia đôi ra làm hai sở thì lại càng tốn-phí hơn, một nồi, một bếp còn khó-khăn thay, nữa là chia hai ra...

Bà ngồi xích lại bên ông, bà nói:

— ... nhưng nó đã thanh-thỏa bao nhiêu về về phần tinh-thần!

Ông nói:

— Ừ, mình dọn đi lại đem cả ba đứa nhỏ đi, rồi làm sao... Ông nói tới đó thì dừng lại, không nói một câu.

Bà nói:

— Không lo, cậu ạ!... cái số tiền đặt lãi ở ngoại-hối đã có được mấy ngàn đồng tiền lời đấy, ta chỉ trả lại Ba cái số vốn tám ngàn đó thôi, còn ta giữ lại số tiền lời đề làm lưng-vốn, ta sẽ nỗ-lực xoay-sở, chạy-vạy, không sợ gì hết, em còn có cách, cậu đừng lo.....

Ông vội đáp:

— Ừ ừ... cái số lãi đó là do số vốn của gia-đình làm ra, mình khấu lấy, sao tiện?

Bà nói :

— Cậu rõ lần-thần lắm !

Vấn đã hay rằng cái lãi đó do cái vốn kia làm ra, nhưng nếu mình cứ để tiền nằm chết đi ở ngân-hàng như trước thì làm gì cho ra lãi, mình có đem đặt lãi ở ngoại-hối nó mới sinh-tức chứ... Cậu không nhớ sao, cả nhà đã yên-trí rằng cậu đã tàu-tán ráo cả số vốn rồi, vậy nay cậu đem đủ cả số vốn trả lại cho cả nhà, cả nhà cũng mừng rơn lên rồi, cậu nghe em, cứ đưa ba tám ngàn đồng bạc vốn là yên chuyện lắm rồi. Mới lại, cậu ơi, cậu có đưa thêm ra bao nhiêu cũng bằng thừa, và chỉ tốn đề cho cái nhà chú Ba, chú ấy phá-tán, chứ cũng chẳng ích gì cho gia-đình. Không những thế, cả nhà chẳng ai chịu nghĩ tới làm ăn, buôn-bán gì hết, thì tiền của có là núi, rồi cũng phải hết. Bởi vậy, mình phải coi chừng mà lo-liệu làm ăn thế nào cho khấm-khà lên, chứ với cái cung-cách đó, cậu còn phải đóng cái vai hiếu-tử còn lâu, chứ đã xong cho đâu.

Lâm tiên-sinh vẫn ngồi lặng-thình, hai mắt đăm-đăm nhìn ra xa.

Bà lại nói :

— Cậu ạ, em còn mấy món nữ-trang đây, nó cũng đáng giá, ta sẽ thêm vào làm một số vốn... Mấy hôm trước đây, em có một người bạn học rủ em chung vốn để mở một trường tiểu-học, em cũng đã định bán số nữ-trang đó đi để lấy tiền hùn phần.

— Mở trường tiểu-học à ?

— Vâng ! Hiện trong lúc này, mở trường tư nhất-định phát-tài; bây giờ Thượng-Hải đông người lắm, bao nhiêu trẻ con không có chỗ học.

Ông Hai lại lặng yên.

Bà nói tiếp :

— Nếu mình cứ ở đây, mình cứ phải quản-lý gia-vụ thì đời nào các Cụ ưng cho mình đi làm cái gì.

— Ừ, đã đành rằng em kiếm cách để sinh-nhai, nhưng rồi con cái bỏ đấy cho ai ?

— Cậu thiệt là lần-thần ! Hiện mình bỏ chúng nó cho ai ? Chúng nó không đi học ư ? Ừ, thế khi mình đã mở trường thì chúng nó sẽ học ngay ở các lớp học của trường mình mở ra chứ ! Cậu xem, có tiện biết bao không ?

Ông lại trầm-mặc, không nói gì.

Ở nhà dưới, gọi xuống ăn cơm.

Lâm tiên-sinh không ăn. Bà Hai xuống một mình.

Cụ ông vẫn còn hăm-hăm nét mặt, chưa vui. Chú Ba đi mất, không thấy trở về. Bà Hai cứ lặng-lặng ngồi cho xong bữa. Bà ăn xong, dắt con lên lầu, rồi một lát sau, bà lại trở xuống lấy cơm lên lầu cho ông Hai ăn.

(Còn nữa)

SỮA «HAI CON BÒ»

TWO COWS



FULL CREAM SWEETENED CONDENSED MILK

ĐƯỢC VIỆN PASTEUR SAIGON CHỨNG - NHẬN LÀ
MỘT THỨ SỮA CÓ ĐỦ CHẤT BÒ CHO TRẺ EM DÙNG

VIỆT - TIẾN CÔNG - THƯƠNG XÃ (V.I.T.I.C.O.)

XUẤT NHẬP - CẢNG

S. A. R. L. VN\$ 1.150.000

97, Đại-lộ Hàm-Nghĩ — 2, đường Nguyễn-văn-Sâm

55, đường De Lattre de Tassigny — SAIGON

Số ghi sổ thương-mại : 107—B. Điện-thoại 23.136—22.201

Địa-chỉ Điện-tín : VITICO SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN

- | | |
|------------------------------|------------|
| — Vỏ ruột « YOKOHAMA » | (Nhật-bồn) |
| — Xe hơi RELIANT REGAL | (Anh-Quốc) |
| — Xe máy dầu FRANCIS BARNETT | (Anh-Quốc) |
| — Sơn SISSONS BROTHERS | (Anh-Quốc) |
| — Bóng đèn OSRAM | (Đức-Quốc) |



Đừng Hộp Quẹt là BLUE BIRD
phụng-sự nên kinh-tế Quốc-Gia

Sté Indochinoise Forestière
et des Allumettes

(SIFA)

346, Bến Vân-Đồn

Đ. Thoại 21.950

Đ. Tin Forestière

ROBERT BEAU
JOAILLIER

Agent de PATEK PHILIPPE et LONGINES

153, rue Tự - Do (ex Catinat) — SAIGON

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

HÀNG RƯỢU BÌNH TÂY



DIC

Eaux de Cologne et Lotion

de

PREMIÈRE QUALITÉ



Rượu luyện-tinh hảo-hạng làm bằng rượu nếp. Các thứ nước hoa đều chế bằng rượu luyện-tinh, tốt bậc nhất hoàn-cầu, cùng các chất hoa ở bên Pháp thuộc vùng Grasse (Alpes Maritimes).

Bán sỉ và lẻ tại : 135, Pasteur — SAIGON

Bán lẻ tại khắp các nhà buôn đứng-dấn.

Các nhà buôn muốn lãnh bán (dư trả lại), do nơi Văn - Phòng Công - Ty
135, Pasteur — SAIGON

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON

36, Rue TÔN-THẮT-ĐẠM
(Ex. Chaigneau)

Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. 49

PHNOM-PENH

26, Moha Vithet Preah Bat Norodom
(Ex. Doudart de Lagrée)

Téléphone : 385 et 543
B.P. 122

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer, et à l'Etranger, notamment en A.O.F., A.E.F., Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le-Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — Océan Indien) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE
PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(Hội nặc-danh với số vốn 400.000.000 quan)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện-thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG - VIỆC NGÂN - HÀNG



**Đại - diện các Ngân - Hàng
trên thế-giới**



*Ngân-Hàng thừa-nhận do Viện
Hội - Đoái Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ: 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

Bata

**Nhà máy làm giấy
to nhất tại Việt-Nam**

CÔNG-TY BẢO HIỂM PHÁP-Á

Bảo-hiêm mọi ngành

Vốn : 105.000.000 Phạt-lăng

ASSURANCE FRANCO ASIATIQUE

Assurances toutes branches — Capital : 105.000.000

TỔNG BẢO-HIỂM CÔNG-TY

Bảo-hiêm hỏa-hoạn

Tai hại gây bởi chất nổ

Vốn : 1000 triệu phạt lăng

**Compagnie d'Assurances Générales
contre l'Incendie**

et les Exploisions

Capital : 1 Milliard de francs

**NHỮNG CÔNG-TY BẢO-HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT-ĐỘNG
LÂU NHẤT CỦA PHÁP**

Les plus anciennes et les plus importantes des sociétés françaises d'assurances

**CHI-NHÁNH
Succursale**

SAIGON : 26, Tôn - thất - Đạm (tên cũ Chaigneau) 26

**Giấy nói : 21.253 — 23.913
Tél.**



Một gói thuốc thượng hảo hạng

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

XUẤT-BẢN MỖI THÁNG HAI KỶ

DIỄN - ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA - THIẾT ĐẾN CÁC VẤN - ĐỀ
**CHÍNH - TRỊ, KINH - TẾ, VĂN - HÓA,
XÃ - HỘI.**

Chủ-nhiệm : HUỖNH - VĂN - LANG

hợp - tác cùng các bạn :

LÊ-ĐÌNH-CHÂN

TẶNG-VĂN-CHỈ

ĐỖ-TRỌNG-CHU

LÊ-THÀNH-CƯỜNG

TRẦN-LƯU-DY

LÊ-PHÁT-ĐẠT

NGUYỄN-VĂN-ĐẠT

NGUYỄN-LÊ-GIANG

PHẠM-NGỌC-THUẦN-GIAO

NGUYỄN-HỮU-HẠNH

LÊ-VĂN-HOÀNG

NGUYỄN-VĂN-KHAI

PHẠM-DUY-LÂN

NGUYỄN-QUANG-LÊ

TRẦN-LONG

BÙI-BÁ-LƯ

DƯƠNG-CHÍ-SANH

NGUYỄN-HUY-THÀNH

BÙI-KIẾN-THÀNH

HOÀNG-KHẮC-THÀNH

PHẠM-NGỌC-THẢO

BÙI-VĂN-THỊNH

NGUYỄN-TẤN-THỊNH

VŨ-NGỌC-TIẾN

VÕ-THU-TỊNH

NGUYỄN-TẤN-TRUNG

PHẠM-KIM-TƯƠNG

HOÀNG-MINH-TUYNH

BÙI-CÔNG-VĂN